

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM**

**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC:** MÔI TRƯỜNG, AN NINH VÀ AN TOÀN  
TRONG DU LỊCH

**NGHỀ:** HƯỚNG DẪN DU LỊCH, QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN,  
QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG,

**TRÌNH ĐỘ:** CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 657/QĐ-CDLTTP-ĐT ngày 23 tháng 7 năm  
2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm)*

**Đà Nẵng, năm 2019**

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

## LỜI GIỚI THIỆU

Môi trường đang là vấn đề bức xúc của toàn cầu. Hiện nay môi trường đang bị suy thoái nghiêm trọng, cụ thể là: không khí bị ô nhiễm, tầng ozon bị cạn kiệt, tình đa dạng sinh học bị đe dọa nghiêm trọng có nguy cơ mất cân bằng sinh thái ảnh hưởng đến lao động sản xuất trong nhiều lĩnh vực và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của nhân loại.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, song nguyên nhân chủ yếu nhất chính là thái độ và ý thức của con người về môi trường chưa đúng mực. Vì vậy để khắc phục thực trạng này đầu tiên cần phải thực hiện là: tăng cường đào tạo giáo dục về môi trường. Điều này được Đảng và Nhà nước xác định trong văn kiện đại hội Đảng và trong Luật bảo vệ môi trường (1993)

Song biện pháp giáo dục chỉ phát huy hết tác dụng khi có sự kết hợp giữa các biện pháp như: tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và đặc biệt là biện pháp cụ thể của các đơn vị trong quá trình lao động sản xuất xã hội, nhất là đối với các ngành khai thác và sử dụng trực tiếp tài nguyên môi trường như ngành du lịch. Ngành du lịch cần thực hiện những biện pháp cụ thể trong quá trình sản xuất như: biện pháp xử lý rác thải, xử lý nước thải để đảm bảo vệ sinh, an toàn, tăng cường sức khỏe cho du khách, nâng cao hiệu quả kinh doanh và góp phần vào mục tiêu chung bảo vệ môi trường cho nhân loại. Trong bối cảnh đó, **Giáo trình Môi trường, an ninh và an toàn trong du lịch** được biên soạn nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên Khoa kinh tế - du lịch của trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm

Giáo trình là sản phẩm từ quá trình làm việc nghiêm túc, kết hợp với sự kế thừa, tiếp thu, tham khảo nhiều tài liệu khác nhau, trong nước, ngoài nước, cùng với kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm, nhiều chương trình khác nhau, cũng như tham khảo kinh nghiệm thực tế. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những tác giả đi trước, bên cạnh đó, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các đồng nghiệp trong khoa đã tạo điều kiện, hỗ trợ tôi hoàn thành giáo trình.

Quá trình thực hiện giáo trình này, không thể tránh những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của các bạn đồng nghiệp, để chúng tôi tiếp tục điều chỉnh để hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tham gia biên soạn

1. Nguyễn Thị Minh Hào (chủ biên)
2. Lê Thị Nguyên Tâm
3. Trần Thị Thu Giang

# MỤC LỤC

	TRANG
<b>LỜI GIỚI THIỆU</b> .....	1
<b>MỤC LỤC</b> .....	2
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VÀ MÔI TRƯỜNG</b> .....	4
1. MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH .....	4
1.1. <i>Môi trường</i> .....	4
1.2. <i>Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường</i> .....	8
2. VAI TRÒ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH .....	8
2.1. <i>Môi trường tự nhiên và các hoạt động du lịch</i> .....	8
2.2. <i>Môi trường văn hóa – xã hội, nhân tạo và các hoạt động du lịch</i> .....	19
2.3. <i>Tai biến môi trường và du lịch</i> .....	23
2.4. <i>Sức tải và các hoạt động du lịch</i> .....	25
3. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH LÊN MÔI TRƯỜNG .....	28
3.1. <i>Dự báo và xu hướng phát triển du lịch</i> .....	28
3.2. <i>Tác động của các hoạt động du lịch đến môi trường</i> .....	32
4. MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	51
4.1. <i>Phát triển du lịch bền vững</i> .....	51
4.2. <i>An toàn, an ninh trong hoạt động du lịch</i> .....	54
<b>CHƯƠNG 2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH DU LỊCH- KHÁCH SẠN</b> .....	58
1. TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH DU LỊCH- KHÁCH SẠN .....	58
1.1. <i>Vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch khách sạn</i> .....	58
1.2. <i>Những tác động về môi trường của khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch</i> .....	59
2. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHÁCH SẠN VÀ CÁC CƠ SỞ KINH DOANH DU LỊCH .....	60
2.1. <i>Nguyên tắc cơ bản về quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch</i> .....	60
2.2. <i>Quản lý năng lượng</i> .....	63
2.3. <i>Quản lý nước</i> .....	65
<b>CHƯƠNG 3. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG</b> .....	68
1. MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG.....	68
1.1. <i>Môi trường không khí trong nhà hàng</i> .....	68
1.2. <i>Môi trường nước trong nhà hàng</i> .....	69
1.3. <i>Môi trường cảnh quan nhà hàng</i> .....	69
2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG .....	70

2.1. Nước thải của nhà hàng .....	70
2.2. Rác thải của nhà hàng.....	71
2.3. Khí thải của nhà hàng .....	72
2.4. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng .....	72
<b>3. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ HÀNG.....</b>	<b>72</b>
3.1. Biện pháp xử lý rác thải trong nhà hàng .....	72
3.2. Biện pháp xử lý nước thải trong nhà hàng.....	73
3.3. Biện pháp chống nóng trong nhà hàng .....	73
3.4. Biện pháp chống bụi, hơi, khói, khí độc trong nhà hàng .....	74
3.5. Các biện pháp khác .....	74
<b>CHƯƠNG 4. VỆ SINH VÀ AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG .....</b>	<b>76</b>
<b>1. VỆ SINH TRONG NHÀ HÀNG .....</b>	<b>76</b>
1.1. Sự cần thiết của vệ sinh trong nhà hàng .....	76
1.2. Yêu cầu vệ sinh trong nhà hàng .....	77
<b>2. AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG.....</b>	<b>81</b>
2.1. Khái niệm và vai trò của công tác an toàn trong nhà hàng.....	81
2.2. Hệ thống tín hiệu an toàn trong nhà hàng .....	81
2.3. Các yếu tố gây mất an toàn trong nhà hàng .....	82
<b>3. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VỆ SINH, AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG.....</b>	<b>83</b>
3.1. Phòng chống ngộ độc thực phẩm .....	83
3.2. Biện pháp phòng chống tai nạn lao động trong nhà hàng.....	85
3.3. Biện pháp phòng chống hoả hoạn trong nhà hàng .....	86
3.4. Biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong nhà hàng.....	87
3.5. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng.....	88
3.6. Các biện pháp khác đảm bảo vệ sinh và an toàn trong nhà hàng .....	89
<b>4. CÁC THỨC XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ XẢY RA TRONG NHÀ HÀNG.....</b>	<b>89</b>
4.1. Xử lý tình huống khi có hoả hoạn .....	90
4.2. Xử tình huống bị điện giật.....	90
4.3. Xử lý tai nạn đứt tay và những vết xước nhỏ .....	91
4.4. Xử lý tai nạn là những vết bỏng nhẹ .....	91
4.5. Xử lý tai nạn nghẹn thức ăn, hóc xương .....	91
4.6. Xử lý tình huống bị bong gân .....	91
4.7. Xử lý tình huống khách bị ngất, choáng.....	92
<b>HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔN HỌC .....</b>	<b>93</b>

# **GIÁO TRÌNH MÔN HỌC: MÔI TRƯỜNG, AN NINH VÀ AN TOÀN TRONG DU LỊCH**

**Mã môn học: 0815002**

## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Giới thiệu**

Chương này trình bày vấn đề chính sau: Môi trường và môi trường du lịch; Vai trò và ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động du lịch; Tác động của du lịch lên môi trường; Môi trường và sự phát triển du lịch bền vững

### **Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm và vai trò của môi trường, môi trường du lịch;
- Trình bày được các thành phần cơ bản của môi trường và các nguyên nhân cơ bản dẫn đến suy thoái môi trường;
- Trình bày được thực trạng môi trường và môi trường du lịch Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức và thực hiện bảo vệ môi trường.

### **A. NỘI DUNG**

#### **1. MÔI TRƯỜNG VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH**

##### **1.1. Môi trường**

###### **1.1.1. Khái niệm**

Về mặt thuật ngữ, theo tiếng Anh: Environment, tiếng Pháp: Environnement đều có nghĩa là cái bao quanh hay còn gọi là môi trường.

Theo tiếng Hoa thì môi trường là hoàn cảnh, cũng có nghĩa là vòng cảnh vật bao quanh.

Theo nghĩa rộng nhất thì môi trường là tập hợp các điều kiện và hiện tượng bên ngoài có ảnh hưởng tới một vật thể hoặc sự kiện. Bất cứ một vật thể, một sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến trong một môi trường.

Trong Luật Bảo vệ Môi trường đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ IV thông qua ngày 27/12/1993 như sau:

*“Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên”.*

Khái niệm chung về môi trường trên đây đã được cụ thể hoá với từng đối tượng và mục đích nghiên cứu khác nhau.

###### **1.1.2. Bản chất hệ thống của môi trường**

Các khái niệm hay định nghĩa môi trường nêu trên tuy có khác nhau về quy mô, giới hạn, thành phần môi trường ... nhưng đều thống nhất ở bản chất hệ thống của môi trường và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

Dưới ánh sáng của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, môi trường cần được hiểu như là một hệ thống. Hay nói một cách khác, môi trường mang đầy đủ các đặc tính của hệ thống được thể hiện như sau:

*a. Tính cơ cấu (cấu trúc) phức tạp*

Hệ thống môi trường (gọi tắt là hệ môi trường) bao gồm nhiều phần tử (thành phần) hợp thành. Các phần tử đó có bản chất khác nhau (tự nhiên, kinh tế, dân cư, xã hội) và bị chi phối bởi các quy luật khác nhau, đôi khi đối lập nhau.

Cơ cấu của hệ môi trường được thể hiện chủ yếu ở cơ cấu chức năng và cơ cấu thứ bậc. Theo chức năng, người ta có thể phân hệ môi trường ra vô số hệ. Tương tự như vậy, theo thứ bậc, người ta cũng có thể phân ra các hệ từ nhỏ đến lớn.

Dù theo chức năng hay theo thứ bậc, các phần tử của hệ môi trường thường xuyên tác động lẫn nhau, quy định và phụ thuộc lẫn nhau (thông qua trao đổi vật chất và năng lượng - thông tin) làm cho hệ thống tồn tại, hoạt động và phát triển. Vì vậy, mỗi một sự thay đổi, dù là rất nhỏ của mỗi phần tử của hệ môi trường đều gây ra một phản ứng dây chuyền trong toàn hệ, làm suy giảm hoặc gia tăng số lượng và chất lượng của nó.

*b. Tính động*

Hệ môi trường không phải là một hệ tĩnh mà luôn luôn thay đổi trong cấu trúc, trong quan hệ tương tác giữa các phần tử cơ cấu và trong từng phần tử cơ cấu. Bất kỳ một sự thay đổi nào của hệ đều làm cho nó lệch khỏi trạng thái cân bằng trước đó và hệ có xu hướng thiết lập trạng thái cân bằng mới. Đó là bản chất của quá trình vận động và phát triển của hệ môi trường. Vì thế cân bằng động là một đặc tính cơ bản của hệ môi trường. Đặc tính đó cần được tính đến trong hoạt động tư duy và trong tổ chức thực tiễn của con người.

*c. Tính mở*

Môi trường, dù với quy mô lớn nhỏ thế nào, cũng đều là một hệ thống mở. Các dòng vật chất, năng lượng và thông tin liên tục “chảy” trong không gian và thời gian (từ hệ lớn đến hệ nhỏ, từ hệ nhỏ đến hệ nhỏ hơn và ngược lại, từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ thế hệ này sang thế hệ nối tiếp ...). Vì thế, hệ môi trường rất nhạy cảm đối với những thay đổi từ bên ngoài, điều này lý giải vì sao các vấn đề môi trường mang tính vùng, tính toàn cầu, tính lâu dài (viễn cảnh) và nó chỉ được giải quyết bằng sự nỗ lực của toàn thể cộng đồng, bằng sự hợp tác giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới với một tầm nhìn xa, trông rộng vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

*d. Khả năng tự tổ chức và điều chỉnh*

Trong hệ môi trường, có các phần tử cơ cấu là vật chất sống (con người, sinh vật) hoặc là các sản phẩm của chúng. Các phần tử này có khả năng tự tổ chức lại các hoạt động của mình và tự điều chỉnh để thích ứng với những thay đổi bên ngoài theo quy luật tiến hoá, nhằm hướng tới trạng thái cân bằng, ổn định.

Đặc tính cơ bản này của hệ môi trường quy định tính chất, mức độ, phạm vi can thiệp của con người, đồng thời tạo mở hướng giải quyết căn bản, lâu dài cho các vấn đề môi trường cấp

bách hiện nay (tạo khả năng tự phục hồi của các tài nguyên sinh vật đã bị suy kiệt, xây dựng các hồ chứa nước và các vành đai xanh, nuôi trồng thủy hải sản ... (Nguyễn Thế Chinh và nnk,2003).

### **1.1.3. Các thành phần của môi trường**

Thành phần môi trường hết sức phức tạp, trong môi trường chứa đựng vô số các yếu tố hữu sinh và vô sinh, vì vậy khó mà diễn đạt hết các thành phần môi trường. Ở tầm vĩ mô để xét thì thành phần môi trường có thể chia ra các quyển sau đây:

#### *a. Thạch quyển (Địa quyển - Lithosphere)*

Thạch quyển hay còn được gọi là vỏ trái đất. Đây là phần rắn của trái đất có độ sâu từ 0 đến 60km tính từ mặt đất và từ 0 đến 20km tính từ đáy biển. Thạch quyển chứa đựng các yếu tố thành phần như các nguyên tố hoá học, các hợp chất rắn vô cơ và hữu cơ.

Trong thạch quyển, các vật chất vô cơ, cấu tử đất liên kết với nhau trong một không gian nhất định. Trong đó nước đóng vai trò quan trọng vì nó là dung môi cho các phản ứng sinh hoá, lý học. Thạch quyển còn là nơi cho các vi sinh vật phát triển. Sự có mặt của vi sinh vật cùng với các quá trình sống, trao đổi vật chất và năng lượng của chúng làm cho đất trở nên màu mỡ hơn. Góp phần hình thành nên các đặc tính lý hoá của các loại đất còn có sự tham gia của một số loài động vật như côn trùng (kiến, mối, giun), các loài gặm nhấm ... Thạch quyển nói chung là nơi mà nếu có sự biến động trong đó thì ít được nhận biết. Nó có khả năng tự làm sạch cao và trạng thái để đạt đến sự cân bằng giữa các yếu tố môi trường rất dễ dàng.

#### *b. Khí quyển (Atmosphere)*

Khí quyển là bộ phận quan trọng của môi trường được hình thành sớm nhất trong quá trình kiến tạo trái đất. Khí quyển là vùng nằm ngoài vỏ trái đất với chiều cao từ 0 đến 100km. Trong khí quyển tồn tại các yếu tố vật lý như nhiệt, áp suất, mưa, nắng, gió, bão ... Khí quyển chia thành nhiều tầng theo độ cao tính từ mặt đất như tầng đối lưu, tầng bình lưu, tầng trung lưu và tầng ngoại quyển, mỗi tầng có các yếu tố vật lý, hoá học khác nhau. Trong các tầng của khí quyển thì tầng đối lưu có tầm quan trọng quyết định đến môi trường toàn cầu. Tầng này có các thành phần: khoảng 79% là Nitơ, 20% Oxy, 0,93% Argon, 0,02% Neli, 0,03% Carbonic, 0,005% Heli, một ít Hydro. Ngoài ra còn có bụi, hơi nước, các vi sinh vật ... luôn hoạt động mà các quá trình vận chuyển và biến đổi của nó tuân theo các chu trình năng lượng, chu trình vật chất trong môi trường nói chung.

Trong khí quyển luôn luôn diễn ra các hiện tượng gió, bão, phản xạ, mây mưa, hiệu ứng nhà kính, suy thoái tầng ôzôn ... Nói chung khí quyển rất nhạy cảm với các biến động của môi trường.

#### *c. Thủy quyển (Hydrosphere)*

Thủy quyển là nguồn nước ở tất cả các dạng trên trái đất bao gồm nước trong không khí, trong đất, trong ao hồ, sông ngòi, đại dương, nước mưa, tuyết, băng, nước ngầm, nước trong cơ thể sinh vật ...

Tổng lượng nước trên hành tinh khoảng 1,4 tỷ km<sup>3</sup>, nhưng khoảng 97% trong đó là ở đại dương, chỉ có 3% là nước ngọt nhưng lại tập trung phần lớn ở các núi băng thuộc Bắc cực và

Nam cực. Như vậy lượng nước ngọt mà con người có thể sử dụng được chiếm tỷ lệ rất ít trong thủy quyển.

Nước là thành phần không thể thiếu được của môi trường toàn cầu và nó đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì sự sống cho sinh vật, là yếu tố quyết định đối với sự vận chuyển và trao đổi chất trong các thành phần môi trường khác. Các quá trình vận chuyển và trao đổi chất này tuân theo các quy luật nhất định. Trong thủy quyển luôn diễn ra các quá trình biến đổi vật chất và năng lượng nên nước là một trong những thành phần tạo nên vật chất và sự sống cho môi trường.

#### *d. Sinh quyển (Biosphere)*

Sinh quyển bao gồm các cơ thể sống từ vi sinh vật hoạt động đến các loại động, thực vật, kể cả con người. Trong sinh quyển, các chu trình trao đổi vật chất và năng lượng diễn ra liên tục. Các chu trình vật chất sinh - địa - hoá như: chu trình đạm, chu trình lưu huỳnh, photpho ... luôn đi đôi với với các chu trình năng lượng (năng lượng ánh sáng mặt trời và sự chuyển hoá năng lượng). Nhờ các chu trình vật chất và năng lượng mà sinh vật luôn ở trạng thái “cân bằng động” và nhờ đó mà sự sống trên trái đất luôn được duy trì và phát triển.

Thành phần của sinh quyển cũng tương tự như thành phần của các quyển khác trên trái đất nhưng gần gũi với thủy quyển bởi các tế bào sống nói chung có chứa 60-90% nước (Lê Văn Khoa, 2002).

Sự phân chia cấu trúc môi trường thành các quyển nói trên cũng rất tương đối. Thực ra trong lòng mỗi quyển đều có mặt các phần quan trọng của quyển khác và chúng bổ sung cho nhau rất chặt chẽ (Nguyễn Thế Chinh và nkk, 2003).

#### **1.1.4. Phân loại môi trường**

Tuỳ theo mục đích nghiên cứu và sử dụng, có nhiều cách phân loại môi trường khác nhau. Trong du lịch, có thể phân loại môi trường theo chức năng như sau:

##### *- Môi trường tự nhiên (Natural Environment)*

Môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố tự nhiên tồn tại khách quan ngoài ý muốn của con người nhưng ít nhiều cũng chịu tác động của con người như không khí, đất đai, nguồn nước, ánh sáng mặt trời, động thực vật ... Môi trường tự nhiên cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên và là nơi chứa đựng, đồng hoá các chất thải, cung cấp các phong cảnh đẹp để tham quan, các nguồn nước khoáng để chữa bệnh ...

##### *- Môi trường văn hoá - xã hội (Social cultural Environment)*

Môi trường văn hoá - xã hội là tổng thể các quan hệ giữa người và người tạo nên sự thuận lợi hay khó khăn cho sự tồn tại và phát triển của các cá nhân và cộng đồng loài người. Đó là những luật lệ, thể chế, cam kết, quy định, ước định, hương ước ... ở các cấp khác nhau như Liên Hiệp Quốc, hiệp hội các nước, quốc gia, tỉnh, huyện, cơ quan, làng, xã, họ tộc, gia đình, tổ nhóm, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức đoàn thể ...

Đây là môi trường giáo dục, hoạt động xã hội vì con người được cấu thành, phát triển trong mối tương tác của con người với con người và con người với những hoạt động sống trong xã hội liên quan với các dân tộc khác.

- *Môi trường nhân tạo (Artificial Environment)*

Môi trường nhân tạo là tất cả các yếu tố tự nhiên, xã hội do con người tạo nên và chịu sự chi phối của con người, làm thành những tiện nghi cho cuộc sống của con người như ô tô, máy bay, nhà ở, công sở, các khu vực đô thị, công viên nhân tạo, các khu vui chơi giải trí ... (Nguyễn Thế Chinh và nnk, 2003).

## **1.2. Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường**

Du lịch và môi trường có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau:

- Các hoạt động du lịch có quan hệ mật thiết với môi trường, khai thác tiềm năng của môi trường tự nhiên như các cảnh đẹp quyến rũ của núi, sông, biển ... và các giá trị văn hoá, nhân văn gắn liền với chúng. Do vậy, thành phần, tính đa dạng và chất lượng của môi trường có vai trò rất quan trọng đối với các hoạt động của du lịch.

- Sự phát triển của du lịch phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng môi trường và giá trị nguyên vẹn của các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hoá. Các bãi biển, núi, sông, rừng, và đa dạng sinh học của môi trường là những tài nguyên cơ bản mà nhờ vào đó ngành du lịch thịnh vượng và phát triển. Sự suy giảm của chất lượng môi trường, cho dù là tự nhiên hay nhân văn, đều có tác động rất lớn đến các hoạt động du lịch và thường dẫn đến sự suy thoái của khu du lịch.

- Trên phạm vi toàn cầu cũng như khu vực, du lịch tất yếu có những tác động quan trọng đối với môi trường. Những tác động này liên quan đến sự tiêu thụ tài nguyên, cũng như sự ô nhiễm do các chất thải phát sinh từ các hoạt động du lịch như tổ chức tham quan, phục vụ ăn ở, đi lại của du khách ...

Tuy nhiên, du lịch cũng góp phần bảo vệ và tôn tạo môi trường. Về nguyên lý, tác động tích cực của du lịch đối với môi trường thường gắn với chính sách bảo tồn, điều đó có thể tạo động lực thúc đẩy thiết lập những khu bảo tồn bởi giá trị của chúng là tài nguyên du lịch, điều này đặc biệt quan trọng ở các nước đang phát triển. Tuy vậy, trong đa số trường hợp, tác động tiêu cực của du lịch đối với môi trường thường vượt quá tác động tích cực.

## **2. VAI TRÒ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH**

Các hoạt động du lịch có mối quan hệ mật thiết với môi trường, khai thác tiềm năng của môi trường tự nhiên như các cảnh đẹp quyến rũ của núi, sông, biển ... và các giá trị văn hoá, nhân văn gắn liền với chúng. Do vậy thành phần, tính đa dạng và chất lượng của môi trường có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của du lịch. Sự suy giảm của chất lượng môi trường, cho dù là tự nhiên hay nhân văn, đều có tác động rất lớn đến các hoạt động du lịch và thường dẫn đến sự suy thoái của khu du lịch.

### **2.1. Môi trường tự nhiên và các hoạt động du lịch**

Môi trường tự nhiên trong du lịch là toàn bộ không gian lãnh thổ bao gồm môi trường đất, nước, không khí, các hệ sinh thái, hệ động thực vật trên cạn và dưới nước ... và các công trình kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên nơi tiến hành các hoạt động du lịch.

Môi trường tự nhiên có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển và đa dạng hoá các hoạt động du lịch, tạo ra tiền đề cho sự phát triển các khu du lịch. Nhiều khu du lịch nổi tiếng trên

thế giới như Gold Coast và Great Barrier Reef (Úc), Pattaya và Phuket (Thái Lan), Hawaii (Mỹ), Langkawi (Malaysia), Cancun (México) ... và ở Việt Nam như Phong Nha - Kẻ Bàng, Hạ Long - Cát Bà, Tam Đảo, Sa Pa, Đà Lạt ... là những điểm du lịch dựa trên cơ sở môi trường tự nhiên với những cảnh quan thiên nhiên quyến rũ và đặc sắc. Trước hết, các thành phần cơ bản của môi trường tự nhiên là những điều kiện cần thiết cho các hoạt động du lịch. Trong nhiều trường hợp cụ thể, một số tính chất của các thành phần này có sức hấp dẫn rất lớn du khách, do vậy chúng được trực tiếp khai thác vào mục đích kinh doanh du lịch. Các điều kiện và thành phần cơ bản của môi trường tự nhiên có tác động đáng kể nhất đối với du lịch có thể kể là vị trí địa lý, địa hình - địa mạo, thời tiết và khí hậu, nước và thủy văn và đa dạng sinh học.

### **2.1.1. Các điều kiện và thành phần cơ bản của môi trường tự nhiên và các hoạt động du lịch**

#### **a. Vị trí địa lý**

Khoảng cách từ khu du lịch đến vị trí các thị trường tiềm năng của du lịch như các đô thị lớn, các trung tâm cung cấp khách, các trung tâm trung chuyển khách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đến sự phát triển của du lịch. Theo quy luật chung, các khu du lịch, nhất là những khu vui chơi giải trí, càng gần với các thị trường tiềm năng càng thuận tiện và thu hút nhiều du khách. Khoảng cách quá xa của khu du lịch sẽ có ảnh hưởng đến khách ở ba yếu tố chính. Thứ nhất, du khách phải trả thêm tiền cho việc đi lại. Thứ hai, thời gian lưu lại ở nơi du lịch của du khách bị rút ngắn lại do du khách đã mất nhiều thời gian đi lại. Thứ ba, việc đi lại quá xa sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của du khách. Đối với những du khách đi du lịch bằng các phương tiện như ô tô, tàu hỏa hay tàu thủy thì ảnh hưởng bất lợi của khoảng cách thể hiện rất rõ nét. Ở giai đoạn hiện nay, sự phát triển không ngừng và xu hướng giảm giá của ngành hàng không có thể sẽ khắc phục phần nào những bất lợi trên đây đối với khách du lịch và đối với những khu du lịch ở cách xa thị trường tiềm năng.

Tuy nhiên, cũng có các trường hợp ngoại lệ. Trong một số trường hợp, khoảng cách lớn lại có sức hấp dẫn đối với một số du khách. Họ thường là những người có khả năng thanh toán cao và có tính hiếu kỳ vì sự tương phản và khác lạ giữa các khu du lịch xa xôi, hiểm trở và vị trí của nguồn cung cấp khách (Trần Đức Thanh, 2003).

#### **b. Địa hình**

Địa hình của một khu vực là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài, là một thành phần quan trọng của tự nhiên và là nơi diễn ra mọi hoạt động của con người. Đối với các hoạt động du lịch, đặc điểm hình thái của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng cảnh quan ở khu vực đó. Địa hình của một khu du lịch càng đa dạng, tương phản và độc đáo thì càng có sức hấp dẫn đối với du khách.

Thực tế cho thấy khách du lịch rất ưa thích những nơi có nhiều đồi núi, là những nơi vừa có sự kết hợp của nhiều dạng địa hình thể hiện được vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng của thiên nhiên, vừa có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành. Do sự phân cắt của địa hình nên địa hình đồi núi thường có tác động mạnh đến tâm lý khách du lịch dã ngoại, rất thích hợp với các loại

hình cắm trại, tham quan. Địa hình vùng đồi thường cũng là nơi có chứa nhiều di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá, lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch và tham quan theo chuyên đề (Nguyễn Minh Tuệ, 1999). Trong khi đó, địa hình vùng núi lại rất thuận lợi cho việc tổ chức các loại hình thể thao mùa đông như trượt tuyết, các môn thể thao mùa hè như leo núi. Trên thế giới, các vùng núi cao có vẻ đẹp ấn tượng và hùng vĩ như dãy núi Anpơ ở Châu Âu, Rockies ở Bắc Mỹ, Himalaya ở Châu Á, Andes ở Nam Mỹ, Atlas ở Châu Phi ... là những địa điểm có địa hình hiểm trở nhưng thu hút nhiều du khách. Nhờ có giá trị thẩm mỹ cao gắn liền với văn hóa và tôn giáo mà nhiều vùng núi cũng đã trở thành một giá trị biểu tượng đặc sắc gắn liền với địa điểm du lịch. Núi đá đỏ Uluru, một biểu tượng nổi tiếng của miền Bắc Australia, là một điển hình rõ nét nhất. Ngoài ra còn có một số địa danh nổi tiếng khác như đỉnh Evorét ở Nepal, Phú Sĩ ở Nhật Bản, Kilimanzarô ở Tanzania...

Ở nước ta, các vùng núi và cao nguyên có phong cảnh đẹp đã được phát triển và khai thác phục vụ cho mục đích du lịch như cao nguyên Lâm Viên (Lâm Đồng), Sa Pa, Bắc Hà (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Tây). Đặc biệt nhất là Đà Lạt và Sapa ở độ cao trên 1.500 m được mệnh danh là những “thành phố trong sương mù” với nhiều sắc thái vùng ôn đới đã được xây dựng thành điểm tham quan, du lịch và nghỉ mát cách đây trên 100 năm. Cao nguyên Bắc Hà, các núi Bà Vì, Mẫu Sơn, Bạch Mã, Bà Nà cũng là những điểm du lịch nổi tiếng, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp.

Trong các loại địa hình, kiểu địa hình karst (đá vôi) có giá trị đặc biệt với du lịch. Kiểu địa hình karst được tạo thành do sự lưu thông của nước mặt hay nước ngầm trong các đá dễ hoà tan (đá vôi, đolômit, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...). Một trong các kiểu địa hình karst hấp dẫn nhất đối với khách du lịch chính là karst hang động. Nhiều hang động rất dài và sâu như hệ thống hang động Flint Mamouth dài 530 km ở Mỹ, hang Optimisticceskaya dài 153 km ở Ucraina, hang Rescau Jecan Bernard sâu 1535 m ở Pháp, hang Sistema de Trave sâu 1380 m ở Tây Ban Nha. Hiện nay trên thế giới có khoảng trên 650 hang động karst đã được sử dụng cho du lịch, thu hút hàng năm khoảng 15 triệu du khách đến thăm (Nguyễn Minh Tuệ và nnk, 1999).

Nước ta có khoảng 60.000 km<sup>2</sup> đá vôi lộ ra trên bề mặt, tập trung chủ yếu từ 16° vĩ Bắc trở lên và lại nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên rất thuận lợi cho quá trình karst phát triển. Karst hầu hết được phát triển trên các loại đá vôi có tuổi và thành phần hóa học khác nhau. Cũng như các vùng karst khác trên thế giới, ở nước ta có đủ các dạng karst trên mặt lẫn các dạng karst ngầm (hang, động) có khả năng thu hút du khách.

Có thể chia các hang động ở Việt Nam thành 3 khu vực chính.

- Ở Đông Bắc, các hang chỉ phát triển theo chiều ngang và ngắn. Riêng hang Cả có chiều dài hơn 3.300m (tính cả ba tầng).
- Ngược lại, ở Tây Bắc, các hang phần lớn phát triển theo chiều thẳng đứng và phân bậc rõ rệt.
- Ở Bắc Trường Sơn, các hang hầu như chỉ phát triển theo chiều ngang và hầu hết là theo tuyến chảy của sông hiện nay.

Nhìn chung, hang động nước ta có cấu tạo phức tạp. Ở các hang lớn thường có nhiều phòng, nhiều nhánh và được thông ra ngoài bằng nhiều cửa. Tuy nhiên, cũng có hang chỉ có một phòng rộng (như hang Dơi ở Hữu Lũng, Lạng Sơn chỉ có một phòng cao 120m, dài 328m và rộng gần 200m). Về các tầng hang động, có ít nhất 5 mức cửa hang ở độ cao khác nhau (Nguyễn Quang Mỹ, Vũ Văn Phái, Đặng Văn Bào, 1998).

Các hang động ở nước ta thường nằm ở chân núi và cả ở lưng chừng núi với vẻ đẹp lộng lẫy, tráng lệ và rất kỳ ảo, có sức hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch. Bên cạnh những vẻ đẹp tự nhiên do tạo hóa sinh ra, các hang động còn chứa đựng những di tích khảo cổ học, những di tích lịch sử - văn hóa rất đặc sắc của dân tộc nên càng có giá trị để phát triển du lịch.

Ở Việt Nam có 2 công trình thiên nhiên được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới đều là các dạng địa hình karst là vịnh Hạ Long (1994) và Phong Nha - Kẻ Bàng (2003). Hai di sản này đang được khai thác và hàng năm đều đón được một số lượng khách du lịch rất lớn.

Ngoài những kiểu địa hình kể trên, các kiểu địa hình ven bờ như đại dương, biển, sông, hồ ... cũng là những tài nguyên môi trường tự nhiên có ý nghĩa rất quan trọng đối với du lịch. Các kiểu địa hình ven bờ càng có giá trị đối với du lịch nếu có các bãi cát và có thể xây dựng thành những bãi tắm, hoặc có vị trí và địa hình đáy ven bờ thuận lợi và an toàn. Địa hình ven bờ có thể được tận dụng phục vụ cho du lịch với nhiều mục đích khác nhau, từ tham quan du lịch theo chuyên đề khoa học, nghỉ ngơi, an dưỡng cho đến tắm biển, thể thao dưới nước ... Điều này giải thích vì sao hiện nay trên phạm vi toàn thế giới, tỷ lệ khách du lịch hàng năm đổ về các bãi biển không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại bờ biển đều được du khách ưa thích. Loại bờ biển có nguồn gốc từ sự ăn mòn của đá núi lửa thường tạo ra bãi cát nóng và mặt nước u tối không được ưa thích bằng những bãi biển có nguồn gốc từ đá vôi hay san hô, là những nơi có cát trắng mịn và mặt nước trong xanh, thoáng đãng (Weaver and Lawton, 2001).

Nước ta có đường bờ biển dài hơn 3.260 km với khoảng 125 bãi biển, là hạt nhân tiền đề hình thành các khu du lịch biển phân bố tương đối đồng đều từ Bắc đến Nam, trong đó có nhiều bãi tắm tốt (nhiều bãi ở dạng sơ khai, chưa bị ô nhiễm) và hệ thống đảo ven bờ từ Quảng Ninh đến Kiên Giang như một chuỗi ngọc viền quanh bờ biển, trong đó có một số đảo có giá trị du lịch.

Từ Móng Cái đến Hà Tiên có hàng loạt bãi tắm đẹp như Trà Cổ, Bãi Cháy, Đồ Sơn, Hải Thịnh, Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Đá Nhảy, Nhật Lệ, Cửa Tùng, Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô, Non Nước, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Đại Lãnh, Dốc Lết, Nha Trang, Ninh Chữ, Mũi Né, Vũng Tàu, Long Hải, Phước Hải ...

Theo đánh giá của các chuyên gia thuộc WTO, dải bờ biển có những bãi tắm đẹp nhất nước ta kéo dài liên tục từ bãi Đại Lãnh (Khánh Hoà) dưới chân đèo Cả qua vịnh Văn Phong cho đến Nha Trang, Ninh Chữ. Đây là tiềm năng to lớn, đặc biệt là vịnh Văn Phong, để tạo nên khu du lịch biển có thể cạnh tranh được với các khu du lịch biển của các nước trong khu vực (như Pattaya ở Thái Lan...).

Nhìn chung, các bãi biển ở nước ta dài, rộng, nền chắc, được cấu tạo bằng cát, độ dốc trung bình 2 - 3°. Độ mặn nước biển ở các bãi tắm đại bộ phận không vượt quá 30 ‰. Độ trong của nước biển dao động trong khoảng 0,3 - 0,5 m. Ở Đại Lãnh đạt 3-4m, còn ở Văn Phong 4-5 m. Với nguồn tài nguyên này, nước ta có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng.

Nước ta có hệ thống đảo và quần đảo phong phú. Trải dài từ vùng biển Quảng Ninh cho đến Kiên Giang gồm 9 huyện đảo, nhiều xã đảo với khoảng 18 vạn dân, hệ thống đảo ven bờ có giá trị lớn về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, trong đó có du lịch.

Về phân bố, các đảo ven bờ tập trung ở vùng biển Bắc Bộ và vịnh Thái Lan. Bốn tỉnh có nhiều đảo nhất là Quảng Ninh (2078 đảo, chiếm 74,94%), Hải Phòng (243 đảo và 8,76%), Kiên Giang (159 đảo và 5,73%), Khánh Hòa (106 đảo và 8,82%). Có giá trị nhất đối với hoạt động du lịch là đảo Phú Quốc (Kiên Giang), Cát Bà (Hải Phòng) và sau đó đến một số đảo khác.

### *c. Khí hậu và thời tiết*

Thời tiết và khí hậu là nhân tố quan trọng kiểm soát về mặt môi trường tự nhiên, ảnh hưởng đến đất đai, động thực vật và các quá trình hoạt động địa mạo. Từ thuở xa xưa, du khách đã bị cuốn hút đến những điểm du lịch có khí hậu và thời tiết đặc trưng, dễ chịu. Trước khi bắt đầu kỷ nguyên du lịch thương mại gần đây, du khách thường tìm đến những nơi có thời tiết mát và khô hơn để tránh đi cái nóng khó chịu và ẩm thấp ở một số khu đô thị lớn. Rất nhiều nước ở Châu Âu như Anh và Hà Lan đã cho xây dựng các khu nghỉ mát cao nguyên ở các nước thuộc địa của họ tại Châu Á cũng chỉ vì mục đích tương tự. Ngược lại vào mùa đông, một lượng lớn du khách lại đổ xô về những vùng du lịch có thời tiết ấm hơn để tránh cái giá rét quê nhà. Chính cái ấm đầy ấp ánh mặt trời cùng với những bãi biển trong xanh đầy cát trắng giờ đây lại trở thành những nhân tố quan trọng thu hút khách du lịch, tạo nên một trào lưu du lịch 3S (sun, sand and sea: ánh nắng, cát và biển.) vào những năm cuối thế kỷ thứ 20. Tuy nhiên, cũng có khuynh hướng ngoại lệ trong du lịch từ những nơi có khí hậu ấm áp hơn đến những vùng lạnh lẽo để tham gia các môn thể thao mùa đông như trượt tuyết, lướt ván trên tuyết, trượt xe trên tuyết ... Ví dụ như trong mùa hè, người dân Úc thích đến vùng miền núi lạnh lẽo ở Tây Bắc Mỹ (Rockies) để trượt tuyết hay lướt ván trên tuyết.

Tổ hợp của sự thay đổi theo mùa rõ rệt của các đới nhiệt độ cũng ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển và các hoạt động du lịch. Sự thay đổi này sẽ quyết định tính đa dạng của các loại hình vui chơi giải trí của khu du lịch. Trong việc đáp ứng các nhu cầu và sự thỏa mãn của du khách, khu du lịch càng có nhiều khả năng cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng càng thu hút nhiều du khách. Chẳng hạn một khu du lịch cung cấp nhiều dịch vụ như chơi gôn, cưỡi ngựa, câu cá, săn bắn, trượt tuyết, các môn thể thao dưới nước ... sẽ hấp dẫn hơn nhiều so với khu du lịch chỉ cung cấp một dịch vụ. Sự đa dạng của những dịch vụ này càng nhiều và rải đều quanh năm thì khả năng thành công của khu du lịch càng lớn.

Trong các chỉ tiêu thời tiết và khí hậu được xét đến trong du lịch, đáng chú ý nhất là hai chỉ tiêu nhiệt độ và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số chỉ tiêu khác như gió và lượng

mưa, áp suất khí quyển, thành phần lý hoá của không khí, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt (Nguyễn Minh Tuệ và nnk, 1999). Nhìn chung, những nơi có khí hậu ôn hoà thường được du khách thích nhất. Nhiều thăm dò cho thấy khách du lịch thường tránh những nơi quá lạnh, quá ẩm, hoặc quá nóng, quá khô. Về cơ bản, khí hậu á nhiệt đới có nhiệt độ vào khoảng từ 20-30<sup>0</sup> C được xem là tối ưu nhất cho du lịch 3S (sun, sand and sea). Đây là một trong những tiêu chí rất quan trọng để phát triển du lịch trên quy mô lớn đối với những điểm du lịch có thể mạnh về biển.

Theo Nguyễn Minh Tuệ và nnk (1999) thì các loại hình du lịch khác nhau thường đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. Ví dụ như khách du lịch biển thường ưa thích những điều kiện khí hậu như sau:

- Số ngày mưa phải tương đối ít vào thời vụ du lịch biển. Điều này có nghĩa là khu vực bãi biển cần có mùa du lịch tương đối khô. Mỗi ngày mưa đối với du khách là một ngày hao phí cả thời gian lẫn tiền bạc trong chuyến đi du lịch về biển và như vậy sẽ làm giảm hiệu quả của chuyến du lịch.

- Số giờ nắng trung bình trong ngày nhiều. Khách du lịch về biển thường chuộng những nơi có nhiều ánh nắng mặt trời để phơi mình trên bãi cát. Do vậy những nơi có số giờ nắng trung bình trong ngày cao thường được ưa thích và có sức thu hút mạnh mẽ đối với khách du lịch quốc tế. Điều này giải thích sức hấp dẫn đối với du khách của nhiều vùng biển như Caribe, Địa Trung Hải, bờ biển Đại Tây Dương của Tây Ban Nha, vùng biển Đông Nam Á ...

- Nhiệt độ trung bình của không khí vào ban ngày không cao lắm. Nhiệt độ vừa phải cho phép khách du lịch phơi mình ở ngoài trời để tắm nắng. Đối với khách du lịch phương Bắc nhiệt độ cao khiến họ cảm thấy rất khó chịu.

- Nhiệt độ nước biển từ 20-25<sup>0</sup> C được xem là thích hợp nhất cho các hoạt động du lịch tắm biển. Nhiệt độ dưới 20<sup>0</sup> C và trên 30<sup>0</sup> C được coi là không thích hợp. Tuy nhiên, khách du lịch từ một số nước Bắc Âu lại thích ngâm mình trong nước ở nhiệt độ khoảng 17-20<sup>0</sup>C.

Ngoài ra, điều kiện thời tiết và khí hậu còn ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc các hoạt động dịch vụ về du lịch. Những hiện tượng thời tiết khắc nghiệt đặc biệt như bão, gió mùa Đông Bắc, khô hạn, lũ lụt ... đều làm cản trở tới kế hoạch và các hoạt động của du lịch.

Ở nước ta, nhìn chung, khí hậu nhiệt đới gió mùa tương đối thích hợp với sức khỏe của con người. Khí hậu có sự phân hóa rõ rệt theo vĩ tuyến, theo mùa và theo độ cao. Biên độ nhiệt trung bình năm cao nhất không quá 15<sup>0</sup>C, từ Nha Trang trở vào chỉ khoảng 5<sup>0</sup>C, còn ở Nam Bộ chỉ khoảng 2 - 3<sup>0</sup>C. Lượng mưa trung bình 1.500 - 2.000mm. Tất cả những điều này đều có ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch của Việt Nam tùy theo vùng miền.

Phụ thuộc vào tính mùa của khí hậu, hoạt động du lịch ở nước ta có thể diễn ra quanh năm hay chỉ trong một vài tháng.

- Mùa du lịch cả năm (liên tục) chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Tại đây, du khách có thể đến bất cứ tháng nào.

- Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất ở nước ta và có thể phát triển nhiều loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch biển.

Trở ngại chính ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của nước ta là các tai biến thiên nhiên. Đó là mưa bão, gió mùa Đông Bắc trong mùa đông ở miền Bắc, gió bụi trong mùa khô, lũ lụt trong mùa mưa và một số hiện tượng thời tiết đặc biệt khác.

#### *d. Thủy văn và tài nguyên nước*

Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mưa, nước mặt và nước dưới đất. Đối với du lịch thì nguồn nước mặt có ý nghĩa rất lớn, bao gồm đại dương, biển, sông, hồ, ao, suối, thác nước, suối phun... Cảnh quan của nước giàu tính biến hoá và là nơi mà du khách thích lui tới. Nước không những tự nó có thể trở thành phong cảnh mà còn làm cho các cảnh quan khác nhờ nước mà trở nên sống động và nâng cao vị thế. Một nguồn nước mặt rộng lớn và yên tĩnh không những tạo ra một bầu không khí trong lành mà còn có tác dụng rất tốt đến sức khoẻ con người. Ngoài tác dụng ngâm tắm thông thường, nguồn nước mặt còn là một phương thuốc khá hiệu nghiệm để chữa trị stress.

Do khí hậu nhiệt đới gió mùa và nhiều nguyên nhân khác, mạng lưới sông ngòi của nước ta tuy dày đặc nhưng không có nhiều tác dụng trong việc phát triển du lịch. Có giá trị hơn cả là mạng lưới sông ngòi ở Đông bằng sông Cửu Long (để phát triển loại hình du lịch sông nước) và một vài con sông khác (như sông Hương).

Nước và thủy văn được xem như là một tài nguyên du lịch quan trọng chỉ trong những điều kiện nhất định. Đối với bơi lội, các điều kiện tiên quyết phải bao gồm chất lượng nước, nhiệt độ nước thích hợp và mặt nước tĩnh lặng nhằm tạo cảm giác thật thoải mái, dễ chịu cho du khách. Tuy nhiên, đối với du lịch lướt ván thì ngược lại, mặt nước tĩnh lặng sẽ không làm cho họ thích thú. Điều này giải thích vì sao hiện nay những bờ biển dầy sóng phía đông của Australia, Hawaii và California của Mỹ hiện đang là những điểm thu hút nhiều khách du lịch đam mê môn lướt ván. Đối với biển và đại dương, ở những khu vực hay quốc gia có các bãi biển á nhiệt đới là những nơi luôn khai thác các thế mạnh về tài nguyên du lịch nước.

Các hồ nước ngọt cũng rất hấp dẫn đối với hoạt động thể thao và giải trí ngoài trời như đi thuyền, câu cá ... Suối và thác nước cũng rất thu hút sự quan tâm của khách du lịch trong việc lựa chọn điểm du lịch. Đặc biệt các thác nước thường tạo ra nhiều sự thích thú về mặt nghệ thuật và cảm xúc cho du khách. Nhiều khi thác nước hình thành nên một trung tâm du lịch chính, và nhờ đó hàng loạt khu du lịch vệ tinh khác được thiết lập xung quanh, ví dụ như thác Niagara ở biên giới của Mỹ và Canada, thác Victoria ở biên giới giữa Zimbabwe và Zambia, thác Iguacu ở biên giới Paraguay và Brazil ...

Nước ta có nhiều hồ với nguồn gốc khác nhau. Một trong những hồ tự nhiên lớn nhất Việt Nam có giá trị du lịch là hồ Ba Bể. Hồ ở độ cao 145m trên mực nước biển, có diện tích mặt nước khoảng 500ha, dài 7km, chỗ rộng nhất là 2km, độ sâu trung bình 30m, bị thất khúc thành ba hồ nhỏ (Pé Lầm, Pé Lù, Pé Lèng) nên được gọi là Ba Bể.

Hồ nhân tạo có hai nguồn gốc: thủy điện và thủy lợi. Các hồ nước có giá trị hàng đầu đối với du lịch là hồ Hòa Bình, hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh), hồ Thác Bà (Yên Bái), hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), hồ Đồng Mô - Ngải Sơn (Hà Tây)...

Tuyết được xem như là một nhân tố tiêu cực cản trở khách du lịch đến một địa điểm du lịch nào đó. Tuy nhiên, tuyết cũng là một động lực tích cực trong điều kiện điểm du lịch có dốc núi, lượng tuyết đủ dày và chắc để khách du lịch có thể tiến hành các hoạt động thể thao trên tuyết. Nhiều khu du lịch đã phải tạo ra tuyết nhân tạo để thu hút du khách hoặc phải xây dựng những điểm du lịch ở trên núi cao để có thể kéo dài thời gian có tuyết. Những khu du lịch trượt tuyết nổi tiếng trên thế giới có thể kể là khu Whistler và Banff ở Canada, Grenoble ở Pháp, Moritz ở Thụy Sĩ ...

Trong các vai trò của tài nguyên nước đối với du lịch, cần phải nhấn mạnh đến tài nguyên nước khoáng. Nước khoáng là nước thiên nhiên, chủ yếu nằm ở dưới đất. Nước khoáng có chứa một số thành phần vật chất và tính chất đặc biệt như các nguyên tố hóa học, các khí, các nguyên tố phóng xạ, nhiệt độ cao... có tác dụng rất tốt đối với sức khỏe con người. Tắm nước khoáng nóng là một loại hình du lịch phổ biến đã có từ rất lâu. Các nguồn nước khoáng là tiền đề không thể thiếu được đối với du lịch an dưỡng và chữa bệnh. Trên thế giới, nhu cầu du lịch kết hợp với an dưỡng, chữa bệnh và dùng nước giải khát tăng lên đáng kể. Hiện nay, Iceland và New Zealand là những nước nổi tiếng với nguồn nước khoáng trị liệu chất lượng cao. Các nguồn nước khoáng nổi tiếng khác được tìm thấy ở biên giới giữa Đức và công hòa Czech và trong các dãy núi Appalachian của phía Đông nước Mỹ. Chỉ riêng ở châu Âu, tắm nước khoáng nóng trị liệu ước tính hàng năm thu hút hơn 20 triệu lượt khách (Smith & Duffy, 2003).

Để phục vụ chữa bệnh, người ta đã phân loại nước khoáng thành các nhóm chủ yếu sau đây:

- Nhóm nước khoáng cacbôníc là nhóm nước khoáng quý, có công dụng giải khát rất tốt và chữa một số bệnh như cao huyết áp, xơ vữa động mạch nhẹ các bệnh về thần kinh ngoại biên.

Tiêu biểu cho nhóm này ở nước ta là nước khoáng Vĩnh Hảo nổi tiếng từ năm 1928 đến nay với sản phẩm nước khoáng đóng chai, đã xuất sang một số nước ở Đông Nam Á.

- Nhóm nước khoáng silic có tác dụng đối với các bệnh về đường tiêu hóa, thấp khớp, phụ khoa... ở nước ta điển hình là nguồn nước khoáng Kim Bôi (Hoà Bình) và Hội Vân (Bình Định). Nước khoáng Kim Bôi nhiệt độ quanh năm tương đối ổn định là 37°C, có hàm lượng Nat ri và Can xi khá lớn, thích hợp cho việc chữa các bệnh khớp, dạ dày, viêm đại tràng. Nước khoáng Hội Vân có hàm lượng silic cao, nhiệt độ tới 79°C chữa các bệnh viêm loét dạ dày, đại tràng, cổ tử cung, điều hòa chức năng tiêu hóa...

- Nhóm nước khoáng Brôm - iốt - bo có tác dụng chữa bệnh ngoài da, thần kinh, phụ khoa... Ở Việt Nam có hai nhà nghỉ sử dụng nguồn nước khoáng này là ở Quang Hanh (Cẩm Phả, Quảng Ninh) và Tiên Lãng (Hải Phòng).

Ngoài ba nhóm nói trên còn có một số nhóm nước khoáng khác (sunfuahyđrô, asen - fluo, liti, phóng xạ,...) cũng có giá trị đối với du lịch nghỉ ngơi, chữa bệnh.

#### *e. Đa dạng sinh học*

Nói một cách ngắn gọn, đa dạng sinh học là mức độ phong phú của sự sống, là toàn bộ tài nguyên thiên nhiên do tất cả các dạng sống trên trái đất tạo nên. Đa dạng sinh học bao gồm tất cả các loài sinh vật từ bé đến lớn đang sống trên trái đất, tất cả các gen có trong các loài đó, các hệ sinh thái, các nơi sống (habitat) được tạo nên do các loài khác nhau cùng chung sống trong những điều kiện nhất định, tương tác chặt chẽ với nhau và với môi trường sống. Nói cách khác, đa dạng sinh học là thước đo tính đa dạng về gen, về loài và về các hệ sinh thái có trong một vùng nhất định nào đó hay trên toàn thế giới.

Trong tài nguyên đa dạng sinh học, động vật và thực vật hoang dã có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với giải trí và du lịch của con người. Sau những giờ làm việc mệt mỏi, nhìn những chiếc lá vàng rơi, những con chim bay lượn trên bầu trời, những con cá heo lướt trên mặt nước, phảng phất đâu đây hương thơm của một loài hoa dại... con người sẽ có được những cảm giác tươi vui và thích thú, giảm bớt những phiền muộn và căng thẳng của công việc hàng ngày.

Ở một số quốc gia, tài nguyên đa dạng sinh học đã đem lại một khoản lợi tức đáng kể cho du lịch. Tại Kenya, du lịch chủ yếu dựa trên các loài động vật hoang dã là 1 trong 3 nguồn thu ngoại tệ chính của quốc gia này. Tại Australia, sự đa dạng và tính đặc hữu cao của tài nguyên sinh học đã góp phần quan trọng giúp cho quốc gia này trở thành một trong những điểm du lịch sinh thái hàng đầu thế giới. Đất nước này có đến 93% thực vật có mạch, 45% các loài chim, 89% các loài bò sát, 93% các loài ếch nhái, 83% các loài động vật có vú là những loài đặc hữu không thể tìm thấy tại các quốc gia khác trên thế giới (IUCN, 2003). Trong đó nổi tiếng nhất là Kangaroo, Koala, gấu túi và chó hoang Dingo. Ngoài ra, sự đa dạng về hệ sinh thái của xứ sở chuột túi này cũng đã tạo nên tính phong phú cho các loại hình và các hoạt động du lịch bao gồm du lịch biển, núi, rừng mưa nhiệt đới, các vùng hoang mạc, đảo cát ...

Trong phát triển du lịch, các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên có ý nghĩa rất lớn vì ở đó có sự tập trung đa dạng sinh học cao với nhiều loại động thực vật đặc hữu, quý hiếm. Tính đến năm 2006, nước ta đã thành lập 29 vườn Quốc gia, gần 100 khu bảo tồn thiên nhiên, khu văn hóa lịch sử, bảo tồn loài hoặc cảnh quan đặc biệt. Trong đó, có 2 di sản thiên nhiên thế giới đã được UNESCO công nhận là vịnh Hạ Long và Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; 4 khu dự trữ sinh quyển của thế giới là: rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng Cát Tiên, quần đảo Cát Bà và vùng ngập nước ven châu thổ Sông Hồng. Hiện nay 7 khu dự trữ sinh quyển (DTSQ) là: Bái Tử Long, khu DTSQ miền Tây Thanh Hóa, miền Tây Nghệ An, Vũ Quang - Kẻ Gỗ, Bạch Mã-Hải Vân, Cù Lao Chàm- Hội An đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ để được thế giới công nhận.

Một trong những mục tiêu xây dựng hệ thống vườn quốc gia nói trên là bảo vệ các khu cảnh quan tự nhiên, phục vụ mục đích khoa học, giáo dục và du lịch sinh thái.

Bốn trong số 26 vườn quốc gia của Việt Nam được công nhận là vườn di sản ASEAN vào năm 2004 gồm: Ba Bể, Chư Mom Ray, Hoàng Liên Sơn và Kon Ka Kinh. Đây là những

vườn vừa đảm bảo những mục tiêu trên, vừa đảm bảo các tiêu chí về tính tự nhiên, hoang dã, tính nguyên vẹn về hệ sinh thái, sự đa dạng và các giá trị nổi bật của quần thể nhằm bảo tồn các sinh vật quý hiếm ở khu vực Đông Nam Á.

### **2.1.2. Chất lượng môi trường tự nhiên và các hoạt động du lịch**

Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy ngày càng có nhiều du khách đổ về các địa phương có môi trường tự nhiên trong lành để nghỉ ngơi, thư giãn và hoà mình với thiên nhiên. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi cả thế giới cùng hướng đến sự phát triển bền vững và ngày càng có nhiều người tìm đến các loại hình du lịch bền vững dựa vào thiên nhiên thì môi trường tự nhiên càng trở nên quan trọng hơn đối với sự phát triển của du lịch. Tuy nhiên, du lịch cũng rất nhạy cảm với chất lượng của môi trường tự nhiên. Sự suy thoái chất lượng môi trường tự nhiên của một điểm du lịch chắc chắn sẽ kéo theo sự suy giảm về số lượng du khách đến đây. Chính vì vậy, các mức độ thích hợp của chất lượng và sự duy trì của chất lượng môi trường tự nhiên phải được xét đến khi tiến hành quy hoạch nhằm đảm bảo tính bền vững của khu du lịch. Việc tổ chức các hoạt động du lịch cũng cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng về chất lượng của từng yếu tố cấu thành nên môi trường tự nhiên. Đối với du lịch, các thành phần chủ yếu của chất lượng môi trường tự nhiên cần được xem xét bao gồm: môi trường địa chất, môi trường nước, môi trường không khí và môi trường sinh học.

#### **a. Chất lượng môi trường địa chất**

Môi trường địa chất là một tập hợp các thành tố địa chất của môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố như cấu trúc địa chất, các hoạt động kiến tạo, tân kiến tạo, địa động lực. Hiện tại, hoạt động động đất, các quá trình vôi hoá, phong hoá và các tai biến địa chất khác ảnh hưởng đến môi trường như xâm thực, trượt lở, nứt đất, núi lửa ... Có thể xem môi trường địa chất là phần cơ sở nền tảng của môi trường chung với các đặc tính và chất lượng của địa chất liên quan đến mục đích xây dựng, bố trí dân cư, phát triển các ngành kinh tế bao gồm cả kinh tế du lịch trong một không gian sử dụng nhất định nào đó (Phạm Trung Lương, 2000).

Trong du lịch, chất lượng của môi trường địa chất đã được nghiên cứu, đánh giá phục vụ cho mục đích du lịch như:

- Thiết kế cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch như đường sá, bãi đậu xe, bến tàu, cầu cống, các công trình cấp thoát nước...;
- Thiết kế các công trình xây dựng như khách sạn, khu mua sắm, khu vui chơi, giải trí ... cho du khách;
- Xây dựng các tuyến và điểm du lịch.

Các biến động hay tính bất ổn về môi trường địa chất của một khu vực như mức độ hoạt động địa chấn cao và các đứt gãy về địa chấn cũng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của khu du lịch. Đặc biệt là các tai biến môi trường liên quan đến địa chất thường dẫn đến những hậu quả khó lường cho du lịch.

#### **b. Chất lượng môi trường nước**

Môi trường nước là một bộ phận cấu thành quan trọng của môi trường tự nhiên, có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại của sự sống và các hoạt động kinh tế xã hội, trong đó có du

lịch. Các biến động về môi trường nước ở một khu du lịch thường kéo theo nhiều sự thay đổi về sức hấp dẫn của du lịch.

Các yếu tố về chất lượng môi trường nước có vai trò to lớn đối với các khu du lịch nói chung và các hoạt động du lịch nói riêng. Như đã trình bày trên đây, nước có ảnh hưởng quan trọng đến du lịch trong những điều kiện nhất định, đặc biệt là nhiệt độ và chất lượng nước. Trong nhiều trường hợp, sự suy thoái chất lượng nước của một điểm du lịch, cho dù là nước sinh hoạt, hay nước phục vụ cho các dịch vụ vui chơi giải trí, đều gây ra nhiều hậu quả xấu cho du lịch. Ngay cả những môn thể thao dưới nước cũng yêu cầu phải có những nguồn nước sạch để đảm bảo vệ sinh và tạo cảm giác thoải mái cho du khách.

#### *c. Chất lượng môi trường không khí*

Hoạt động sống và sản xuất của con người trên trái đất liên quan chặt chẽ đến môi trường không khí. Môi trường không khí là một bộ phận của môi trường tự nhiên tồn tại ở thể bụi hay khí. Những biến đổi của các yếu tố môi trường không khí như sự biến động của chế độ nhiệt, mưa - ẩm, gió ... gây ra nhiều sự biến động đến đời sống và sản xuất trên hành tinh với những hậu quả nặng nề như nạn cháy rừng, mưa lũ, bão tố, lụt lội, ... do El Nino và La Nina gây ra trên nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn của trái đất.

Đối với du lịch, môi trường không khí ảnh hưởng đến việc quy hoạch các khu du lịch nghỉ dưỡng, đến tổ chức mùa vụ khai thác du lịch ... Các yếu tố của môi trường không khí như chế độ nhiệt, mưa - ẩm, gió ... có vai trò khá lớn trong việc xây dựng các kiến trúc cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật của khu du lịch, quyết định hướng quy hoạch của khu du lịch, bố trí không gian và phác đồ kiến trúc các quần thể du lịch.

Sự ô nhiễm môi trường không khí cho dù ở thể khí, bụi hay tiếng ồn cũng đều ảnh hưởng tức thời và nghiêm trọng đến hình ảnh và sự phát triển của một khu du lịch. Do vậy, vấn đề ô nhiễm môi trường không khí cần phải được quan tâm trong các hoạt động phát triển du lịch, đặc biệt đối với các khu du lịch nằm ở thung lũng hay gần các khu công nghiệp và các mỏ khai thác khoáng sản.

#### *d. Chất lượng môi trường sinh học*

Chất lượng môi trường sinh học của một điểm du lịch liên quan chặt chẽ đến đa dạng sinh học. Như đã trình bày trên đây, tính đa dạng sinh học và tính đặc hữu cao của một điểm du lịch là một trong những yếu tố quan trọng thu hút được nhiều du khách. Ngoài ra cũng phải tính đến chất lượng an toàn về môi trường sinh học của nơi du khách đến và lưu lại.

Các điểm du lịch ở các khu bảo tồn, các vườn quốc gia thường là những nơi tiềm ẩn nhiều nguy cơ độc hại từ các loại côn trùng độc, rắn độc, cá độc ... có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của du khách. Ngoài ra, các loài động vật hoang dã nguy hiểm cũng là những mối đe dọa tiềm ẩn đối với sự an toàn của du khách. Một số loài cá mập ở các bãi biển, cá sấu ở một số khu thiên nhiên hoang dã, và nhiều động vật ăn thịt hung dữ khác ở các khu bảo tồn thiên nhiên có thể tấn công du khách vào bất cứ lúc nào. Các loài chuột bọ, ruồi, muỗi... cũng có thể gây cho họ các bệnh nguy hiểm như sốt rét, sốt xuất huyết, dịch tả, dịch hạch... Thêm vào đó,

các ổ dịch ở địa phương như dịch sars, dịch cúm gà... cũng gây ra những tác động rất xấu đến du lịch.

## **2.2. Môi trường văn hóa – xã hội, nhân tạo và các hoạt động du lịch**

### **2.2.1. Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật**

Theo Goeldner cùng các cộng sự (2000), trong du lịch cần phân biệt cơ sở hạ tầng (infrastructure) phục vụ cho đời sống dân cư địa phương và cơ sở vật chất (superstructure) phục vụ cho du khách. Cho dù cũng quan trọng đối với du khách nhưng các cơ sở hạ tầng như: giao thông, hệ thống cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, các cơ sở thương mại (siêu thị, chợ và cửa hàng bán lẻ)... là những cơ sở phục vụ chủ yếu cho đời sống thường ngày của cư dân địa phương. Trong khi đó, những cơ sở vật chất kỹ thuật như khách sạn, nhà hàng, các trung tâm hội nghị, các khu nghỉ mát ... chủ yếu là để phục vụ du khách.

Mặc dù được xây dựng chủ yếu để phục vụ cho dân cư địa phương nhưng các cơ sở hạ tầng cũng là một nhân tố quan trọng trong phát triển du lịch. Sẽ rất không thuận lợi đối với các hoạt động du lịch trong điều kiện cơ sở hạ tầng nghèo nàn, kém phát triển. Vai trò của hệ thống cơ sở hạ tầng đối với các hoạt động du lịch thể hiện ở chỗ:

- Tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng cho khách du lịch đến khu du lịch;
- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao tiếp, trao đổi thông tin cho du khách khi họ rời xa nơi cư trú thường xuyên của mình;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty du lịch khai thác các tiềm năng tài nguyên du lịch;
- Cung cấp điện, nước và các nhu cầu không thể thiếu khác cho các hoạt động du lịch.

Đối với cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm cơ sở lưu trú và cơ sở dịch vụ du lịch, do mục đích phục vụ cho du khách nên những cơ sở này thường mang tính định hướng cao theo nhu cầu và sở thích của du khách hơn là theo mong muốn của người dân địa phương. Những điểm du lịch có các cơ sở lưu trú được thiết kế theo kiến trúc địa phương và hài hoà với cảnh quan môi trường xung quanh thường hấp dẫn du khách nhiều hơn là những khách sạn hiện đại mà du khách đã quá quen thuộc ở đất nước của họ. Tuy nhiên, cũng cần phải quan tâm đến các tiện nghi và trang trí nội thất bên trong các cơ sở lưu trú để đảm bảo sự thoải mái của du khách khi họ lưu lại tại điểm du lịch.

Các cơ sở và các hoạt động dịch vụ cũng phải thực sự đa dạng để thu hút du khách. Một trong những nhân tố quan trọng các công ty quảng bá du lịch đưa ra là những hoạt động và dịch vụ mà du khách sẽ có dịp thưởng thức ở một điểm du lịch. Các hoạt động và dịch vụ càng đa dạng, điểm du lịch càng hấp dẫn đối với du khách vì họ có nhiều sự lựa chọn. Ngoài ra, các vấn đề liên quan như tổ chức quản lý, quy hoạch, nét thẩm mỹ văn hoá trong các cơ sở và hoạt động dịch vụ phải được phát huy tối đa nhằm tôn tạo các giá trị của các điểm di tích, các di sản văn hoá truyền thống và các danh lam thắng cảnh.

Các dịch vụ mua sắm cũng là một hoạt động quan trọng quyết định sự thành công của một điểm du lịch. Yếu tố quan trọng nhất trong dịch vụ mua sắm ở một điểm du lịch chính là sự đa dạng của các sản phẩm địa phương và tính xác thực của chúng. Du khách thường ưa chuộng

các đồ vật do chính địa phương sản xuất để làm lưu niệm, do vậy một sản phẩm được quảng bá là sản phẩm phải đích thực do địa phương làm ra.

### **2.2.2. Trình độ phát triển khoa học công nghệ**

Trong môi trường nhân văn, khoa học công nghệ là yếu tố xuất hiện muộn nhưng có mức độ ảnh hưởng ngày càng gia tăng đối với các sản phẩm và dịch vụ một điểm du lịch. Sự ra đời của máy bay phản lực, các công nghệ tiên tiến về thông tin liên lạc gắn liền với internet đã có ảnh hưởng to lớn đối với du lịch. Trình độ phát triển của khoa học công nghệ làm cho thế giới trở nên gần nhau hơn, du khách cảm thấy gần gũi hơn như lúc họ ở nhà. Có thể nói rằng sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch. Điều này thể hiện rõ ở một số khía cạnh sau đây:

- Tạo ra khả năng to lớn trong trao đổi thông tin, quảng bá du lịch. Ở các nước có ngành du lịch phát triển, công nghệ tin học còn được ứng dụng mạnh mẽ trong giao dịch kinh doanh du lịch, thực hiện nhanh chóng các thủ tục xuất nhập cảnh, quảng cáo, giới thiệu các điểm du lịch và các hoạt động du lịch trên internet ...

- Tạo ra khả năng phát triển những sản phẩm du lịch hiện đại và hấp dẫn. Ở các nước phát triển, khoa học và công nghệ cao đã góp phần hình thành nên những công viên giải trí nhân tạo rất hiện đại, các công viên nước, các thủy cung ngầm dưới mặt đất, các tàu lặn ngắm cảnh dưới biển .... Những sản phẩm này tạo ra nhiều sức hấp dẫn đặc biệt cho du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của điểm du lịch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra và nghiên cứu cơ bản về du lịch, góp phần quan trọng vào sự phát triển du lịch.

### **2.2.3. Thể chế và chính sách**

Các yếu tố về thể chế và chính sách thường ít được xem trọng trong hệ thống các chức năng của du lịch. Thực tế cho thấy rằng hệ thống chính trị, các văn bản pháp luật như luật đầu tư, luật tài nguyên, luật bảo vệ môi trường, hệ thống tài chính... và đặc biệt là các chủ trương, chính sách về phát triển du lịch dài hạn có ảnh hưởng khá lớn đối với khả năng cạnh tranh của một điểm du lịch trên thị trường quốc tế.

Thể chế và chính sách nếu thích hợp và kịp thời sẽ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của du lịch, đồng thời hướng sự phát triển của du lịch phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, phù hợp với từng đặc điểm và điều kiện cụ thể của từng giai đoạn (Phạm Trung Lương, 2000). Ngoài ra, những chính sách mới, linh hoạt với tình hình và xu thế phát triển chung của kinh tế - xã hội cũng góp phần đáng kể vào sự thành bại của các điểm du lịch. Ví dụ trong thời kỳ bị ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực vào những năm cuối của thập niên 1990, một số nước trong khu vực Đông Nam Á đã đưa ra nhiều biện pháp và chính sách nhằm hạ giá các tour du lịch, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo để thu hút khách du lịch trở lại. Kết quả rất khả quan cho thấy những chiến lược và chính sách phù hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển, thậm chí trong những điều kiện khó khăn nhất.

## 2.2.4. Các yếu tố về lịch sử, văn hoá và xã hội

### a. Các yếu tố về lịch sử và văn hóa

Một trong những mục tiêu hàng đầu của du lịch là làm cho thế giới trở nên gần gũi với nhau hơn thông qua việc giới thiệu cho du khách các quốc gia, các địa danh, các dân tộc, lịch sử và văn hoá của họ. Các tuyến du lịch quốc tế giúp tăng cường trao đổi kiến thức và văn hoá giữa các dân tộc, tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao các mức độ thương thức tri thức của nhân loại bao gồm văn hoá, giáo dục, tôn giáo, khoa học ... Do vậy, sự phát triển các yếu tố văn hoá ở các điểm du lịch chính là một trong những phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao các giá trị tài nguyên du lịch nhân văn để thu hút du khách.

Văn hoá của một dân tộc hay một cộng đồng địa phương phản ánh nhiều khía cạnh của quá khứ và hiện tại của dân tộc và cộng đồng đó. Văn hóa là một đặc tính khá bền vững và là nhân tố phải được bảo tồn và phát huy nếu muốn phát triển du lịch. Trong thời đại mang tính toàn cầu hoá như hiện nay, các giá trị văn hoá của điểm du lịch càng đa dạng, càng được giới thiệu một cách sáng tạo và cuốn hút thì càng tạo được nhiều sự hấp dẫn đối với du khách. Các nhân tố văn hoá được sử dụng để quảng bá cho du lịch thường là các phong tục tập quán và lòng mến khách của dân địa phương, kiến trúc bản địa, các sản phẩm thủ công và công nghiệp, âm nhạc truyền thống, giáo dục, các lễ hội, tôn giáo và nhiều khía cạnh đặc thù khác liên quan đến đời sống của dân cư địa phương.

Tài nguyên nhân văn ở nước ta rất đa dạng, phong phú. Về đại thể, các loại tài nguyên nhân văn quan trọng hàng đầu là các di tích (văn hóa, lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật,...) và các lễ hội.

#### \* Các di tích lịch sử - văn hóa

##### - Di sản văn hóa thế giới

Ngoài hai di sản thiên nhiên của thế giới là vịnh Hạ Long và Phong Nha - Kẻ Bàng, nước ta còn có ba di sản văn hóa thế giới: Quần thể di tích cố đô Huế (công nhận năm 1993), Thánh địa Mỹ Sơn, đô thị cổ Hội An (1999) ở Quảng Nam. Nước ta có hai loại hình văn hóa nghệ thuật được công nhận là Kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu nhân loại là: Nhã nhạc cung đình Huế (2003) và Văn hóa Cồng chiêng các dân tộc Tây Nguyên (2005). Đây là nguồn tài nguyên quý giá rất hấp dẫn đối với du khách.

##### - Di tích văn hóa - lịch sử cấp quốc gia và địa phương

Các di tích khảo cổ học: bao gồm các di chỉ cư trú (những di chỉ hang động hoặc di chỉ ngoài trời) và di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, thành phố cổ, những tàu thuyền cổ bị đắm... Ví dụ như ở Thánh địa Cát Tiên (Đồng Nai). Đây là một quần thể kiến trúc hoành tráng, một thánh địa Bàlamôn giáo đặc trưng ở khu vực phía Nam của đất nước, mà theo đánh giá của các nhà khảo cổ học Nhật Bản, thì nó có giá trị sánh ngang với Ăngco Vát của Campuchia.

Các di tích lịch sử: là những di tích ghi nhận những sự kiện lịch sử hoặc các đặc điểm lịch sử tiêu biểu của các dân tộc trong quá trình phát triển lịch sử của mình, bao gồm: + Các di tích ghi dấu về dân tộc học: sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

+ Di tích ghi dấu các sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương như bến Bình Than - nơi diễn ra Hội nghị Diên Hồng, cây đa Tân Trào ...

+ Di tích ghi dấu các chiến công chống xâm lược (Điện Biên Phủ, Đống Đa...).

+ Di tích ghi dấu những kỷ niệm: di tích về người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, tượng Bác Hồ trên đảo Cô Tô...

+ Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động: Công trình thủy nông Bắc Hưng Hải, nhà máy thủy điện Hòa Bình ...

+ Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến: chuồng cọp Côn Đảo, làng Sơn Mỹ, trại giam Phú Lợi ...

Ngoài ra còn có những di tích ghi dấu lịch sử đấu tranh cách mạng, thường là những di tích gắn liền với cuộc đời và hoạt động của những lãnh tụ cách mạng, hoặc gắn với những sự kiện quan trọng trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Các di tích văn hóa nghệ thuật: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần (Tháp Eiffel, Khải hoàn môn ở Pháp, văn miếu Quốc Tử Giám, nhà thờ đá Phát Diệm, Tòa thánh Tây Ninh...).

Hiện nay, cả nước có gần 4 vạn di tích các loại. Là một quốc gia trải qua 4.000 năm lịch sử, di tích ở nước ta rất phong phú. Trong số này hiện có 2.715 di tích đã được Bộ Văn hóa xếp hạng. Số di tích trên được phân theo các loại như sau: di tích lịch sử chiếm 51,2% tổng số di tích được xếp hạng; di tích kiến trúc nghệ thuật: 44,2%; di tích khảo cổ: 1,3%; danh lam thắng cảnh: 3,3%.

Ngoài các di tích, có thể kể đến các bảo tàng, bởi vì đó cũng là các đối tượng thu hút khách du lịch. Hiện nay nước ta có 117 bảo tàng, trong đó bảo tàng trung ương 6; bảo tàng tỉnh và thành phố 79; bảo tàng chuyên ngành 32 (có 24 bảo tàng thuộc lực lượng vũ trang). Tổng số hiện vật đang lưu giữ là 1.997.701, trong đó 87.515 hiện vật đã được trưng bày và 608.886 hiện vật đang được kiểm kê khoa học (gồm cả 489 trống đồng).

\* *Lễ hội*

Ở nước ta, lễ hội thường diễn ra vào thời điểm thiêng liêng chuyển giao giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc chu kỳ lao động này, chuẩn bị bước sang chu kỳ lao động khác. Phần lớn lễ hội tập trung vào những tháng đầu năm sau Tết cổ truyền. Các lễ hội thường gắn với sinh hoạt văn hóa dân gian như hát đối đáp của người Mường; múa xoè, ném còn của người Thái; hát sli, hát lượn, hát then của người Nùng; lễ đâm trâu, hát trường ca thần thoại của các dân tộc Tây Nguyên ...

Về quy mô, có lễ hội diễn ra trên một vùng rộng lớn và ngược lại, có khi chỉ bó hẹp trong vài (hay một) làng xã. Về thời gian, có lễ hội kéo dài 3 tháng (hội Chùa Hương, Hà Tây), nhưng có lễ hội chỉ vài ngày. Một số lễ hội tiêu biểu thu hút đông đảo du khách và người hành hương từ

nhều vùng tới là hội Đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội Chùa Hương (Hà Tây), hội Đền Bà (Tây Ninh)...

Trong chương trình chào đón giao thừa khi đất nước bước sang thiên niên kỷ mới, Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch và Bộ Văn hóa Thông tin đã chọn: 15 lễ hội tiêu biểu của các địa phương trong cả nước. Đó là các lễ hội: Đền Gióng (Hà Nội), Chùa Hương (Hà Tây), Phủ Giày (Nam Định), Đền Hùng (Phú Thọ), Trường Yên (Ninh Bình), Yên Tử (Quảng Ninh), Tây Sơn (Bình Định), Hội đâm trâu (Tây Nguyên), Hội đua bò (An Giang), Hội đua thuyền (Sóc Trăng), Hội chọi trâu (Đồ Sơn), Nghinh Ông (Bà Rịa Vũng Tàu) và Ka tê (Ninh Thuận)...

*\* Các dạng tài nguyên nhân văn khác*

- Văn hóa dân tộc là đối tượng hấp dẫn của hoạt động du lịch. Nước ta có 54 dân tộc với những phong tục, tập quán độc đáo, các hoạt động văn hóa nghệ thuật đặc sắc, đa dạng. Việt Nam có tiềm năng lâu đời về văn hóa, nghệ thuật truyền thống (sân khấu, âm nhạc, múa,...). Đặc biệt, các món ăn dân tộc độc đáo ở các vùng cũng là một cái thú thưởng thức của khách du lịch.

- Nước ta còn có hàng trăm làng nghề truyền thống với nhiều sản phẩm đặc sắc mang tính nghệ thuật cao, đặc biệt là các nghề chạm khắc (Bắc Ninh), chạm khắc đá (Kính Chủ - Hải Dương, làng Nhồi - Thanh Hóa, Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng...), đúc đồng (Ngũ Xá - Hà Nội, làng Trà Đúc - Thanh Hóa, Phường Đúc - Thừa Thiên Huế...), dệt tơ lụa (làng Bưởi, Nghi Tàm, Nghĩa Đô - Hà Nội, Kiều Trúc, La Khê - Hà Tây...), sơn mài và khảm (Hà Nội, Hà Tây, Nam Định...), gốm sành sứ (Hương Canh - Vĩnh Phúc, Thổ Hà - Bắc Ninh, Lò Chum - Thanh Hóa, Bát Tràng - Hà Nội, Biên Hòa - Đồng Nai...), ... (Phạm Trung Lương, 2000 và Lê Thông, 2004).

*b. Các yếu tố xã hội*

Về xã hội, trật tự và an toàn là yếu tố quan trọng nhất để phát triển du lịch. Tất cả các hoạt động du lịch rất cần thiết phải được đảm bảo trong điều kiện an ninh và an toàn xã hội, trước hết là đảm bảo an toàn cho du khách. Thực tế cho thấy những nơi bất ổn như ở những nước xảy ra xung đột sắc tộc, chiến tranh, ở các khu vực thường xảy ra bạo lực (khủng bố, bắt cóc ...) và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, ma túy ...) thì số lượng khách du lịch giảm đi rất rõ rệt. Như vậy, trật tự và an toàn xã hội góp phần tạo nên hiệu quả cao cho các hoạt động du lịch, chẳng những là điều kiện đảm bảo cho các hoạt động du lịch diễn ra thuận lợi mà còn có tác động đến tâm lý, sự thoải mái và sự hài lòng của du khách.

### **2.3. Tai biến môi trường và du lịch**

Ngoài tính chuyên nghiệp của một điểm du lịch trong việc cung cấp các dịch vụ, du khách còn đòi hỏi một sự lành mạnh và an toàn về môi trường của nơi mình sẽ đến du lịch. Tuy nhiên, các điểm du lịch lại thường nằm ở những khu vực nhạy cảm, dễ bị ảnh hưởng của các tai biến môi trường, đặc biệt là những vùng ven biển, các lưu vực sông và các vùng núi... Nếu tai biến môi trường xảy ra ở những khu vực này thì hình ảnh của điểm du lịch chắc chắn bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

#### **2.3.1. Khái niệm về tai biến môi trường**

Theo Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam, tai biến môi trường là "là các sự cố hoặc do rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người, hoặc do biến đổi bất thường của thiên

nhiên, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng". Tai biến môi trường có thể xảy ra trên phạm vi toàn cầu (sự biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy thoái tầng ôzôn...) hay ở từng khu vực (cháy rừng, lũ lụt, lũ lụt...). Tai biến môi trường thường gây nên nhiều tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế xã hội của các quốc gia bị ảnh hưởng, trong đó có du lịch. Theo Lê Văn Khoa (2001), các tai biến môi trường thường do ba nguyên nhân sau đây gây ra:

- Quá trình tự nhiên như hạn hán, lũ lụt, động đất;
- Hoạt động của con người như khai thác quá mức, xả thải chất ô nhiễm, can thiệp một cách thô bạo vào các hệ sinh thái;
- Hỗn hợp của các hoạt động của con người và quá trình tự nhiên.

Tai biến môi trường được gọi là thiên tai nếu nguyên nhân là do quá trình tự nhiên và thường được coi là bất khả kháng, ví dụ như động đất, lũ lụt, núi lửa, bão tuyết ... Các thiên tai này có thể gây ra tai biến thứ cấp, ví dụ như sóng thần thường xảy ra theo sau động đất, các vụ trượt lở đất xảy ra sau lũ lụt ...

Tai biến môi trường gây ra những thiệt hại nghiêm trọng được gọi là thảm họa môi trường. Ví dụ như sự cố nhà máy điện hạt nhân ở Trecnôbun, Ucraina vào năm 1986, lũ lớn kèm theo lũ lụt ở Bănglăđét năm 1991, trận động đất ở Kôbê Nhật Bản vào năm 1995 đều được coi là những thảm họa môi trường do những hậu quả rất nghiêm trọng chúng gây ra đối với con người và môi trường.

Tai biến môi trường được gọi là sự cố môi trường nếu do hoạt động con người gây ra, ví dụ như rò rỉ chất độc nhà máy hoá chất công nghiệp ở Bhopal, Ấn Độ, các sự cố cháy nổ do sơ ý, các tác động lâu dài của biến nạp di truyền...

Ngoài những loại tai biến môi trường trên đây, Hiệp hội Địa lý Mỹ còn đưa ra khái niệm tai biến môi trường xã hội và tai biến môi trường mang tính chất thường xuyên hay toàn cầu. Tai biến môi trường xã hội bắt nguồn từ các xung đột trong xã hội như xung đột giữa các sắc tộc, chiến tranh giữa các quốc gia, các tôn giáo... Những xung đột này cũng gây ra nhiều tác động nghiêm trọng đến du lịch do ảnh hưởng đến an ninh và trật tự xã hội. Tai biến môi trường mang tính chất thường xuyên hay toàn cầu là những tai biến bắt nguồn từ những vấn nạn mang tính toàn cầu như sự biến đổi khí hậu, hay từ những vấn nạn mang tính chất kinh niên như nghèo đói, suy thoái môi trường...

### **2.3.2. Các tác động của tai biến môi trường đến du lịch**

Bất kỳ loại tai biến môi trường nào vừa mới kể ra trên đây cũng đều có thể gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng cho du lịch nếu chúng làm thay đổi các điều kiện tự nhiên, xã hội và làm xáo trộn các hoạt động du lịch. Đối với các tai biến thiên nhiên như hạn hán, bão lụt, cháy rừng ... thường ít tác động đến du lịch hơn so với các trận cuồng phong, trượt lở đất, sóng thần và động đất. Tuy nhiên đa số các thiên tai thường tàn phá nhiều cảnh quan đẹp, khu hệ động thực vật, các bãi biển đẹp, các rạn san hô, các khu rừng ... gắn liền với hình ảnh của khu du lịch.

Tai biến môi trường ngoài việc gây nên những thiệt hại to lớn về kinh tế - xã hội, còn đe dọa tính mạng của khách du lịch, làm cho họ cảm thấy bất an khi lưu lại điểm du lịch. Thực tiễn cho thấy rằng các tai biến xã hội cũng có tác động rất xấu đến du lịch. Tai biến xã hội

thường có nhiều tác động đến tâm lý của du khách hơn so với các tai biến thiên nhiên, nhất là những tai biến thiên nhiên thông thường. Khác với tai biến thiên nhiên thường xảy ra đột ngột và không dự đoán được, các tai biến xã hội thường rõ ràng và dễ nhận thấy trước nên du khách có thể tiên liệu các nguy cơ tiềm ẩn về mặt xã hội ở một khu du lịch để lựa chọn các địa điểm du lịch khác. Một đất nước không có các xung đột sắc tộc, chiến tranh cũng như các nguy cơ khủng bố sẽ được các du khách ưu tiên hơn trong sự lựa chọn. Chính vì vậy mà sau vụ khủng bố 11/9/2001, một số quốc gia như Thái Lan đã thêm một yếu tố S của sự an toàn (security) vào trong 3 yếu tố S (sun, sand and sea) để quảng bá cho du lịch.

Như vậy, các tai biến môi trường gây ra nhiều tác động làm giảm chất lượng môi trường du lịch và ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch. Vì vậy, cùng với những biện pháp và nỗ lực chung để hạn chế các tai biến môi trường như sự sẵn sàng trong tình trạng đối phó với thiên tai, cũng cần phải có những nghiên cứu đánh giá và quan trắc mang tính khoa học cao nhằm thành lập các bản đồ, sơ đồ phân vùng tai biến, các nguy cơ sự cố nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong các hoạt động phát triển du lịch. Cũng cần phải có các hệ thống cảnh báo, dự báo sớm các chỉ thị về tai biến để làm cho du khách thực sự yên tâm hơn. Ngoài ra, phải luôn coi trọng các vấn đề liên quan đến an ninh và an toàn cho khu du lịch. Ngoài lực lượng an ninh khu vực, cũng rất cần thiết để thành lập lực lượng cảnh sát du lịch nhằm đảm bảo thêm sự an toàn về mặt xã hội cho du khách.

## **2.4. Sức tải và các hoạt động du lịch**

### **2.4.1. Khái niệm về sức tải trong du lịch**

Trong hai thập kỷ 1960 và 1970, sự quá tải ở nhiều điểm du lịch nổi tiếng trên thế giới đã làm cho các nhà quản lý chấp nhận thuật ngữ sức tải như là một lý thuyết cơ bản trong việc đưa ra các giới hạn sử dụng điểm du lịch. Khái niệm về sức tải cũng được sử dụng trong việc quy hoạch phát triển du lịch với quan niệm rằng có một giới hạn về môi trường đối với lượng khách mà một điểm du lịch có thể “tải” được. Nếu vượt qua giới hạn này, điểm du lịch sẽ trở nên không bền vững và suy thoái nếu không có các biện pháp cải tiến về môi trường cùng với các chiến lược quản lý thích hợp.

Hovien (1982) cho rằng sức tải là số lượng du khách tối đa mà một điểm du lịch có thể chứa được nhưng không gây ra sự suy thoái môi trường và làm suy giảm sự thỏa mãn nhu cầu của du khách.

Theo Martyn và Uysal (1990) thì sức tải của một điểm du lịch thường đúng với giả định rằng không sớm thì muộn, ngưỡng của điểm du lịch sẽ đạt đến và sau đó điểm du lịch sẽ trở nên nhàm chán dần đối với du khách.

Năm 1992, WTO và UNEP đưa ra khái niệm tương đối đầy đủ hơn: “sức tải là khả năng chịu tải về số lượng du khách và sự phát triển của điểm du lịch mà không gây ra các ảnh hưởng có hại cho môi trường và các nguồn tài nguyên của nó, hoặc làm suy giảm chất lượng đáp ứng các yêu cầu và mong muốn của du khách”.

Nói tóm lại, sức tải của một điểm du lịch cho thấy rằng có một giới hạn về sự phát triển và các hoạt động diễn ra trong khu vực mà vượt qua giới hạn đó, các dịch vụ trở nên quá tải, du khách sẽ bắt đầu cảm thấy không hài lòng và sự suy thoái môi trường bắt đầu xảy ra.

#### **2.4.2. Phân loại sức tải trong du lịch**

Trong ngành du lịch, đã có nhiều cách phân loại sức tải khác nhau. Nhìn chung, cần phân biệt 5 loại sức tải chủ yếu như sau:

##### *a. Sức tải vật lý*

Sức tải vật lý là ngưỡng giới hạn về không gian mà vượt qua nó điểm du lịch trở nên quá tải. Hoặc sức tải vật lý là tổng giá trị sử dụng cho du lịch trên một khoảng không gian đã được xác định, ví dụ như số lượng người tắm trên một mét vuông ở một bãi biển, số lượng người ngủ qua đêm trên một diện tích của khu cắm trại, số lượng người lặn ngắm san hô trên một diện tích rạn san hô ...

Đối với sức tải vật lý, do diện tích không gian của một khu vực là cố định nên cơ hội duy nhất để gia tăng sức tải là thông qua việc quản lý thích hợp để tăng hiệu quả sử dụng của không gian. Việc tính toán sức tải vật lý cũng thường rất phức tạp do các đánh giá về yêu cầu không gian là khác nhau đối với những nhóm du khách khác nhau. Ví dụ nhóm khách du lịch lớn tuổi thường đòi hỏi khoảng không gian nhiều hơn so với các nhóm trẻ. Đồng thời, sức tải vật lý còn phụ thuộc vào các hoạt động khác nhau của du lịch và phụ thuộc vào nhiều nhân tố chủ quan khác của du khách.

Một vài ví dụ áp dụng sức tải vật lý ở các điểm du lịch

- New Zealand: đã thiết lập một số sức tải vật lý như sau: giới hạn khoảng 500 du khách/năm ở các đảo cận Nam Cực, 200 du khách vào bất cứ thời điểm nào ở các hang động Waitomo và 160 du khách/ngày trong thời gian khu du lịch đường mòn Milford mở cửa.
- Bermuda: Chính quyền địa phương đã đưa ra giới hạn tối đa là 120.000 khách du lịch tàu biển trong mùa du lịch cao điểm.
- Campuchia: Ban quản lý Di sản thế giới Ăngkovat đã đưa ra giới hạn khoảng 500.000 du khách mỗi năm (với ước tính là mỗi du khách sẽ viếng thăm khu di tích hai lần trong khi họ lưu lại ở đây).

##### *b. Sức tải xã hội*

- Một là mức độ chịu đựng của cư dân ở điểm du lịch về sự có mặt và các hành vi của khách du lịch.
- Hai là mức độ chấp nhận của du khách đối với sự có mặt và hành vi của những du khách khác. Liệu việc gia tăng lượng khách ở điểm du lịch có dẫn đến cảm giác đông đúc và làm du khách không thoải mái? Nếu có, mức độ thương thức của du khách sẽ bị giảm xuống và sự không hài lòng bắt đầu xuất hiện (O'Reily, 1986).

Trong hai khía cạnh trên, khía cạnh thứ hai được cho là quan trọng hơn do trong du lịch, du khách luôn là “thượng đế”. Chính vì vậy mà sức tải xã hội còn được gọi là sức tải hành vi, tâm lý, là sự nhận thức về mật độ khách cực đại mà du khách vẫn có thể cảm thấy chấp nhận được. Khi vượt quá mật độ này, nếu không có các thay đổi cần thiết của điểm du lịch, số lượng

du khách sẽ bắt đầu giảm xuống. Sức tải xã hội có thể thay đổi phụ thuộc vào các nhân tố như cơ sở hạ tầng của điểm du lịch, thái độ của du khách, các quy phạm văn hoá xã hội và sự giáo dục cho du khách lẫn cộng đồng về sự thân thiện và hoà đồng trong giao tiếp.

Ngoài hai khía cạnh được xét trên đây, đôi khi sức tải xã hội còn được hiểu như là giới hạn có thể làm thay đổi hệ thống xã hội ở một điểm du lịch.

#### *c. Sức tải kinh tế*

Sức tải kinh tế là mức độ tại đó sự giao thoa của du lịch với các hoạt động khác ở địa phương trở nên không chấp nhận được về mặt kinh tế, hay sức tải kinh tế là khả năng hấp thụ các hoạt động du lịch mà không làm mất đi hay xáo trộn các hoạt động kinh tế ở địa phương (Rees, 1992). Điều này có nghĩa là nếu các hoạt động du lịch gây phương hại nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế khác của địa phương thì có nghĩa là đã vượt quá sức tải.

Định nghĩa về sức tải kinh tế chưa thực sự chặt chẽ và rõ ràng. Trong thực tế, có những thiệt hại về các hoạt động kinh tế do du lịch gây ra nhưng lại được bù đắp bằng các nguồn lợi do các hoạt động du lịch mang lại, và điều này được các địa phương làm du lịch chấp nhận.

#### *d. Sức tải sinh thái*

Sức tải sinh thái (còn gọi là sức tải môi trường) là tổng giá trị có thể sử dụng của điểm du lịch mà không tạo ra các tác động tiêu cực quá mức lên các hệ sinh thái.

Theo O'Reily (1986) thì sức tải sinh thái là sức ép về sự thay đổi số lượng du khách mà một hệ sinh thái có thể chịu đựng trước khi giá trị của chúng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Pigram (1993) thì cho rằng sức tải sinh thái được mô tả như là một mức độ tối đa về số lượng du khách và các hoạt động của du lịch mà một hệ sinh thái hay một khu vực có thể chấp nhận được nhưng không làm suy thoái nghiêm trọng các giá trị sinh thái trong khu vực.

Như vậy, nói một cách dễ hiểu, sức tải sinh thái trả lời cho câu hỏi: Liệu việc gia tăng số lượng du khách và các hoạt động của họ có gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến động thực vật, đất đai, chất lượng không khí và nước hay không?

#### *e. Sức tải dịch vụ*

Sức tải dịch vụ liên quan đến các loại hình và số lượng các dịch vụ nhằm phục vụ các nhu cầu cho du khách như bãi đậu xe, bến thuyền, các phòng vệ sinh, các nơi cắm trại, thời gian chờ đợi để được sử dụng các dịch vụ, quyền ưu tiên... Ngoài ra sức tải dịch vụ còn bao gồm số lượng nhân viên hành chính và phục vụ biểu hiện thông qua tỷ lệ số lượng nhân viên/du khách. Theo Shelby và Heberlein (1986), sức tải dịch vụ trong đa số trường hợp có thể được nâng lên thông qua vốn đầu tư để cải thiện và phát triển các dịch vụ liên quan. Ví dụ như thuê thêm nhân viên, xây thêm các bến tàu, bãi đậu xe, phát triển thêm các khu cắm trại, v.v... Tuy nhiên, cũng nên biết rằng việc gia tăng sức tải dịch vụ cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sức tải xã hội, sinh thái và vật lý của khu du lịch.

### 3. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH LÊN MÔI TRƯỜNG

#### 3.1. Dự báo và xu hướng phát triển du lịch

##### 3.1.1. Dự báo phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam

Trong ấn phẩm Tourism 2020 Vision, Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO) đã đưa ra các dự báo về sự phát triển ngành du lịch thế giới trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI. Trong tài liệu này, năm 1995 được lấy là năm cơ sở để tính toán, so sánh và dự báo cho các năm tiếp theo như ở bảng 2.1.

Bảng 1.1. Dự báo lượng khách du lịch đến năm 2020 (triệu lượt khách)

Khu vực	Năm cơ sở để tính	Năm dự báo		Tỷ lệ % tăng trưởng TB hàng năm	Thị phần (%)	
	1995	2010	2020	1995 - 2010	1995	2020
Cả thế giới	565,4	1.006,4	1.561,1	4,1	100	100
Châu Phi	20,2	47,0	77,3	5,5	3,6	5,0
Châu Mỹ	108,9	190,4	282,3	3,9	19,3	18,1
Bắc Á và Thái Bình Dương	81,4	195,2	397,2	6,5	14,4	25,4
Châu Âu	338,4	527,3	717,0	3,0	59,8	45,9
Nam Á	4,2	10,6	18,8	6,2	0,7	1,2

(Nguồn: WTO, 2005)

Như vậy, dự báo của WTO cho đến năm 2020 được diễn giải như sau:

- Tốc độ tăng trưởng trung bình của du lịch thế giới là 4,1% và lượng khách du lịch quốc tế sẽ đạt tới con số 1,56 tỷ lượt người vào năm 2020. Trong đó châu Âu sẽ có 717 triệu lượt khách du lịch, chiếm vị trí hàng đầu khi so sánh giữa các châu lục; châu Á - Thái Bình Dương đứng thứ hai với khoảng 397 triệu lượt; châu Mỹ đứng thứ ba với khoảng 282 triệu lượt.

- Bắc Á - Thái Bình Dương, châu Phi, và Nam Á được dự báo có mức tăng trưởng du lịch khoảng 5%/năm, cao hơn mức trung bình của toàn thế giới. Châu Âu và châu Mỹ sẽ có chỉ số tăng trưởng thấp hơn chỉ số trung bình 4,1% nêu trên.

- Châu Âu tiếp tục duy trì thị phần khách du lịch cao nhất thế giới, dù cho có giảm từ 59,8% vào năm 1995 xuống còn 45,9% vào năm 2020.

Ngày 11 tháng 04 năm 2005, khi phân tích hoạt động du lịch và lữ hành, Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC) đã công bố Báo cáo Dự báo du lịch cho 174 nước tại Hội nghị cấp cao về du lịch và lữ hành toàn cầu lần thứ V họp ở New Dehli - Ấn Độ:

- 10 quốc gia sẽ tăng trưởng du lịch mạnh nhất là: 1. *Montenegro* (9,9%) 2. *Trung Quốc* (9,2%) 3. *Ấn Độ* (8,6%) 4. *Reunion* (8,3%) 5. *Croatia* (7,8%) 6. *Sudan* (7,7%) 7. *Việt Nam* (7,7%) 8. *Lào* (7,6%) 9. *Cộng hoà Séc* (7,5%) 10. *Guadeloupe* (7,2%).

- Dự báo tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của du lịch và lữ hành thế giới từ 2006 - 2015 là 4,6% với doanh số dự kiến đạt 6.201,49 tỷ USD, tương đương 10,6% tổng GDP toàn cầu.

Như vậy, mức tăng trưởng của ngành du lịch của Việt Nam cũng được dự báo sẽ duy trì ở mức 7,7%. Theo quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam, cần phải đáp ứng yêu cầu đón tiếp khoảng 9 triệu du khách quốc tế và 25 triệu du khách nội địa vào năm 2010.

### **3.1.2. Xu hướng phát triển du lịch hiện nay**

#### *a. Gia tăng nhanh chóng về số lượng*

Trong thời kỳ hiện đại, số lượng khách du lịch ra nước ngoài tăng nhanh. Những yếu tố được coi là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sự tăng trưởng này là mức sống của người dân, giá cả các dịch vụ hạ hơn trong khi mức thu nhập của họ lại tăng dần. Mặt khác cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như lưu trú, vận chuyển ngày càng thuận tiện và thoải mái hơn. Trong lúc đó, tại nơi ở thường xuyên của du khách, mức độ ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng đã trở thành một yếu tố quan trọng thúc đẩy họ đi du lịch.

Điều kiện sống của nhân dân là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Nó được hình thành nhờ việc tăng thu nhập thực tế và cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao khẩu phần ăn uống, phát triển đầy đủ mạng lưới y tế, văn hoá, giáo dục. Thu nhập tăng thì nhu cầu du lịch và chi phí cho du lịch tăng nhanh. Thu nhập càng cao, càng nhiều gia đình đi du lịch.

Để có thể đi du lịch và thực hiện tiêu dùng du lịch, con người phải có điều kiện vật chất đầy đủ. Đó là điều kiện cần thiết để biến nhu cầu du lịch nói chung thành nhu cầu du lịch (nhu cầu có khả năng chi trả). Do vậy phúc lợi vật chất của nhân dân là điều kiện có ý nghĩa quyết định trong sự phát triển du lịch. Nhiều công trình nghiên cứu đều cho thấy rằng khi thu nhập du lịch tăng lên thì nhu cầu du lịch cũng gia tăng, hoặc những người có thu nhập cao thì đi du lịch nhiều hơn.

Giáo dục là nhân tố kích thích du lịch. Trình độ giáo dục được nâng cao thì nhu cầu du lịch sẽ tăng lên rõ rệt, sự ham hiểu biết và mong muốn tìm hiểu cũng tăng lên và trong nhân dân, thói quen đi du lịch sẽ hình thành ngày càng rõ. Ở Liên Xô cũ, người ta đã tổng kết được rằng trình độ văn hóa tăng lên thì số người nghỉ tại nhà giảm đi. Cụ thể là từ 36% trong số những người có trình độ sơ cấp xuống còn 28% ở những người có trình độ trung cấp và 7% ở những người có trình độ cao cấp. Những kết quả điều tra ở Mỹ cũng tương tự, những gia đình mà người chủ gia đình có trình độ văn hóa càng cao thì tỷ lệ đi du lịch càng lớn. Giáo dục có liên quan chặt chẽ với thu nhập và nghề nghiệp. Tuy còn có một số trường hợp ngoại lệ, song về cơ bản là như vậy. Những người có trình độ giáo dục cao sẽ có nghề nghiệp phù hợp với mức thu nhập cao.

Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự gia tăng dân số, tăng mật độ dân cư, sự thay đổi cấu trúc, độ dài tuổi thọ ... đều có liên quan mật thiết với sự phát triển du lịch.

Con người không thể đi du lịch nếu không có thời gian. Do vậy thời gian rồi là điều kiện tất yếu cần thiết để có thể tham gia vào hoạt động du lịch. Thời gian rồi của người dân ở từng nước được qui định trong luật lao động hoặc theo hợp đồng lao động ký kết.

Thời gian rồi có thể tăng lên nếu con người nếu sử dụng hợp lý quỹ thời gian của mình và có chế độ lao động hợp lý. Thời gian rồi còn tăng được bằng cách giảm thời gian của các công việc khác ngoài giờ làm việc. Nếu như trước đây (giống như ở các nước đang phát triển ngày nay) người ta phải dành trung bình 1/3 đến 1/2 thời gian vào việc bếp núc và các việc vặt trong gia đình như dọn dẹp, giặt giũ thì ở các nước công nghiệp công việc này chỉ chiếm 1 đến 2 giờ một ngày.

Xu hướng chung trong điều kiện phát triển hiện nay là giảm bớt thời gian làm việc và tăng thời gian nhàn rỗi. Nhiều nước trên thế giới (trong đó có Việt Nam) đã chuyển sang chế độ làm việc 5 ngày một tuần. Điều đó góp phần làm cho số du khách gia tăng đáng kể. Đô thị hóa tạo nên một lối sống đặc biệt - lối sống thành thị. Đô thị hóa làm hình thành các thành phố lớn và các cụm thành phố. Quá trình đô thị hóa đã thúc đẩy quá trình cải thiện điều kiện vật chất và văn hóa cho nhân dân, làm thay đổi tâm lý và hành vi của con người. Khi nhận xét ý nghĩa tích cực của quá trình đô thị hoá, Lê nin đã chỉ ra rằng sự di chuyển dân cư từ nông thôn vào thành phố đã cuốn họ vào một cuộc sống xã hội hiện đại, “nâng cao trình độ và nhận thức của họ, tạo cho họ những thói quen và nhu cầu văn hoá”.

Đồng thời, quá trình đô thị hóa còn dẫn tới sự thay đổi điều kiện tự nhiên, tách con người ra khỏi môi trường tự nhiên bao quanh, làm thay đổi điều kiện khí hậu, bầu khí quyển và những điều kiện tự nhiên khác.

Trong nhiều trường hợp, quá trình đô thị hóa làm giảm chất lượng môi trường, có ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ của con người. Mật độ dân số cao, lượng thông tin quá nhiều, tần số tiếp xúc lớn, giao thông đi lại nhộn nhịp, ách tắc.... là những nguyên nhân gây ra sự căng thẳng thần kinh.

Những tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa lại làm tăng nhu cầu nghỉ ngơi du lịch của người dân thành phố. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nhu cầu du lịch của người dân thành phố hoặc các điểm tập trung dân cư lớn hơn nhiều so với người dân nông thôn. Tình trạng làm việc căng thẳng, nạn ô nhiễm môi trường đòi hỏi con người phải nghỉ ngơi, tìm những nơi có môi trường trong lành để thư giãn, phục hồi sức khoẻ.

Một trong những nguyên nhân nữa làm cho số lượng khách đi du lịch gia tăng là sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện giao thông. Tiện nghi phục vụ cho các chuyến du lịch ngày càng đầy đủ hơn, dễ chịu hơn. Hành trình trên các phương tiện giao thông không còn ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ nên những người yếu, trẻ em và người già cũng tham gia đông đảo vào các chuyến du lịch.

#### *b. Xã hội hóa thành phần du khách*

Hàng loạt sự kiện chính trị, xã hội quan trọng đã xảy ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp trong nửa đầu thế kỷ XX đã biến du lịch thành một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của thế giới và là một hoạt động giải trí dành cho tầng lớp trung lưu. Sau thời gian

hoạt động du lịch bị gián đoạn bởi hai cuộc Thế chiến, khát vọng được đi du lịch dường như đã tăng lên mạnh mẽ hơn trước. Người ta bỏ lại những đau khổ và lo âu của chiến tranh đằng sau họ và khao khát đi du lịch. Chính nhờ đó mà du lịch lại phát triển nhanh chóng khi những xung đột, mâu thuẫn lắng xuống và sự bình thường hóa được thiết lập giữa các quốc gia.

Bước phát triển quan trọng nhất của du lịch trong thời đại công nghiệp là ở lĩnh vực giao thông. Sự xuất hiện ô tô và máy bay cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động du lịch. Hai loại hình giao thông này đã trở thành phương tiện du lịch được tầng lớp trung lưu, tầng lớp có số lượng đông đảo tin nhiệm. Tầng lớp người này trong xã hội đều hội đủ điều kiện thời gian và tài chính cho hoạt động du lịch. Năm 1958, vé máy bay hạng bình dân ra đời đã cho phép nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu sử dụng phương tiện vận chuyển hiện đại này. Việc mở rộng hệ thống xe khách đường dài cũng như các dịch vụ bưu điện đã đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch và kinh doanh lữ hành. Nhưng du lịch đường thủy vẫn có vẻ được chuộng hơn và thuận tiện hơn. Vào thế kỷ XVIII – XIX, tàu thủy là phương tiện thích hợp với những chuyến đi tới các vùng thuộc địa, đất mới như châu Phi, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, châu Á, Viễn Đông để mở rộng thị trường tiêu thụ, các con đường buôn bán và mở rộng thuộc địa. Trong khi các con tàu tung hoành khắp các biển, việc xuất hiện các đầu máy hơi nước, đường ray đã làm phong phú thêm các loại hình giao thông đường bộ.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơ cấu thành phần du khách có nhiều thay đổi. Du lịch không còn là một đặc quyền của tầng lớp quý tộc, tầng lớp trên của xã hội nữa. Xu thế quần chúng hoá thành phần du khách trở nên phổ biến ở mọi nước. Và trong bối cảnh đó, du lịch đại chúng thời hiện đại đã tự khẳng định mình. Lý do của hiện tượng này cũng là do mức sống của người dân được nâng cao, giá cả dịch vụ và hàng hóa không đắt, các phương tiện giao thông, vận tải lưu trú ... phong phú và thuận tiện. Ngoài ra còn phải kể đến chính sách của chính quyền. Ở nhiều nơi, nhà nước có những chính sách khuyến khích người dân đi du lịch do thấy rõ được ý nghĩa của hiện tượng này đối với sức khỏe cộng đồng. Ví dụ Chính phủ Nhật Bản đề ra chủ trương khuyến khích người dân đi du lịch ra nước ngoài trong các kỳ nghỉ phép năm. Với chính sách đó, trong giai đoạn đầu thập niên 90, hàng năm có từ 7-10 triệu người Nhật đi du lịch nước ngoài và chi tiêu khoảng 7- 13 tỷ đô la Mỹ. Chính sách khuyến khích thể hiện cụ thể ở việc giảm giá phương tiện đi lại, giảm giá lưu trú thông qua việc miễn giảm thuế. Nhiều nơi còn tổ chức các chuyến du lịch bao cấp cho cán bộ, công nhân viên, những người có thu nhập thấp và không có khả năng chi trả ...

### *c. Mở rộng địa bàn*

Sau khi người Anh chỉ ra giá trị du lịch của Địa Trung Hải với ba chữ S (Sea, Sand, Sun), luồng khách Bắc - Nam là hướng đi du lịch chủ đạo quan sát được trên thế giới. Người Anh, Hà Lan, Đức, Bỉ ...đổ về các miền bờ biển Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Italia để tận hưởng cái ấm áp, mát mẻ và trong xanh của vùng này. Như vậy bản chất của luồng khách Bắc - Nam là hướng dương và hướng thủy về các vùng biển nhiệt đới. Theo thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), trung bình cứ 8 người đi du lịch có một người đi nghỉ biển. Chính vì vậy, tại hội nghị toàn ngành du lịch tổ chức tại Hà Nội đầu năm 1997, Tổng Cục trưởng Tổng

cục Du lịch Việt Nam Võ Thị Thắng đã khẳng định: “*Trọng tâm phát triển du lịch Việt Nam trong các năm tới là các địa phương có biển. Du lịch tham quan và tắm biển sẽ vẫn là chìa khóa mở cánh cửa tiềm năng du lịch của đất nước*”.

Ngày nay, tuy hướng Bắc - Nam vẫn là hướng hấp dẫn nhiều du khách nhất, nhưng không còn giữ vai trò áp đảo như trước đây nữa. Đặc điểm của luồng khách này là tập trung vào kỳ nghỉ hè và có số lượng tương đối tập trung.

Luồng khách thứ hai ngày nay cũng đã thịnh hành là hướng về các vùng núi cao phủ tuyết được mệnh danh là vàng trắng (Lozato – Giotar, 1990). Nhu cầu về với thiên nhiên hoang sơ, nơi có không khí trong lành hay muốn được thử thách bản thân và thể hiện mình sẽ có điều kiện đáp ứng. Trượt tuyết, leo núi, săn bắn là các loại hình được nhiều người ưa thích.

Một luồng khách tuy mới phát triển nhưng rất có triển vọng trong tương lai gần là hướng chuyển động Tây - Đông. Theo các chuyên gia, thế kỷ XXI được gọi là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương. Trong những năm gần đây, số du khách từ các nước đến khu vực này gia tăng đáng kể. Một số người đến đây để tình cơ hội làm ăn, ký kết hợp đồng, nghiên cứu điều kiện đầu tư... Một số khác đến đây vì cảnh quan hay vì muốn tìm hiểu một nền văn hoá phương Đông đầy bản sắc và phần nào kỳ bí đối với họ. Những công trình kiến trúc tuy không đồ sộ nhưng ẩn chứa một giá trị tinh thần to lớn, những phong tục tập quán khác lạ ... luôn góp phần tạo nên những sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Ở châu Á, khu vực các nước Đông Nam Á là một trong những khu vực có hoạt động du lịch sôi động nhất. Nếu lấy tỷ lệ du khách trên đầu người dân thì Singapore có tỷ lệ vào hàng thứ nhất trên thế giới: 3/1. Malaysia và Thái Lan cũng được coi là những cường quốc du lịch đón du khách quốc tế trong khu vực.

#### *d. Kéo dài thời vụ du lịch*

Một trong những đặc điểm của hoạt động du lịch là mang tính thời vụ khá rõ nét. Điều này có nghĩa là về bản chất, du lịch là một hoạt động bị lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Ngày nay với trình độ khoa học kỹ thuật và khả năng kinh tế, con người đã và đang khắc phục được những hạn chế của thiên nhiên. Do tính thời vụ là một yếu tố bất lợi trong kinh doanh cho nên người ta đã tìm mọi cách để hạn chế ảnh hưởng của nó như mở rộng các loại hình du lịch, dịch vụ. Việc kéo dài mùa du lịch đã góp phần tăng thêm lượng khách trong những năm gần đây.

### **3.2. Tác động của các hoạt động du lịch đến môi trường**

Tác động của các hoạt động du lịch lên môi trường có thể làm thay đổi đặc điểm sử dụng tài nguyên hay các đặc tính của môi trường.

#### *a. Tác động tích cực*

Du lịch góp phần bảo vệ môi trường thông qua:

##### *\* Cung cấp nguồn tài chính*

- Du lịch góp phần bảo vệ các khu vực nhạy cảm về môi trường thông qua việc cung cấp nguồn tài chính. Thu nhập từ vé vào các công viên có thể được dùng để chi trả cho việc bảo vệ và quản lý các hệ sinh thái nhạy cảm.

- Ở một số nơi, chính quyền địa phương thu tiền bằng nhiều cách gián tiếp và có thể áp dụng rộng rãi mà không liên quan đến các khu vườn hoặc khu bảo tồn. Lệ phí sử dụng, thuế thu nhập, thuế doanh thu hoặc tiền thuê các cơ sở nghỉ ngơi, lệ phí cấp phép cho các hoạt động săn bắt và đánh cá ... có thể cung cấp các nguồn tài chính cần thiết để quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Những nguồn tài chính như thế có thể được sử dụng cho các chương trình và hoạt động bảo tồn nói chung, trả lương cho các nhân viên kiểm lâm và bảo vệ vườn. Ví dụ như chính quyền Seychelles ở Ấn Độ Dương đã đưa ra mức thuế 90USD cho du khách đến Seychelles. Thu nhập đó được sử dụng để bảo vệ môi trường và cải thiện cơ sở vật chất du lịch (UNEP, 1999).

*\* Gia tăng nhận thức đối với môi trường*

Du lịch có khả năng làm tăng nhận thức của cộng đồng về môi trường khi họ tiếp xúc gần gũi với thiên nhiên và môi trường. Sự tiếp xúc này khiến du khách có thể nhận thức đầy đủ các giá trị của thiên nhiên và có những hành vi và hoạt động có ý thức để bảo vệ môi trường. Ví dụ như học sinh Honduran từ Thủ đô Tegucigalpa thường được đưa đến tham quan rừng La Tigra để hiểu rõ về sự đa dạng của rừng mưa.

Để phát triển bền vững trong một thời gian dài, du lịch phải kết hợp chặt chẽ các nguyên tắc và các hoạt động tiêu dùng bền vững. Tiêu dùng bền vững là tạo ra các sản phẩm tiêu dùng được sản xuất bằng công nghệ sạch, và các dịch vụ, trong đó có dịch vụ du lịch được cung cấp theo phương pháp có thể giảm thiểu tác động vào môi trường. Du lịch còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các thông tin môi trường và làm tăng nhận thức cho du khách về những hậu quả môi trường do hoạt động của họ gây ra. Các định hướng cho khách du lịch và những hoạt động kinh doanh sử dụng những hàng hóa và dịch vụ mà được sản xuất và cung cấp theo phương pháp bền vững về môi trường, từ khâu bắt đầu cho đến khi kết thúc, sẽ có những tác động tích cực đối với môi trường toàn cầu.

*\* Bảo vệ và gìn giữ môi trường*

Du lịch góp phần rất lớn vào việc bảo vệ môi trường, gìn giữ và bảo tồn đa dạng sinh học và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhờ sự hấp dẫn đối với du khách mà các khu rừng tự nhiên hoặc nguyên sinh có giá trị đều được bảo vệ và quy hoạch thành các vườn quốc gia hoặc các khu bảo tồn thiên nhiên.

Ở Hawaii, có những luật lệ và quy định được ban hành để bảo tồn rừng mưa Hawaii và bảo vệ các loài bản địa. Các rạn san hô xung quanh các đảo và sinh vật biển thông qua đó cũng được bảo vệ. Hiện nay, Hawaii đã trở thành trung tâm quốc tế nghiên cứu về các hệ sinh thái. Sự phát triển của du lịch trên các đảo cũng là động cơ chủ yếu để duy trì các hoạt động bảo vệ và nghiên cứu về môi trường.

Grupo Punta Cana, một khu du lịch nổi tiếng của nước Cộng hòa Dominica, đã đưa ra một hình thức phát triển du lịch cao cấp kết hợp với bảo tồn. Khu du lịch này được xây dựng để thu hút các du khách tầng lớp thượng lưu đến giải trí trong khi vẫn bảo vệ tốt môi trường ở Punta Cana. Các nhà thiết kế đã dành riêng 10.000ha đất đai (tương đương với 24.700 mẫu Anh) để bảo tồn thiên nhiên và trồng các loài cây ăn trái bản địa. Khu bảo tồn thiên nhiên

Punta Cana có 11 suối nước ngọt được bao bọc bởi khu rừng á nhiệt đới với nhiều loài động thực vật quý hiếm vùng Caribe đang tồn tại ở trạng thái tự nhiên. Du khách có thể khám phá thế giới các loài chim, các loài thực vật vùng Caribe và “con đường thiên nhiên” dẫn ra biển qua rừng ngập mặn, đầm phá. Khu sinh thái Punta Cana đã khôi phục được rừng ở một số nơi cần được bảo vệ, những nơi mà trước đây cây gụ bản địa và những loài cây khác bị khai thác. Một số chính sách bảo vệ môi trường khác cũng đã ảnh hưởng tích cực đến khu du lịch này như các chương trình bảo vệ các dải phòng hộ ven biển và xử lý nước thải để sử dụng tưới cây. Các đường lãn bóng của sân gôn được trồng bằng một loại cỏ lai có thể tưới được bằng nước biển. Loại cỏ này chỉ cần một nửa lượng phân bón và thuốc trừ sâu so với các loại cỏ thường dùng. Khu du lịch này được xây dựng như một phòng thí nghiệm đa dạng sinh học của Đại học Cornell.

Du lịch cũng đã có những ảnh hưởng tích cực đối với những nỗ lực bảo vệ và gìn giữ thiên nhiên, đáng chú ý là ở châu Phi, Nam Mỹ, châu Á, châu Úc và Nam Thái Bình Dương. Trước nguy cơ nhiều loài động vật và thực vật đã trở nên tuyệt chủng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, nhiều nước đã thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên và ban hành luật nghiêm ngặt để bảo vệ các loài động vật có thể thu hút du khách yêu chuộng thiên nhiên. Kết quả là nhiều loài có nguy cơ bị đe dọa trước đây đã bắt đầu được khôi phục.

Du lịch có thể thay đổi những hoạt động gây ảnh hưởng lớn đến môi trường. Minh chứng là Trường Ngôn ngữ Tây Ban Nha Ecoescuela de Espanol được thành lập vào 1996 là một phần trong dự án Bảo tồn quốc tế làng Guatemalan ở San Andres. Trường này nằm trong Khu bảo tồn sinh quyển Maya, gắn những khoá học ngôn ngữ với các Tour sinh thái được hướng dẫn bởi người địa phương. Khu bảo tồn này tuyển dụng gần 100 người dân, trong đó có 60% số người được thuê trước đây là khai thác gỗ trái phép, săn bắn và chặt phá, đốt rừng làm rẫy. Mỗi năm khu bảo tồn tiếp nhận khoảng 1.800 du khách, phần lớn trong số họ là từ Mỹ và châu Âu. Một cuộc khảo sát kỹ lưỡng vào năm 2000 cho thấy, các gia đình được hưởng lợi từ việc kinh doanh du lịch này đã giảm đáng kể hoạt động săn bắn cũng như chặt - đốt rừng lấy đất làm rẫy.

#### *b. Tác động tiêu cực*

Các tác động tiêu cực chủ yếu của du lịch đến môi trường là việc gây sức ép lên môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phá huỷ các hệ sinh thái...

#### *\* Môi trường*

Du lịch có thể gây ra các hình thức ô nhiễm môi trường giống như bất kỳ các ngành công nghiệp khác như: khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn, nước thải, dầu, các hóa chất ... thậm chí cả ô nhiễm thẩm mỹ.

#### *- Ô nhiễm không khí và tiếng ồn*

Ô nhiễm không khí và tiếng ồn xảy ra gắn liền với các hoạt động xây dựng các công trình du lịch, giao thông vận chuyển hành khách, quá trình tổ chức các hoạt động phục vụ khách ... Nguyên nhân là do khí thải, tiếng ồn từ các loại máy xây dựng, các phương tiện giao

thông và bụi bẩn trong không khí, do quá trình đốt củi, than, dầu, ga... để đáp ứng nhu cầu về năng lượng ở các cơ sở du lịch...

Do sự gia tăng lượng khách và số lần đi du lịch nên giao thông bằng đường hàng không, đường bộ và đường sắt cũng ngày càng phát triển. Theo Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO), số lượng hành khách hàng không quốc tế trên thế giới đã gia tăng từ 88 triệu hành khách vào năm 1972 lên 344 triệu khách năm 1994 và 598 triệu khách năm 2004. Kết quả của sự gia tăng này là ngày nay trong vận chuyển bằng đường hàng không, khách du lịch chiếm 60% tổng hành khách nên du lịch cũng là tác nhân quan trọng trong việc gây ra ô nhiễm cho bầu khí quyển. Một công trình nghiên cứu ước tính rằng một chuyến bay vượt Đại Tây Dương thải ra gần bằng một nửa lượng CO<sub>2</sub> do một người thải ra trung bình hàng năm khi sử dụng các nguồn năng lượng như phát điện, đốt nóng, sử dụng ô tô ... (Mayer Hillman, 1996).

Việc sản xuất và sử dụng năng lượng trong giao thông có liên quan đến mưa axít, hiệu ứng nhà kính và sương mù quang hoá. Ô nhiễm không khí do việc sử dụng năng lượng trong các phương tiện giao thông dùng để vận chuyển khách du lịch thải ra carbon dioxide (CO<sub>2</sub>) đã có những tác động ở quy mô toàn cầu, và nó cũng góp phần làm cho môi trường không khí ở địa phương ô nhiễm nhiều hơn. Những tác động này rõ ràng hoàn toàn là do hoạt động của khách du lịch. Ví dụ như ở các nước rất nóng hay rất lạnh, các xe buýt chờ du khách trong các tour vẫn để động cơ nổ nhiều giờ trong khi du khách đã ra khỏi xe đi tham quan vì họ muốn sau khi tham quan xong sẽ được vào trong một chiếc xe có điều hoà không khí.

Ô nhiễm tiếng ồn từ máy bay, xe ô tô, xe buýt cũng như các phương tiện giải trí khác (karaoke, dancing...) liên quan đến ngành du lịch ngày càng gia tăng trong đời sống hiện đại. Nó không chỉ gây khó chịu, stress và thậm chí mất thính giác đối với con người mà còn làm suy thoái môi trường tự nhiên, đặc biệt là ở những khu vực nhạy cảm.

#### - Ô nhiễm nước

Du lịch có thể làm ô nhiễm nước thông qua các hoạt động:

+ Xả thải bừa bãi các vật liệu xây dựng, đất đá và các chất nạo vét; vứt rác hoặc xả nước thải bừa bãi vào các nguồn nước trong quá trình xây dựng, thải một lượng xăng dầu nhất định trong quá trình vận hành các thiết bị xây dựng làm ảnh hưởng đến cả nước mặt lẫn nước ngầm.

+ Giải phóng mặt bằng và san ủi đất để xây dựng các công trình và làm đường gây xói mòn và sạt lở đất đá, chặt phá rừng ngập mặn để xây bến cảng.

+ Các phương tiện giao thông đường thủy (tàu, thuyền du lịch, ca nô...) thải ra dầu mỡ, các chất hydro cacbon, ... vào các nguồn nước.

+ Sự hoạt động của các khách sạn, khu nghỉ mát và các cơ sở vật chất khác thường dẫn đến gia tăng ô nhiễm do nước thải. Nước thải chưa được xử lý tốt vì không có hoặc không đủ thiết bị xử lý gây ô nhiễm nguồn nước như làm ô nhiễm biển và các hồ xung quanh các khu du lịch. Nước thải cũng đe dọa nghiêm trọng đến các rạn san hô vì nó kích thích sự phát triển của tảo bao phủ xung quanh san hô, ngăn cản sự hấp thụ thức ăn của san hô. Theo Bộ Tài nguyên Môi trường, 80% số dải san hô và thảm cỏ biển Việt Nam nằm trong tình trạng rủi ro cao,

trong đó 50% ở tình trạng rủi ro cao. Sự thay đổi độ mặn và lắng đọng bùn có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường ven biển. Nước thải cũng có thể đe dọa đến sức khoẻ con người và động vật.

+ Hoạt động của du khách cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước như: xả rác bừa bãi khi qua phà; thả rác xuống nước từ trên tàu, thuyền ...

+ Khai thác nước ngầm phục vụ cho sinh hoạt của du khách ở vùng ven biển cũng ảnh hưởng đến môi trường nước, làm cho nước ngầm bị nhiễm mặn. Khi nhu cầu của du khách càng lớn thì mức độ khai thác nguồn nước ngầm càng nhiều.

- *Ô nhiễm do rác thải*

Ở các khu vực có sự tập trung du khách đông đúc như khu vực có phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn thì việc xử lý rác là một vấn đề quan trọng. Nếu xử lý không tốt thì có thể gây ra nhiều tác động bất lợi đối với môi trường tự nhiên cũng như nhân tạo. Rác thải và việc xả rác còn làm thay đổi các hướng dòng chảy tự nhiên, biến đổi đường bờ và làm cho sinh vật biển chết. Ngày nay một số tuyến tuần tra trên biển đang hoạt động tích cực đã làm giảm các tác động liên quan đến chất thải.

Ở vùng Caribê trải dài từ Florida đến Guianan đón 63.000 tàu thủy cập cảng mỗi năm và chúng thải ra 82.000 tấn rác với khoảng 77% lượng rác thải là chai lọ từ tàu. Một tàu trung bình có 600 thủy thủ và 1.400 hành khách. Trung bình mỗi hành khách trên tàu thải 3,5kg rác/ngày - so với 0,8kg rác của một người ở trên bờ biển (UNEP, 1999).

Ở miền núi, du khách bộ hành đã thải ra rất nhiều chất thải. Những người đi thám hiểm đã để lại nhiều loại rác rưởi, trong đó có các chai nước uống bằng plastic và thậm chí cả các dụng cụ cắm trại. Các hành động đó đã làm suy thoái môi trường bằng tất cả các loại vật phẩm của thế giới phát triển hiện đại ở những khu vực xa xôi vốn rất ít tổ chức việc thu gom và xử lý rác. Đó cũng là lý do tại sao một số con đường ở dãy núi Andes của Peru và ở Nepal thường được du khách viếng thăm có tên riêng là “đường Coca-Cola”, “đường giấy Toilet” ...

- *Ô nhiễm thẩm mỹ*

Thông thường các kiến trúc trong du lịch thiếu sự hoà hợp với những đặc điểm tự nhiên và kiến trúc truyền thống. Những khu nghỉ dưỡng lớn và cao tầng được thiết kế phục vụ cho du lịch mọc lên ở các khu thiên nhiên phá hoại cảnh quan địa phương cũng như phá vỡ kiến trúc truyền thống về xây dựng ở địa phương.

Ô nhiễm thẩm mỹ có thể xảy ra do khách sạn, nhà hàng có kiến trúc xấu xí thô kệch, vật liệu ốp lát không phù hợp, bố trí các dịch vụ thiếu khoa học, sử dụng quá nhiều phương tiện quảng cáo nhất là các phương tiện kém thẩm mỹ, dây điện, cột điện tràn lan, bảo dưỡng kém đối với các công trình xây dựng và cảnh quan. Phát triển du lịch hỗn độn, pha tạp, lộn xộn là một trong những hoạt động gây suy thoái môi trường và cảnh quan tệ hại nhất.

Việc thiếu quy hoạch sử dụng đất và các quy tắc xây dựng ở nhiều nơi dễ làm phát triển các công trình tràn lan dọc bờ biển, các thung lũng và các tuyến du lịch, trong đó có các công trình du lịch và cơ sở hạ tầng như giao thông, nhà ở, công viên, các khu dịch vụ và xử lý rác thải.

### \* Tài nguyên

Sự phát triển du lịch có thể gây sức ép lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên khi người ta tăng cường khai thác các vùng vốn được xem là khan hiếm tài nguyên. Các nguồn tài nguyên chủ yếu có nguy cơ bị ảnh hưởng xấu do du lịch là nước, đất, sinh vật ...

#### - Tài nguyên nước

Nguồn nước, đặc biệt là nước sạch, là một trong những nguồn tài nguyên rất khan hiếm hiện nay. Nước sạch cần thiết cho các ngành nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt ... Với sự phát triển du lịch mạnh mẽ đã gây thêm sức ép lên vấn đề cấp nước ở các điểm du lịch. Sự khan hiếm nước là một vấn đề nghiêm trọng đối với sự phát triển du lịch trong tương lai ở những khu vực ven biển và các đảo nhỏ, nơi khả năng cung cấp nước mặt rất hạn chế và nước ngầm thì lại bị nhiễm mặn.

Ngành du lịch nói chung đã sử dụng một nguồn nước rất lớn cho hoạt động của các khách sạn, bể bơi, sân golf và cho bản thân khách du lịch. Sự tiêu dùng quá mức bởi nhiều công trình du lịch, đặc biệt là các khách sạn lớn và các sân golf có thể làm giảm bớt nguồn cung cấp nước cho nông nghiệp và dân cư địa phương ở những vùng vốn đã khan hiếm nước, dẫn đến việc thiếu nước trầm trọng. Ngoài ra, việc tiêu dùng nhiều nước cũng sẽ tạo ra một lượng nước thải lớn gây ô nhiễm nguồn nước sạch.

Ở những khu vực khô nóng như Địa Trung Hải, vấn đề khan hiếm nước đang được quan tâm hàng đầu. Do khí hậu nóng nên du khách thường sử dụng nước trong khi đi du lịch nhiều hơn so với khi họ sử dụng ở nhà.

Việc bảo quản sân golf cũng làm cạn kiệt nguồn nước sạch. Trong những năm gần đây loại hình du lịch chơi golf ngày phổ biến và số lượng các sân golf tăng rất nhanh. Hàng ngày các sân golf cần một lượng nước rất lớn. Ví dụ hàng năm trung bình một sân golf ở nước nhiệt đới như Thái Lan cần sử dụng 1.500kg phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và sử dụng một lượng nước bằng lượng nước sử dụng cho 60.000 người dân vùng nông thôn (Tourism Concern, 2002). Nếu nước được lấy từ các giếng thì việc bơm nước cũng có thể gây ra sự xâm nhập nước mặn vào nước ngầm. Ngày nay các sân golf thường được quy hoạch, xây dựng ở các khu vực được khoanh vi bảo vệ hoặc ở những khu vực có nguồn tài nguyên hạn chế nên càng làm trầm trọng thêm các tác động nói trên.

Tác động trực tiếp của du lịch đến tài nguyên đất thông qua việc sử dụng đất để xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như nơi ăn nghỉ, cơ sở hạ tầng và sử dụng các vật liệu xây dựng.

Nếu không có quy hoạch sử dụng đất một cách hợp lý thì với sự phát triển du lịch một cách ồ ạt gắn liền với việc gia tăng các công trình du lịch và cơ sở nghỉ ngơi sẽ làm tăng nhu cầu về tài nguyên đất, đặc biệt là đất nông nghiệp dẫn đến giảm diện tích đất ngập nước, phá rừng lấy đất gây xói mòn đất ... Phát triển du lịch ở khu vực ven biển với các khách sạn, sân bay, đường giao thông cũng là một vấn đề cần quan tâm toàn cầu vì nó có thể làm tăng việc khai thác cát, xói mòn bờ biển và các hình thức suy thoái đất khác.

- *Tài nguyên sinh học*

Du lịch, đặc biệt là du lịch thiên nhiên có quan hệ chặt chẽ với đa dạng sinh học. Môi trường càng đa dạng và phong phú thì càng hấp dẫn đối với du khách. Tuy nhiên, sự suy giảm đa dạng sinh học có thể xảy ra khi môi trường ở khu du lịch bị khai thác và sử dụng quá mức. Việc suy giảm đa dạng sinh học này chắc chắn sẽ dẫn đến việc đánh mất đi tiềm năng du lịch.

Ảnh hưởng của việc suy giảm đa dạng sinh học:

+ Làm suy giảm việc cung cấp lương thực thực phẩm, các điều kiện để nghỉ ngơi và du lịch, nguồn lâm sản, dược liệu và năng lượng.

+ Hạn chế các chức năng sinh thái cần thiết như cân bằng loài, hấp thụ khí gây hiệu ứng nhà kính ...

+ Giảm năng suất hệ sinh thái nên làm giảm nguồn hàng hóa từ tự nhiên mà từ đó chúng ta có thể khai thác dần dần.

+ Làm hệ sinh thái mất ổn định và làm yếu khả năng chống chịu của nó đối với các thảm họa thiên nhiên như lũ lụt, hạn hán, bão, ô nhiễm do con người gây ra và khí hậu thay đổi.

- *Các nguồn tài nguyên khác ở địa phương*

Du lịch có thể gây áp lực lớn lên các nguồn tài nguyên khác của địa phương như năng lượng, thức ăn và các nguyên vật liệu khác. Khi việc khai thác các nguồn tài nguyên này càng lớn thì càng làm tăng những tác động tự nhiên liên quan đến việc khai thác chúng. Do ảnh hưởng của tính mùa vụ trong du lịch, nhiều nơi số lượng khách vào mùa cao điểm du lịch lớn gấp 10 lần so với mùa vắng khách. Vì vậy, nhu cầu các nguồn tài nguyên sử dụng để phục vụ du khách như năng lượng để sưởi ấm, đun nước nóng ... càng lớn.

\* *Các tác động đến các cảnh quan thiên nhiên*

Những cảnh quan thiên nhiên như các bãi biển, hồ, bờ sông, các đỉnh núi và sườn núi thường là các khu vực chuyển tiếp, những hệ sinh thái rất phong phú về thành phần loài.

Một hệ sinh thái là một vùng địa lý gồm các sinh vật (con người, thực vật, động vật và vi sinh vật), các yếu tố tự nhiên (như đất, nước, không khí) và các chu trình trao đổi vật chất của chúng. Các hệ sinh thái thường dễ bị suy thoái là những vùng rất nhạy cảm về mặt sinh thái như vùng rừng nhiệt đới, đầm lầy, rừng ngập mặn, các rạn san hô, các trảng cỏ ven biển... Những hệ sinh thái này rất hấp dẫn khách du lịch nên thường chịu những áp lực và ảnh hưởng xấu khi đưa vào khai thác, sử dụng mà thiếu sự quy hoạch và bảo vệ.

- *Các tác động đến tự nhiên do sự phát triển du lịch*

Sự phát triển du lịch tác động đến tự nhiên bao gồm các hoạt động:

+ Hoạt động xây dựng và mở rộng cơ sở hạ tầng

Sự phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như khách sạn, nhà hàng, cấp nước và các khu du lịch có liên quan đến việc khai thác cát sạn, xói lở các đụn cát và bờ biển, xói mòn đất ... Thêm vào đó, việc xây dựng đường giao thông (đường bộ và hàng không) có thể dẫn đến suy thoái môi trường sống của sinh vật và làm xấu phong cảnh.

Ví dụ như ở Vườn Quốc gia Yosemite (Mỹ), đường giao thông và cơ sở vật chất gia tăng tương ứng với lượng du khách để đáp ứng các dịch vụ phục vụ cho du khách. Các hoạt động này làm mất đi một phần môi trường sống ở trong vườn của sinh vật và kèm theo nhiều hình thức ô nhiễm như ô nhiễm không khí do khí thải từ ô tô.

+ Phá rừng và tăng cường sử dụng đất hoặc sử dụng không bền vững

Xây dựng khách sạn và cơ sở vật chất ở các khu trượt tuyết thường đòi hỏi phải phát quang đất rừng. Khu vực đầm lầy ven biển thì thường bị tháo nước và lấn chiếm để xây dựng các cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Các hoạt động này có thể làm mất sự yên tĩnh và suy thoái các hệ sinh thái địa phương trong một thời gian dài.

+ Phát triển du lịch ở ven biển

Việc mở mang bến thuyền và đê chắn sóng có thể làm thay đổi dòng nước và đường bờ biển. Hơn nữa, việc khai thác các vật liệu xây dựng đã ảnh hưởng đến hệ san hô, rừng ngập mặn và rừng trong nội địa, dẫn đến xói mòn và phá hủy các môi trường sống. Ở Philippin và Maldives, việc khai thác san hô để lấy vật liệu xây dựng cho các khu nghỉ mát đã hủy hoại hệ sinh thái san hô và nguồn cung cấp cá cho cư dân địa phương.

Việc xây dựng quá mức ở khu vực bờ biển có thể dẫn đến hủy hoại môi trường sống và phá vỡ các mối liên hệ đất - biển. Rạn san hô là hệ sinh thái rất mong manh đang ngày càng bị phá hoại do phát triển du lịch. Nhiều chứng cứ cho thấy những tác động đến rạn san hô phần lớn là do sự phát triển ở ven biển, do lượng bùn lắng đọng trong nước tăng lên, các tàu thủy bị mắc cạn, ô nhiễm do rác thải, đánh bắt hải sản quá mức bằng mìn và chất nổ đã tàn phá môi trường sống của san hô.

- *Các tác động đến tự nhiên do hoạt động của du khách*

+ Các tác động do sự giẫm đạp của du khách

Du khách đi trên một con đường mòn nhiều lần đã giẫm đạp lên thực vật và đất đai, cuối cùng gây ra những tổn hại có thể làm suy giảm đa dạng sinh học và những tác động khác. Những tổn hại như thế thậm chí ngày càng nhiều hơn khi các điểm du lịch thường xuyên mở ra những đường mòn khác để thu hút du khách.

+ Các hoạt động của du khách ở vùng biển và ven biển

Ở các vùng biển nhất là ven biển thường diễn ra các hoạt động của du khách ở trong hoặc xung quanh các hệ sinh thái nhạy cảm như neo đậu tàu, lặn có ống thông hơi hoặc bình khí nén, đánh bắt cá, du thuyền, ... gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái biển như san hô và đến việc bảo vệ các vùng biển và ngư trường.

- Suy thoái hệ sinh thái do các hoạt động của du khách

Môi trường sống có thể bị suy giảm do các hoạt động nghỉ ngơi của du khách. Ví dụ, khi du khách đến tham quan thiên nhiên quá đông có thể gây ra nhiều xáo trộn cho động vật và làm thay đổi các hoạt động tự nhiên của chúng. Các cuộc đi săn và truy tìm đã có những ảnh hưởng xấu đến môi trường sống vì du khách thường gây ra các tiếng ồn, các chấn động khi họ săn đuổi động vật hoang dại bằng xe ô tô hoặc máy bay. Điều này đã gây áp lực lớn lên những thói quen, những hoạt động của động vật và có xu hướng làm biến đổi những thói quen đó.

Trong một số trường hợp, như ở Kenya, đời sống động vật bị xáo trộn (nhiều loạn) đến nỗi thỉnh thoảng chúng tỏ ra thờ ơ với thú con hoặc quên cả bạn đời.

\* *Các tác động đến môi trường toàn cầu - Du nhập các loài ngoại lai*

Các loài sinh vật ngoại lai xâm hại được coi là một trong những mối đe dọa nguy hiểm nhất gây tổn thất đa dạng sinh học. Sinh vật ngoại lai xâm hại trước hết là những loài không có nguồn gốc bản địa. Khi được đưa đến một môi trường mới, các loài ngoại lai có thể không thích nghi được với điều kiện sống và do đó không tồn tại được. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp khác, do thiếu vắng các đối thủ cạnh tranh như ở quê nhà cùng với điều kiện sống thuận lợi, các loài này có điều kiện sinh sôi nảy nở rất nhanh và đến một lúc nào đó phá vỡ cân bằng sinh thái bản địa và vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Lúc này nó trở thành loài ngoại lai xâm hại.

Khách du lịch và các nhà cung cấp dịch vụ có thể là vô ý thức đã mang vào những loài ngoại lai xâm hại (côn trùng, các cây hoang dại, cây trồng và các mầm bệnh). Tác động mà các loài sinh vật xâm hại gây ra đối với môi trường sống rất đa dạng nhưng có thể gộp chung thành 4 nhóm:

- Cạnh tranh với các loài bản địa về thức ăn, nơi sống ...,
- Ăn thịt các loài khác,
- Phá huỷ hoặc làm suy thoái môi trường sống,
- Truyền bệnh và ký sinh trùng.

- *Suy thoái tầng ôzôn*

Tầng ôzôn nằm ở tầng bình lưu của khí quyển ở độ cao khoảng 12 - 50km. Tầng ôzôn đóng vai trò bảo vệ sự sống trên trái đất bằng cách hấp thu những tia cực tím (UV) từ mặt trời rất nguy hiểm đối với con người và động vật. Một số nhà khoa học cho rằng, sự suy giảm các loài lưỡng cư trên thế giới là do sự gia tăng tia UV.

Ôzôn bị suy thoái do các chất như CFC (Chlorofluorocarbon), các khí halon ... Du lịch cũng một phần tạo ra các khí này: Tác động trực tiếp của du lịch bắt đầu từ việc xây dựng, phát triển và tiếp tục trong quá trình quản lý và hoạt động du lịch. Việc sử dụng rộng rãi trong công nghiệp du lịch và khách sạn các tủ lạnh, máy điều hoà, các bình phun ... có chứa các chất gây suy thoái tầng ôzôn (ODS) hoặc từ máy bay cũng thải ra một lượng lớn các chất ODS. Theo Tourism Concern, các nhà khoa học dự báo vào khoảng năm 2015, du lịch bằng máy bay làm suy thoái một nửa tầng ôzôn hàng năm.

- *Biến đổi khí hậu*

Các nhà khí hậu học nhìn chung đều cho rằng nhiệt độ bề mặt trái đất tăng lên đều đặn trong những năm gần đây do sự gia tăng các khí gây hiệu ứng nhà kính. Một trong những nguồn khí quan trọng nhất là Carbon Dioxide (CO<sub>2</sub>) được tạo ra do các nhiên liệu hoá thạch (than, dầu, khí) bị đốt cháy (trong công nghiệp, phát điện, ô tô) hoặc do cháy rừng. Sau một thời gian dài, sự tích tụ CO<sub>2</sub> và các khí nhà kính khác trong bầu khí quyển sẽ làm khí hậu toàn cầu thay đổi.

Du lịch toàn cầu có quan hệ chặt chẽ với sự thay đổi khí hậu. Du lịch gắn liền với sự di chuyển của con người từ nơi ở của họ đến những nơi khác và chiếm khoảng 50% tổng lượng hành khách do giao thông chuyên chở và đã tạo ra khoảng 2,5% của tổng lượng CO<sub>2</sub> phát thải vào khí quyển. Trong các phương tiện giao thông phục vụ du lịch thì máy bay thải ra một lượng khí nhà kính lớn nhất. Số lượng khách du lịch quốc tế dự kiến tăng từ 594 triệu người năm 1996 lên gần 1,6 tỷ người vào năm 2020 cũng là một vấn đề đáng quan tâm đối với sự nóng lên toàn cầu và đòi hỏi phải có những biện pháp giảm khí thải từ máy bay.

### **3.2.2. Tác động của du lịch đến môi trường văn hóa - xã hội**

#### *a. Tác động tích cực*

- Du lịch là nguồn cổ vũ cho hoà bình

Thông qua du lịch con người có cơ hội tiếp xúc với nhau, tạo ra sự hiểu biết giữa người và người và giữa các nền văn hoá, tạo ra sự giao lưu văn hóa giữa người địa phương và khách du lịch. Vì vậy, sẽ có nhiều cơ hội để thông cảm, hiểu biết lẫn nhau và giảm đi những thành kiến giữa các dân tộc. Ví dụ như sự phát triển du lịch ở Belfast, Bắc Ai Len đã tạo ra việc làm giúp giải ngũ những nhóm lính bán quân sự đang thực hiện tiến trình hoà bình ở đây.

Do sự hiểu biết lẫn nhau mà giảm đi những thù ghét, hiểu lầm giữa các dân tộc. Đây chính là nguồn cổ vũ quan trọng cho hoà bình thế giới. Tại Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu lần thứ 1 về hoà bình thông qua du lịch (tháng 11-2000), có hơn 450 nhà quản lý du lịch trên thế giới đã phê chuẩn “Tuyên bố Amman”. Đây là tuyên bố khẳng định rằng du lịch là ngành công nghiệp hoà bình của thế giới. Văn kiện này góp phần xây dựng một nền văn hóa hoà bình thông qua du lịch và hỗ trợ du lịch vì các hoạt động nhân quyền cơ bản, không bị hạn chế quá mức, tôn trọng sự khác nhau về con người và sự đa dạng về văn hoá. Theo văn kiện, “Quan hệ hoà bình của nhân loại được xúc tiến và cổ vũ thông qua du lịch bền vững”. Nó kêu gọi sự bảo vệ và phục hồi các công trình lịch sử như là “tài sản quý đối với nhân loại và là di sản đối với các thế hệ tương lai”. Bảo vệ và sử dụng hợp lý môi trường kết hợp với giữ cân bằng sinh thái “ là sự cần thiết đối với tương lai của du lịch” khi thừa nhận “sự uyên thâm của người xưa và sự quan tâm đối với trái đất”.

- Du lịch củng cố cộng đồng

Du lịch có thể tăng cường sức sống cho cộng đồng theo nhiều cách. Du lịch tạo ra việc làm góp phần làm giảm sự di cư từ các vùng nông thôn lên thành thị. Cũng nhờ những lợi ích do du lịch mang lại, các cộng đồng địa phương thể hiện sự đoàn kết và quyết tâm của cộng đồng đối với các tài sản vốn có của mình. Ví dụ như người San ở Namibia, Nam Phi và những thổ dân ở châu Úc gần đây đã giành lại chủ quyền đối với các vườn quốc gia và khu bảo tồn truyền thống. Họ làm các túp lều sinh thái và làm việc như những hướng dẫn viên và nhân viên để bảo vệ di sản của họ (UNEP, 2005).

- Phát triển du lịch đem lại lợi ích cho người dân địa phương

Du lịch góp phần tăng cường cơ sở vật chất và dịch vụ cho cộng đồng, đem lại mức sống cao hơn cho các địa điểm du lịch. Những lợi ích này bao gồm cả việc cải tạo cơ sở hạ

tàng, cải thiện điều kiện y tế, giao thông, xây dựng các cơ sở thể thao và giải trí, các nhà hàng mới, đồng thời có được nhiều loại hàng hóa và thức ăn với chất lượng cao hơn...

- Du lịch nâng cao các giá trị văn hóa và truyền thống

Du lịch có thể đẩy mạnh việc bảo tồn và giao lưu các truyền thống văn hoá- lịch sử, góp phần bảo tồn và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên, bảo vệ các di sản ở địa phương, phục hưng các nền văn hóa bản xứ, các nghề thủ công mỹ nghệ.

- Du lịch còn tạo ra các khả năng hỗ trợ đắc lực cho việc bảo tồn các di tích lịch sử, khảo cổ đang có nguy cơ bị tàn lụi, đặc biệt là các di tích ở những đất nước nghèo không có đủ tiềm lực kinh tế để trùng tu hay bảo vệ như:

- + Các di sản kiến trúc.

- + Nghệ thuật, văn hoá, đồ thủ công, lễ hội, trang phục, lối sống truyền thống.

- + Đóng góp kinh phí trực tiếp hay gián tiếp (thông qua ngân sách) cho việc phát triển các bảo tàng, nhà hát, các hoạt động văn hóa truyền thống, kể cả văn hóa ẩm thực.

- + Góp phần khôi phục niềm tin và tự hào dân tộc, bảo vệ tính đa dạng văn hoá, đặc biệt đối với các dân tộc thiểu số, do việc người địa phương thấy du khách, nhất là khách ngoại quốc, thích chiêm ngưỡng và tôn trọng các đặc trưng văn hóa của dân tộc mình.

- Du lịch cổ vũ cho lòng tự hào và quan hệ cộng đồng

Du lịch làm tăng nhận thức của địa phương về giá trị kinh tế của các khu vực tự nhiên và văn hóa và qua đó có thể khơi dậy niềm tự hào đối với những di sản của quốc gia và địa phương cũng như quan tâm đến việc giữ gìn chúng.

- Du lịch còn là phương tiện giáo dục lòng yêu đất nước, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc. Thông qua các chuyến đi tham quan, nghỉ mát, văn cảnh ... người dân có điều kiện làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử và văn hóa dân tộc, qua đó thêm yêu đất nước mình.

Trên đây là một số ảnh hưởng tích cực khi du lịch được tổ chức và phát triển một cách hợp lý và bền vững, trong đó người dân địa phương đóng vai trò quan trọng. Cộng đồng này liên quan đến việc quy hoạch và thực hiện hoạt động du lịch. Nếu họ có một thái độ tích cực, ủng hộ thì sẽ có cơ hội để thu được nhiều lợi ích từ du lịch. Do vậy, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển du lịch bền vững là phát triển cộng đồng.

#### *b. Tác động tiêu cực*

- Thương mại hóa các đặc trưng và giá trị của địa phương

Du lịch có thể làm biến đổi những nét văn hóa địa phương thành hàng hoá, những nghi lễ tín ngưỡng và lễ hội dân tộc bị thay đổi để đáp ứng nhu cầu của du khách, kết quả là làm xuất hiện các “thành phố lễ hội được cải biến lại”. Nhu cầu về các mặt hàng lưu niệm, nghệ thuật, giải trí và các mặt hàng khác ở địa phương nhằm phục vụ cho nhu cầu mua sắm và thưởng thức của khách du lịch có thể gây ra những thay đổi cơ bản trong các giá trị nhân văn. Những địa điểm và đồ vật thiêng liêng không còn được tôn trọng khi chúng được xem như những hàng hóa để bán.

- Mất bản sắc văn hoá

Du khách luôn muốn có những vật lưu niệm, mỹ thuật, thủ công mỹ nghệ và những buổi biểu diễn văn hóa thì ở những địa điểm du lịch, những nghệ nhân địa phương có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng gia tăng của du khách. Tuy nhiên, họ cũng phải có những thay đổi trong thiết kế sản phẩm để làm cho chúng đa dạng hơn, phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của du khách. Đây là một vấn đề có tính hai mặt, vừa giúp bảo tồn các truyền thống văn hoá, nhưng đồng thời cũng có thể xảy ra những mai một về văn hóa trong quá trình thương mại hóa những sản phẩm này. Trong một số trường hợp có thể làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc vì có sự vượt trội hơn của các đặc trưng văn hóa ngoại lai do du khách mang tới so với văn hóa bản địa.

- Bất đồng về văn hoá

Do du lịch gắn liền với việc di chuyển của du khách từ nhiều miền khác nhau và có những quan hệ xã hội khác nhau nên dễ xảy ra các bất đồng về văn hoá, tôn giáo, dân tộc, các giá trị và phong cách sống, ngôn ngữ và mức độ phát triển ... Kết quả là vượt quá sức tải xã hội (giới hạn có thể làm thay đổi hệ thống xã hội) và sức tải văn hóa (giới hạn có thể làm thay đổi văn hóa của người dân địa phương) của cộng đồng địa phương.

Thái độ bất đồng của cư dân địa phương đối với sự phát triển du lịch thường được thể hiện qua sự thờ ơ, khó chịu và có ý phản đối với du khách. Hiểu lầm và xung đột có thể nảy sinh giữa khách và chủ vì những khác biệt về ngôn ngữ, thói quen, tôn giáo và cách ứng xử. Sự bất đồng về văn hóa có thể thấy rõ hơn thông qua:

+ Sự khác biệt về thu nhập: Nhiều du khách có cách tiêu dùng và phong cách sống tương đối khác biệt. Đôi khi, nhiều du khách thích tìm kiếm những thú vui lập dị và tiêu xài tiền rất thoải mái. Khi người dân địa phương tiếp xúc với du khách này sẽ có hành vi bất chước du khách vì họ cũng muốn sống và cư xử như thế trong khi thu nhập giữa chủ và khách thì quá chênh lệch. Ví dụ như ở các khu du lịch của Jamaica, Indonesia hoặc Brazil, nhân viên du lịch địa phương làm việc nhiều giờ trong ngày chỉ với mức lương trung bình hàng năm 1.200 - 3.000 USD phải tiếp xúc và gần gũi với du khách có thu nhập cao hơn nhiều (80.000 USD/năm).

+ Cách cư xử của du khách.

Du khách thường không biết hoặc bất cẩn, thiếu tôn trọng những phong tục tập quán và các giá trị đạo đức ở địa phương. Khi họ làm như vậy, có thể họ đã tạo ra một sự khó chịu lặp đi lặp lại nhiều lần nên đã gây ảnh hưởng lớn đến thái độ của người dân địa phương đối với du khách. Ví dụ như ở nhiều nước Hồi giáo, vẫn còn nhiều quy định khắt khe đối với sự xuất hiện và hành vi của phụ nữ Hồi giáo ở chốn công cộng. Họ luôn phải trùm kín người khi đi ra đường. Khách du lịch đến các nước này thường không biết hoặc không nhận thấy những quy định này nên họ thường mặc những váy ngắn lộ liễu, thậm chí là bikini đi tắm biển hoặc uống nhiều rượu một cách công khai. Bên cạnh việc tạo ra các ấn tượng xấu thì cách cư xử này có thể kích lệ những người địa phương không tôn trọng truyền thống và tôn giáo của họ nữa, tạo ra một sự xáo trộn trong cộng đồng địa phương. Những kiểu bất đồng về văn hóa như thế cũng từng đã xảy ra trong các cộng đồng Cơ đốc giáo ở quần đảo Po-ly-ne-di, vùng Caribe và Địa Trung Hải.

+ Mức độ công việc

Ở các nước đang phát triển, nhiều người dân địa phương làm việc trong ngành du lịch ở mức độ thấp như hầu phòng, bồi bàn, làm vườn ... trong khi những công việc quản lý được trả lương cao lại thuộc về người nước ngoài hay “kiều bào thành thị”. Do người địa phương thiếu kỹ năng lao động, kỹ năng quản lý ở các khách sạn và nhà hàng nên các khu du lịch thường thu hút những người có khả năng làm những công việc ở trình độ cao từ các nơi khác đến. Điều này gây ra sự xích mích, căng thẳng và gia tăng sự kỳ thị giữa các lực lượng lao động..

- Gây ra các áp lực căng thẳng trong xã hội

+ Mất hoặc giảm các kiệt tác văn hoá. Sự tổn hại tài nguyên văn hóa có thể do gia tăng sự phá hoại, ăn cắp và di chuyển các loại di sản văn hóa bất hợp pháp. Vấn đề này thường gặp ở các công trình khảo cổ của Ai Cập, Colombia, Mexico và Peru. Những người bảo vệ được trả lương rất ít nên họ đã tìm cách bán những chế tác cho khách du lịch.

+ Nguồn tài nguyên khan hiếm có thể dẫn đến các mâu thuẫn trong việc tranh quyền sử dụng các nguồn tài nguyên quan trọng như nước, năng lượng ... giữa du lịch và các ngành kinh tế khác của địa phương. Du lịch có thể gây áp lực lên cộng đồng địa phương như làm suy thoái môi trường và tăng chi phí cơ sở hạ tầng cho cộng đồng địa phương, ví dụ như tăng thuế cao hơn để cải thiện việc cấp nước hoặc các điều kiện vệ sinh.

+ Mâu thuẫn với các loại hình sử dụng đất truyền thống ở các khu vực được khai thác mạnh như vùng ven biển (các bãi biển và các đảo). Sự mâu thuẫn tăng lên khi phải lựa chọn giữa việc sử dụng đất cho phát triển du lịch hay sử dụng đất theo truyền thống địa phương. Người dân bản xứ thường là người thua cuộc trong các cuộc tranh luận về vấn đề này vì những giá trị kinh tế do du lịch đem lại thường lớn hơn.

- Các vấn đề về đạo đức và an toàn xã hội

Ngoài những ảnh hưởng tiêu cực vừa đề cập trên đây du lịch còn tạo ra những vấn đề nghiêm trọng hơn liên quan đến đạo đức và tội phạm.

+ Tội phạm

Thực tế chứng minh rất rõ ràng rằng tốc độ phạm tội thường gia tăng theo tốc độ phát triển du lịch và phát triển đô thị hóa của một vùng. Sự xuất hiện một lượng lớn du khách với một lượng tiền lớn để tiêu dùng và những đồ dùng có giá trị như camera, nữ trang ... đã lôi kéo sự chú ý của bọn tội phạm làm nảy sinh các hành động cướp giật, buôn bán ma túy ... Ở Rio de Janeiro, (Brazil) du khách ở các khu du lịch 5 sao bên bờ biển cạnh những khu nhà ổ chuột sát sườn đồi Favelas thường bị bị móc túi hoặc cướp giật. Du lịch cũng có thể làm gia tăng nạn cờ bạc dẫn đến những hành vi xấu khác trong xã hội.

+ Lao động trẻ em.

Những nghiên cứu của ILO cho thấy rằng nhiều công việc trong ngành du lịch đòi hỏi thời gian làm việc nhiều nhưng không ổn định, lương thấp, ít đào tạo và trình độ chuyên môn thấp. Thêm vào đó, sự phát triển gần đây của ngành kinh doanh du lịch và lữ hành (mở rộng tự do, cạnh tranh, tập trung, giảm vé đi lại, gia tăng ký hợp đồng phụ ...) và việc đưa vào những công nghệ mới dường như làm tăng các điều kiện làm việc theo hướng tạm thời và linh hoạt hơn. Do vậy, trẻ em được tuyển dụng vì họ là những nhân công rẻ tiền và dễ sai khiến.

Theo ILO, ước tính có 13 - 19 triệu trẻ em và những thanh niên dưới 18 tuổi được thuê làm việc trong các nền công nghiệp thế giới (trong đó ngành du lịch thuê 15%). Tuy nhiên con số này cũng chưa được thống kê một cách đầy đủ.

Lao động trẻ em trong ngành du lịch có cả ở các nước phát triển lẫn các nước đang phát triển. Nhiều trẻ em nam và nữ dưới 12 tuổi được thuê làm các công việc nhỏ liên quan đến khách sạn và nhà hàng, giải trí, bán hàng lưu niệm ... như những phu khuân vác, người bán dạo trên đường hoặc bãi biển và họ thường phải chịu những điều kiện làm việc rất khắc khe.

+ Nạn mãi dâm và du lịch sex

Việc lợi dụng du lịch để kinh doanh tình dục phụ nữ và trẻ em đã và đang phát triển ở nhiều nơi trên thế giới. Mặc dù du lịch không phải là nguyên nhân khai thác tình dục nhưng nó tạo điều kiện để thực hiện công việc kinh doanh tình dục dễ dàng. Sự cám dỗ của đồng tiền dễ kiếm được đã khiến cho nhiều phụ nữ bao gồm cả trẻ em phải bán thân. Trong nhiều trường hợp khác, trẻ em bị bán vào các nhà chứa gần các khu du lịch và bị biến thành nô lệ tình dục và rất hiếm khi kiếm đủ tiền để trốn thoát.

Nhiều địa điểm du lịch trở thành các trung tâm buôn bán trẻ em bất hợp pháp được hỗ trợ bởi một mạng lưới gồm những người dẫn khách, tài xế taxi, nhân viên khách sạn, chủ nhà chứa, các cơ sở giải trí và những người tổ chức sex tour trọn gói. Ở quy mô quốc tế, có những đại lý cung cấp thông tin về những khu du lịch đặc biệt, nơi mà các hoạt động tình dục như thế diễn ra được xem là bình thường.

Như vậy, du lịch tác động đến môi trường văn hóa ở cả hai khía cạnh tích cực lẫn tiêu cực và có thể tóm tắt một số tác động cơ bản đó qua bảng 2.3.

*Bảng Tóm tắt các tác động của du lịch đến văn hóa - xã hội*

<b>Loại hình</b>	<b>Tác động tích cực</b>	<b>Tác động tiêu cực</b>
Di sản	- Cải thiện chất lượng các di sản	- Xuất hiện các kiểu kiến trúc phi truyền thống. - Thất thoát di sản do mua bán.
Ngôn ngữ	- Quan tâm hơn đến việc bảo tồn ngôn ngữ truyền thống nếu chúng được coi là đặc điểm hấp dẫn du khách	- Gây áp lực lên ngôn ngữ bản xứ nếu du khách không thể hoặc không muốn giao tiếp với người địa phương bằng ngôn ngữ bản xứ.
Tôn giáo	- Gia tăng hệ thống tôn giáo của địa phương.	- Đánh mất tâm linh ở những khu vực tôn giáo bị du khách chi phối.

Nghệ thuật truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thị trường mới cho hàng thủ công và các loại hình nghệ thuật truyền thống.</li> <li>- Khôi phục được các loại hình nghệ thuật truyền thống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gây áp lực làm thay đổi các hàng thủ công truyền thống bằng những sản phẩm du khách cần.</li> <li>- Tầm thường hóa hoặc sửa đổi nghệ thuật truyền thống để đáp ứng nhu cầu của du khách.</li> </ul>
Lối sống truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao nhận thức và hiểu biết về lối sống ở nhiều nơi trên thế giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đe dọa chuyển từ tự cung tự cấp sang phụ thuộc.</li> <li>- Tạo ra nhiều thói quen, tập quán mới.</li> </ul>
Giá trị và hành vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu những mặt tích cực trong giá trị và hành vi của du khách</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia tăng tội phạm, và có nguy cơ giảm đạo đức cá nhân</li> </ul>

### 3.2.3. Tác động của du lịch đến kinh tế

Ngành công nghiệp du lịch đã tạo ra nhiều lợi ích kinh tế cho cả nước đón khách lẫn nước gửi khách đi du lịch, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Một trong những động cơ thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế cho một địa phương là phải xúc tiến nó trở thành một điểm du lịch. Tuy nhiên, cũng như những tác động đối với môi trường tự nhiên và văn hóa - xã hội, việc phát triển du lịch một cách ồ ạt cũng đưa đến những hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế của một khu vực hay một quốc gia.

#### a. Tác động tích cực

Những tác động tích cực về kinh tế của du lịch chủ yếu liên quan đến việc tăng thu nhập cho đất nước, cho chính phủ, tạo việc làm, tạo cơ hội kinh doanh ...

- Du lịch góp phần tăng GDP cho nền kinh tế quốc dân

Ở nhiều nước trên thế giới, du lịch từ lâu đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm từ 40 - 60% tỷ trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tại Châu Âu, một số nước, ngành du lịch đã phát triển vượt bậc như: Pháp, Tây Ban Nha, Italia ... đón hàng chục triệu khách tới các nước này mỗi năm, có nước số lượt khách tới thậm chí cao gấp hai đến ba lần số dân nước đó, nhất là các nước có danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử và kiến trúc lâu đời và nổi tiếng.

Vai trò, vị trí của ngành du lịch trong nền kinh tế quốc dân cũng ngày càng tăng và được khẳng định. Đối với nền kinh tế của vùng Caribbean như các hòn đảo Cayman, Barbados, Curacao, Saint Bart, Saint Martin, Bonaire, Aruba, Antigua và một số hòn đảo nhỏ ở Thái Bình Dương; ngành du lịch chiếm khoảng 50-60% GDP. Ở vùng Châu Á-Thái Bình Dương, thu nhập từ du lịch chiếm khoảng 8-10% GDP ở Indonesia và Philippine, 12% ở Malaysia, 16% ở Thái Lan, và 20% ở Singapo và Hồng Kông. Việc tiêu dùng, xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như dịch vụ du lịch đều tạo ra thu nhập cho nền kinh tế địa phương nên giúp tăng được nguồn đầu tư tài chính cho các ngành kinh tế khác.

Trên toàn cầu, thu nhập ngành du lịch chiếm khoảng 45,8% tổng thu nhập của tất cả các ngành dịch vụ trong giai đoạn 1990-2002; đặc biệt ở các nước đang phát triển thì tỷ trọng

của ngành du lịch còn cao hơn, chiếm khoảng 60%. Du lịch được xem là một ngành công nghiệp lớn, tập trung nhiều lao động và cũng là một ngành mang lại thu nhập lớn cho ngân sách quốc gia. Năm 2002, du lịch chiếm khoảng 8,8% GDP của thế giới và WTO đã dự báo đến năm 2010 sẽ tăng lên 12,5%.

- Đóng góp vào thu nhập của chính phủ

Du lịch đóng góp vào thu nhập của chính phủ có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp. Các đóng góp trực tiếp bao gồm thuế thu nhập từ các nhà kinh doanh du lịch, nhân viên du lịch và thuế thu từ khách du lịch. Du khách phải trả thuế hải quan, thuế nhập cảnh, lưu trú hoặc gián tiếp là thuế doanh thu khi mua hàng hóa và dịch vụ. WTTC ước tính nguồn thu từ thuế cá nhân, từ du lịch một cách trực tiếp và gián tiếp trên thế giới vào 1998 là hơn 800 triệu USD, con số này theo dự báo sẽ gấp đôi vào năm 2010.

Tuy nhiên cũng cần cần lưu ý rằng khách du lịch không nên được coi là những người sẵn tiền để dễ dàng khai thác quá mức như trong trường hợp phục vụ cho khách nội địa thì giá rẻ nhưng phục vụ cho khách quốc tế thì giá rất cao. Nếu khách du lịch quốc tế biết điều này họ sẽ có cảm giác như đang bị móc túi, do vậy sẽ giảm chi tiêu đến mức thấp nhất và sẽ một đi không trở lại.

- Góp phần cân bằng cán cân thanh toán quốc tế

Trên quan điểm coi du lịch là hoạt động xuất, nhập khẩu của một quốc gia, ý nghĩa kinh tế của du lịch được xem xét trên hai mặt: sự ảnh hưởng đến cán cân thanh toán quốc tế và sự góp phần tăng sản phẩm quốc dân (GNP) của đất nước.

Với sự gia tăng thu nhập ngoại tệ, du lịch có ảnh hưởng đáng kể đến cán cân thanh toán của nhiều quốc gia. Trong xuất, nhập khẩu du lịch, một điều cần lưu ý ở nước ta cũng như ở những nước đang phát triển khác là do nhu cầu bù đắp thiếu hụt trong cán cân thanh toán quốc tế nên chính quyền một mặt kích thích xuất khẩu du lịch (tạo khả năng thu hút khách du lịch quốc tế), mặt khác hạn chế cư dân nước mình đi du lịch ở nước ngoài. Ngoài ra, bên cạnh việc cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, sự gia tăng xuất khẩu du lịch sẽ đồng thời làm tăng tổng sản phẩm quốc dân của đất nước.

- Mở ra khả năng thu hút, sử dụng sức lao động nhàn rỗi

Với sự phát triển nhanh chóng và do đặc thù là dịch vụ nên ngành du lịch có hệ số sử dụng lao động rất cao. Theo thống kê của Singapore, để tạo ra một triệu USD, ngành ngoại thương thuê 14 lao động, trong khi đó du lịch cần 27- 33 lao động.

Sự phát triển nhanh chóng của du lịch quốc tế đã tạo ra nhiều việc làm. Ví dụ như chỉ riêng ngành khách sạn đã tạo ra 11,3 triệu việc làm trên thế giới năm 1995. Du lịch tạo việc làm trực tiếp thông qua khách sạn, nhà hàng, taxi, bán hàng lưu niệm ... và gián tiếp thông qua cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho du lịch. Theo WTO, lao động trong ngành du lịch chiếm 7% lực lượng lao động thế giới.

- Kích thích đầu tư

Nhìn chung, sự phát triển của bất kỳ ngành kinh tế nào cũng tạo ra cơ hội đầu tư. Nhưng khác với các ngành khác, ngành du lịch có một cấu trúc độc đáo - đó là ngành được tạo

nên bởi rất nhiều doanh nghiệp nhỏ của các loại dịch vụ khác nhau. Vì thế, sự đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng (hệ thống đường sá công viên ...) và đôi khi cả kiến trúc thượng tầng (nghệ thuật văn hóa dân gian ...) nhằm tạo điều kiện cho du lịch phát triển sẽ kích thích sự đầu tư rộng rãi của các tầng lớp nhân dân và của các doanh nghiệp nhỏ.

Vì quy mô nhỏ, đòi hỏi về vốn đầu tư tương đối thấp, do đó sự đầu tư được triển khai nhanh. Sự đầu tư xuất phát từ du lịch sẽ kéo theo sự bùng nổ đầu tư ở các ngành sản xuất và dịch vụ khác như xây dựng, giao thông vận tải, tiểu thủ công nghiệp, thông tin liên lạc... Ngoài ra, du lịch còn kích thích chính quyền địa phương có những cải thiện tốt hơn về cơ sở hạ tầng như hệ thống điện, nước, đường giao thông, bưu chính viễn thông, thu gom rác thải ... để có thể cải thiện chất lượng cuộc sống cho cư dân cũng như cho khách du lịch.

- Thúc đẩy sự phát triển của địa phương

Thường những vùng có khả năng thu hút khách du lịch là những vùng có phong cảnh thiên nhiên đẹp nhưng nền kinh tế còn ít phát triển. Khi du lịch phát triển, sự tiêu dùng của khách du lịch sẽ làm cho sự phân phối tiền tệ và cơ hội tìm việc làm đồng đều hơn. Do vậy, du lịch là một trong những biện pháp hữu hiệu để giúp tăng tốc những vùng có tốc độ phát triển kinh tế thấp.

Trong du lịch, có những khoản tiêu dùng ở địa phương khó xác định bởi vì không phải bất cứ tiêu dùng nào của du khách cũng được đưa vào thống kê. Ví dụ như số tiền kiếm được thông qua việc làm không chính thức như bán hàng dạo trên đường, hướng dẫn viên nghiệp dư, đội ngũ xích lô, xe thồ ... Hội đồng Du lịch và Lữ hành quốc tế ước tính rằng du lịch tạo ra nguồn thu không chính thức có thể bằng 100% nguồn thu chính thức ở các địa phương.

- Du lịch là phương tiện tuyên truyền và quảng cáo không mất tiền cho nước chủ nhà

Khi khách đến du lịch, khách có điều kiện làm quen với một số mặt hàng ở nước mà họ đến. Khi trở về đất nước của mình, khách bắt đầu tìm kiếm những mặt hàng đó ở thị trường địa phương và nếu không tìm thấy, khách có thể yêu cầu cơ quan ngoại thương nhập khẩu những mặt hàng ấy. Theo cách này, du lịch quốc tế góp phần tuyên truyền cho nền sản xuất của nước du lịch chủ nhà.

Sự phát triển du lịch quốc tế còn có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố các mối quan hệ kinh tế quốc tế theo các hướng như ký kết hợp đồng trao đổi khách giữa các nước, các tổ chức và các hãng du lịch, tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch.

Những vấn đề nêu trên là những ý nghĩa trực tiếp của sự phát triển du lịch và nó còn ảnh hưởng gián tiếp đến nền kinh tế thông qua hiệu quả liên đới trong du lịch.

- Tạo nên hiệu quả kinh tế liên đới trong du lịch

Tiêu dùng của khách du lịch sẽ tạo nên thu nhập của các doanh nghiệp du lịch. Các doanh nghiệp du lịch lại tiêu dùng các thu nhập của mình và lại tạo nên thu nhập cho các ngành khác và cứ như thế nó tạo nên một chuỗi tiêu dùng - thu nhập - tiêu dùng - thu nhập... và chuỗi này tiếp tục cho đến khi có sự "rò rỉ" làm chuỗi này tạm dừng lại (Trương Sĩ Quý, Hà Quang Thọ, 1995).

b. Tác động tiêu cực

Phát triển du lịch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế của nước chủ nhà. Thông thường các nước giàu có thu được nhiều lợi ích hơn so với các nước nghèo. Trong khi những nước chậm phát triển có nhu cầu cấp bách nhất là tăng thu nhập, tạo việc làm, và tăng mức sống nói chung bằng cách dựa vào du lịch thì họ lại là người thu được ít lợi ích nhất. Nguyên nhân là do thu nhập du lịch bị chuyển ra khỏi nước chủ nhà và ngăn cản việc buôn bán và sản xuất ở địa phương liên quan đến các dịch vụ du lịch.

- Sự “rò rỉ” trong du lịch

Thu nhập trực tiếp của một khu vực tổ chức hoạt động du lịch là lượng tiêu dùng của du khách còn lại ở địa phương sau khi trừ phần thuế, phần lợi nhuận và tiền lương, phần chi trả ra bên ngoài và mua hàng nhập khẩu. Phần chi trả ra ngoài một khu vực (hay đất nước) gọi là sự “rò rỉ”. Trong hầu hết các tour du lịch trọn gói, khoảng 80% thu nhập của du khách là chi cho máy bay, khách sạn và các công ty quốc tế (các công ty này thường có Trung tâm quản lý nằm ở nước gửi khách) chứ không phải cho nền kinh tế và lao động ở địa phương. Thêm vào đó, lượng thu nhập trực tiếp thực sự còn lại ở nơi đón khách cũng có thể “rò rỉ” thêm một lần nữa khi tiền đem tiết kiệm dưới nhiều hình thức khác nhau mà không tiêu dùng, không đầu tư, không gửi ngân hàng, không cho vay, tức là không có sự lưu thông tiền tệ thì hiệu quả tạo ra cũng tương tự như khi nhập khẩu hàng hoá.

Có 2 trường hợp xảy ra rò rỉ liên quan đến ngoại tệ:

+ Rò rỉ do nhập khẩu: Điều này thường xảy ra khi du khách đòi hỏi các tiêu chuẩn cao về thiết bị, thực phẩm và các sản phẩm mà nước chủ nhà không cung cấp được, nhất là ở các nước chậm phát triển hơn, do vậy nhiều mặt hàng phải được nhập khẩu vì các sản phẩm ở địa phương không đáp ứng được các yêu cầu của khách du lịch hoặc địa phương không có ngành công nghiệp cung cấp các sản phẩm chất lượng cao. Phần lớn tiêu dùng của du khách đã rời khỏi đất nước một lần nữa để trả cho các loại hàng nhập khẩu này.

Theo UNCTAD, sự rò rỉ liên quan đến nhập khẩu đối với hầu hết các nước đang phát triển có nền kinh tế nhỏ chiếm khoảng 40 - 50% của thu nhập du lịch và đối với các nước tiến bộ với nền kinh tế đa dạng là khoảng 10 - 20% (Caribbean Voice, 2005)

+ Rò rỉ do xuất khẩu: Thông thường các nước đang phát triển chỉ có một số vốn hạn chế để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật du lịch. Vì vậy, sự rò rỉ do xuất khẩu tăng lên khi những nhà đầu tư nước ngoài cấp vốn xây dựng các khu du lịch và khách sạn rời thu lợi nhuận về nước họ.

Theo báo cáo vào năm 1996 của Liên Hiệp Quốc đánh giá về sự đóng góp của du lịch cho thu nhập quốc gia, tổng các mức thu nhập hoặc tổng thu nhập ngoại tệ cho thấy thu nhập thực tế của du lịch sau khi trừ đi tất cả những phí tổn ngoại tệ liên quan vẫn còn có ý nghĩa hơn nhiều đối với các ngành công nghiệp nói chung. Theo báo cáo này, sự rò rỉ gồm có:

- Nhập khẩu các vật liệu và thiết bị cho xây dựng.
- Nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng, đặc biệt là thực phẩm và đồ uống.
- Việc thu lại lợi nhuận về nước của các nhà đầu tư nước ngoài.
- Chi phí cho quảng cáo ở nước ngoài.

- Trả dần cho các món nợ ở bên ngoài khi vay để phát triển khách sạn và du lịch.

Tác động của rò rỉ có sự khác nhau lớn giữa các nước, phụ thuộc vào cơ cấu kinh tế và công nghiệp du lịch. Theo những số liệu nghiên cứu ở vùng Caribe thì St.Lucia có tỷ lệ rò rỉ ngoại tệ chiếm 56% tổng doanh thu du lịch, Aruba: 41%, Antigua và Barbuda: 25%; Jamaica: 40% (Caribbean Voice, 2005).

- Chênh lệch trong đầu tư ở địa phương

Phát triển du lịch đòi hỏi chính quyền địa phương phải chi phí một lượng tiền lớn để cải thiện sân bay, đường sá và những cơ sở hạ tầng khác, và có thể sẽ phải cắt giảm phần chi cho các hoạt động cần thiết khác của chính quyền. Tiềm lực kinh tế cộng đồng được sử dụng vào xây dựng cơ sở hạ tầng nên giảm sự đầu tư của chính phủ cho giáo dục, y tế ...

- Nguy cơ lạm phát

Khách du lịch đem khối lượng lớn tiền mặt vào một nước để du lịch, trong khi đó khối lượng hàng hóa cung ứng không tăng một cách tương ứng sẽ dẫn đến tình trạng lạm phát, đặc biệt là đối với những loại hàng hóa mà du khách ưa dùng ở những vùng phát triển du lịch làm cho giá các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, tiền thuê phòng, giá đất đai ... tăng rất cao. Một cuộc nghiên cứu của Đại học San Francisco ở Belise cho thấy, do hậu quả của việc phát triển du lịch làm giá cả ở địa phương tăng khoảng 8%.

Phát triển du lịch cũng thực sự làm gia tăng nhu cầu bất động sản nên có thể làm tăng đột ngột chi phí xây dựng và giá trị đất đai. Điều này không chỉ gây khó khăn cho người dân địa phương để có được những nhu cầu cơ bản hàng ngày mà còn làm tăng lượng người bên ngoài đến mua đất đai và nhập cư.

- *Sự quá lệ thuộc của nền kinh tế địa phương vào du lịch*

Sự đa dạng của nền kinh tế là một dấu hiệu phát triển. Nếu một nước hoặc một vùng quá phụ thuộc vào một ngành công nghiệp nào đó có thể tạo ra một sự căng thẳng cho ngành công nghiệp này cũng như cho người dân địa phương. Nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển ít có khả năng khai thác các nguồn tài nguyên khác nên đã xem du lịch là một cách thức chủ yếu để phát triển kinh tế. Ví dụ ở Gambia, 30% sức mạnh kinh tế phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp đến du lịch. Theo Tổ chức Du lịch thế giới, ở các quốc gia đảo nhỏ đang phát triển, tỷ lệ này chiếm 83% ở Maldives, 34% ở Jamaica và 21% ở Seychelles. Việc quá dựa dẫm vào ngành du lịch, đặc biệt là du lịch tập thể đã gây ra mối nguy cơ lớn đối với các nền kinh tế phụ thuộc vào du lịch. Tình trạng khủng hoảng kinh tế và tác động của các thảm họa thiên nhiên như các cơn bão và lốc ở vùng nhiệt đới cũng như việc thay đổi các mô hình du lịch có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến ngành du lịch ở địa phương.

- Các tác động bất lợi khác

+ Tác động của tính mùa vụ trong du lịch

Tính mùa vụ trong du lịch tạo ra những bất lợi về kinh tế đối với những điểm du lịch quá phụ thuộc vào nó. Sự tập trung hoạt động du lịch theo mùa dẫn tới sự quá tải trong các hoạt động như giao thông, ăn ở ... Sự tập trung khách du lịch nếu tổ chức không tốt sẽ làm hư hỏng

nhieu di tích quan trọng, gây khó khăn cho việc bảo tồn và phục hồi ... Riêng đối với những nhân viên làm việc mùa vụ thì phải đối mặt với những bất lợi như:

- Công việc bấp bênh nên thu nhập cũng không ổn định, thông thường không có sự đảm bảo việc làm từ mùa này sang mùa khác.
  - Những khó khăn trong đào tạo nghề, bảo hiểm y tế, thừa nhận về kinh nghiệm làm việc...
  - Không đảm bảo nhà ở và việc làm.
- + *Tác động của các tour du lịch trọn gói*

Các doanh nghiệp địa phương cho rằng thu nhập họ thu được từ khách du lịch sẽ ít hơn khi các kỳ nghỉ được tổ chức trọn gói bởi các doanh nghiệp bên ngoài. Ngành công nghiệp du hành tàu thủy cho thấy một ví dụ rõ ràng về ảnh hưởng tiêu cực của du lịch trọn gói. Những chuyến du hành tàu thủy trên biển đã phục vụ cho 8,7 triệu hành khách quốc tế vào năm 1999. Ở trên nhiều tàu, đặc biệt là vùng Caribe (nơi phổ biến du hành tàu thủy nhất thế giới với 44,5% lượng hành khách) đã khuyến khích hành khách sử dụng toàn bộ thời gian và tiền bạc trên tàu nên cơ hội để tiêu dùng ở các thành phố cảng rất hạn chế.

#### **4. MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

##### **4.1. Phát triển du lịch bền vững**

*\* Phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững*

Khái niệm phát triển bền vững được đưa ra khi mâu thuẫn giữa môi trường và phát triển đã trở thành sâu sắc ở nhiều nước trên thế giới do con người đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế mà không quan tâm đúng mức tới bảo vệ môi trường, bảo vệ các giá trị văn hóa, hài hòa lợi ích các thành phần trong hệ kinh tế, khiến cho những tài nguyên bị sử dụng quá mức đang tiến tới nguy cơ bị cạn kiệt, ô nhiễm môi trường gia tăng đe dọa sự phát triển lâu bền của nhân loại.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, sự phát triển của du lịch phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên và môi trường; sự phát triển du lịch và sự phát triển bền vững chung của xã hội có sự tác động biện chứng lẫn nhau. Vì vậy, khái niệm phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm phát triển bền vững.

*\* Những mục tiêu cơ bản của phát triển du lịch bền vững:*

Để phát triển du lịch và xây dựng được những nguyên tắc phát triển bền vững trước hết cần xác định được các mục tiêu cơ bản. Đó là,

- Hiệu quả kinh tế: Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh để các doanh nghiệp và các điểm du lịch có khả năng tiếp tục phát triển phồn thịnh và đạt lợi nhuận lâu dài.
- Phát triển cho địa phương: Tăng tối đa đóng góp của du khách đối với sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch, khu du lịch, bao gồm phần tiêu dùng của khách du lịch được giữ lại tại địa phương.
- Tạo ra việc làm và nâng cao mức thu nhập: Tăng cường số lượng và chất lượng việc làm tại địa phương do ngành Du lịch tạo ra và được ngành Du lịch hỗ trợ, không có sự phân biệt đối xử về giới và các mặt khác.

- Công bằng xã hội: Cần có sự phân phối lại lợi ích kinh tế và xã hội thu được từ hoạt động du lịch một cách công bằng và rộng rãi cho tất cả những người trong cộng đồng đáng được hưởng.

- Đáp ứng sự thỏa mãn của khách du lịch: Cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng thỏa mãn tối đa các nhu cầu của du khách.

- Nâng cao vai trò chức năng của đơn vị tổ chức du lịch: Thu hút và trao quyền cho cộng đồng địa phương xây dựng kế hoạch và đề ra các quyết định về quản lý và phát triển du lịch, có sự tham khảo tư vấn của các bên liên quan.

- An sinh xã hội: Duy trì và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, bao gồm cơ cấu tổ chức xã hội và cách tiếp cận các nguồn tài nguyên, hệ thống hỗ trợ đời sống, tránh làm suy thoái và khai thác quá mức môi trường cũng như xã hội dưới mọi hình thức.

- Bảo tồn các giá trị văn hóa: Tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống và những bản sắc đặc biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch.

- Bảo vệ tự nhiên: Duy trì và nâng cao chất lượng của cảnh vật, kể cả ở nông thôn cũng như thành thị, tránh để môi trường xuống cấp.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực: Giảm thiểu mức sử dụng những nguồn tài nguyên quý hiếm và không thể tái tạo được trong việc phát triển và triển khai các cơ sở, phương tiện và dịch vụ du lịch.

- Bảo vệ môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất và rác thải từ du khách và các hãng du lịch.

*\* Những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững:*

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, muốn phát triển bền vững đòi hỏi sự nỗ lực chung của toàn xã hội. Mục tiêu của phát triển bền vững mang tới sự hài hòa giữa kinh tế - xã hội và môi trường nhưng không làm ảnh hưởng tới tương lai. Để thực hiện những mục tiêu trên, cần xác định được các nguyên tắc của phát triển du lịch bền vững, lấy làm kim chỉ nam cho những hoạt động tiếp theo, giúp du lịch phát triển bền vững trong tương lai.

- Khai thác sử dụng nguồn lực một cách hợp lý: Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường... ở cả trong nước và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển du lịch. Việc sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên thiên nhiên văn hóa xã hội là hết sức cần thiết đảm bảo cho sự phát triển lâu dài, khai thác phục vụ hoạt động du lịch dựa trên sự tính toán nhu cầu hiện tại.

- Giảm thiểu sự tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên: Việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên ở mức vừa đủ một mặt giúp cho việc phục hồi tài nguyên thiên nhiên, mặt khác giảm chất thải ra môi trường. Các tài nguyên thiên nhiên cần được quy hoạch, quản lý tránh sự khai thác một cách ồ ạt hoặc phát triển nóng.

- Duy trì bảo tồn sự đa dạng thiên nhiên, xã hội và nhân văn: Cần trân trọng tính đa dạng của thiên nhiên, xã hội, môi trường của điểm đến, đảm bảo nhịp độ, quy mô và loại hình phát triển du lịch, để bảo vệ tính đa dạng của văn hóa địa phương. Xem xét quy mô và sức chứa của mỗi vùng, giám sát chặt chẽ các hoạt động du lịch đối với động thực vật, lồng ghép các hoạt động du lịch vào các hoạt động của cộng đồng dân cư, ngăn ngừa sự thay thế các ngành nghề truyền thống lâu đời bằng các ngành nghề hiện đại. Phát triển du lịch phù hợp với văn hóa bản địa, phúc lợi xã hội, nhu cầu của sự phát triển, đảm bảo quy mô, tiến độ của các loại hình du lịch nhằm gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa du khách và dân cư sở tại...

- Phát triển du lịch phải đặt trong quy hoạch tổng thể của kinh tế xã hội: Sự tồn tại lâu dài của ngành Du lịch phải nằm trong khuôn khổ chiến lược của quốc gia, vùng, địa phương về kinh tế - xã hội. Để đảm bảo sự phát triển, ngành Du lịch cần phải tính tới nhu cầu trước mắt của cả người dân và du khách, trong quy hoạch cần phải thống nhất các mặt kinh tế - xã hội, môi trường, tôn trọng chiến lược của quốc gia, vùng, lãnh thổ, địa phương. Phát triển ngành Du lịch phải phù hợp với địa phương, phù hợp với quy hoạch mà địa phương giao cho, sự phát triển đó mới bền vững và lâu dài.

- Phát triển du lịch phải hỗ trợ kinh tế cho địa phương: Với tính đặc thù liên ngành, phát triển bền vững không phải chỉ riêng nó mà kéo theo nhiều lĩnh vực khác. Trong lĩnh vực du lịch, việc hỗ trợ cho ngành nghề khác không chỉ các doanh nghiệp trực tiếp tham gia hoạt động du lịch mà còn hỗ trợ rất nhiều doanh nghiệp gián tiếp tham gia vào hoạt động này, từ đó dẫn đến hỗ trợ kinh tế cho địa phương.

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển bền vững du lịch: Việc tham gia của cộng đồng địa phương là một nhân tố đảm bảo cho phát triển du lịch bền vững. Khi cộng đồng địa phương được tham gia phát triển du lịch sẽ tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho du lịch, vì sự tham gia của cộng đồng địa phương sẽ gắn quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cư dân đối với sự phát triển chung của du lịch.

- Lấy ý kiến của nhân dân và các đối tượng có liên quan: Tham khảo ý kiến của các bên liên quan và cộng đồng dân cư, các tổ chức trong và ngoài nước, phi chính phủ, chính phủ với các ý kiến cho dự án, là nguyên tắc quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững. Chia sẻ lợi ích của các bên nhằm mục đích hài hòa về lợi ích trong quá trình thực hiện.

- Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực: Với phát triển du lịch bền vững, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ vô cùng cần thiết. Lực lượng lao động trong lĩnh vực du lịch đang thiếu hụt một lượng rất lớn, lao động được đào tạo có trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được nhu cầu chung của ngành. Một lực lượng lao động đào tạo kỹ năng thành thạo, không những mang lại lợi ích về kinh tế cho ngành mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

- Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học ngành Du lịch: Để du lịch trở thành ngành kinh tế chuyên nghiệp, hiện đại và bền vững, hoạt động nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đào tạo và thực hiện hoạt động phát triển du lịch. Các thành tựu khoa học công nghệ về du lịch trong các lĩnh vực thời gian

qua đã trở thành những nền tảng khoa học quan trọng với tính ứng dụng thực tiễn cao, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp du lịch.

#### **4.2. An toàn, an ninh trong hoạt động du lịch**

##### *\* Vai trò của an toàn, an ninh trong hoạt động du lịch*

Tất nhiên điểm đến du lịch quốc gia không phải là phép cộng cơ học tất cả các điểm đến du lịch ở toàn bộ các địa Phương trong cả nước. Nhưng nếu có một điểm đến nào, không đảm bảo an toàn, an ninh cho khách du lịch thì hình ảnh, thương hiệu của điểm đến quốc gia sẽ bị “tổn thương” và việc khắc phục cũng rất tốn kém, mất thời gian.

Mất an toàn, an ninh trong du lịch không xảy ra thường xuyên nhưng hậu quả biểu hiện rất rõ nét. Sự mất an toàn trong du lịch có thể xuất hiện do sự mất lòng tin về an toàn và tính hấp dẫn của điểm du lịch gây ra. Do cảm nhận, suy đoán như vậy, nên có những ảnh hưởng rất xấu và rất khó khắc phục. Cảm nhận về sự an toàn của du khách là yếu tố hàng đầu, quyết định sự phát triển và tiếp tục tăng trưởng của ngành Du lịch. Do đó, mục tiêu của quản lý an toàn, an ninh trong du lịch là giữ vững lòng tin, tái tạo sự tin tưởng và phục hồi hoạt động du lịch.

Khi xuất hiện mất an toàn, an ninh, thì phương tiện truyền thông trước tiên tập trung phản ánh diễn biến của sự kiện. Cơ quan Du lịch quốc gia chỉ có thể làm cho giới báo chí nhận thức việc đưa tin về các sự kiện xảy ra ảnh hưởng như thế nào đối với du lịch và nên phản ánh ở mức độ nào. Nhưng thực tế thì phải sau một số ngày, các phương tiện thông tin mới, tập trung vào hậu quả của mất an toàn, an ninh, điều chỉnh những thông tin “nóng hổi” trước đây. Đến lúc đó thì thông tin đã phát đi, suy đoán của khách du lịch đã được hình thành, các quyết định hoãn hay thay đổi chuyến đi đã được thực hiện. Tạo lại hình ảnh bình thường của điểm du lịch phải cần một thời gian nhất định.

##### *\* Nhiệm vụ của cơ quan du lịch quốc gia*

Trong việc đối phó và quản lý sự mất an toàn, an ninh du lịch, cơ quan Du lịch quốc gia (ở nước ta là Tổng cục Du lịch) đóng vai trò hết sức quan trọng. Nhiệm vụ của Cơ quan này là thông báo cho dân chúng và khách hàng tiềm năng của mình về mức độ an toàn, an ninh của điểm du lịch, đảm bảo an toàn cho chuyến đi của họ. Tuy nhiên, dễ nhận thấy là sự mất an toàn, an ninh du lịch nằm ngoài sự kiểm soát của cơ quan Du lịch quốc gia. Nếu có xung đột, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, phạm tội, tranh chấp kinh tế thì trọng tâm của việc theo dõi, xử lý những mất an toàn, an ninh quốc gia trước tiên không xuất phát từ mục đích phục vụ du lịch, không tập trung cho du lịch. Trung tâm thông tin về an toàn, an ninh không nằm trong cơ quan Du lịch quốc gia.

Cơ quan Du lịch quốc gia có thể dựa vào các ngành liên quan để ngăn cản ảnh hưởng xấu của mất an toàn, an ninh lên các hoạt động du lịch. Nhưng trong thực tế, rất ít có khả năng kiểm soát sự mất an toàn, an ninh và những gì mà sự mất an toàn, an ninh gây ra sau khi phương tiện thông tin đại chúng thổi phồng sự kiện đó. Chỉ sau khi sự việc đã lắng xuống, mới thấy được rõ ảnh hưởng tiêu cực của nó đến du lịch. Vì vậy, nhiệm vụ của cơ quan Du lịch quốc gia bao gồm:

Trước khi xảy ra mất an toàn, an ninh, do rất khó biết được lúc nào và loại mất an toàn, an ninh nào sẽ xảy ra, nên phải có những thỏa thuận với các ngành liên quan trực tiếp đến việc xử lý mất an toàn, an ninh, như các đội cứu hộ, lực lượng công an, bộ đội, cơ quan y tế..., trong việc cung cấp thông tin về mất an toàn, an ninh, cách phát ngôn có lợi cho du lịch đối với các phương tiện thông tin đại chúng.

Cần thống nhất với nội dung các thông tin được phát tiếp theo; phối hợp và đề nghị được tham gia kế hoạch phục hồi. Tất cả những dự kiến của ngành Du lịch nếu được là một phần của quá trình phục hồi toàn quốc sẽ có hiệu lực rất cao. Du lịch cần tham gia với các cơ quan giải quyết hậu quả và thực hiện kế hoạch hồi phục chung ngay từ khi khởi sự. Sử dụng thời gian này để thể hiện hành động ủng hộ các cơ quan giải quyết sự mất an toàn, an ninh và thông qua họ để đến được và thuyết phục được cơ quan truyền thông tập trung vào việc xây dựng cho tương lai hơn là chỉ chú trọng vào phản ánh ảnh hưởng tiêu cực và hậu quả của sự mất an toàn, an ninh.

Sau khi xảy ra mất an toàn, an ninh, cần chuẩn bị phương án hành động ban đầu, liên tục theo dõi tình hình và cần có những phản ứng kịp thời tới trung tâm cung cấp thông tin về an toàn, an ninh. Tìm mọi cách để có được những thông tin cập nhật, tập trung làm cơ sở cho việc chuẩn bị lên kế hoạch phục hồi tình hình.

Theo diễn biến tâm lý thì du khách sẽ còn nghi ngờ một thời gian sau khi xảy ra sự cố mất an toàn, an ninh. Trong thời đại ngày nay, du khách rất tinh tường, biết chất lọc, đánh giá các thông tin và họ có rất nhiều nguồn thông tin khác nhau. Lòng tin là một yếu tố quan trọng đối với quá trình khôi phục sau sự cố mất an toàn, an ninh. Đưa ra khả năng xử lý một cách có hiệu quả, tôn trọng dư luận là điều đặc biệt quan trọng vì trong những thời điểm này, doanh nghiệp hoặc điểm đến du lịch liên quan đến sự mất an toàn, an ninh trở thành tiêu điểm của công luận. Thông thường, kế hoạch, phương pháp giải quyết sự mất an toàn, an ninh sẽ trở thành nhân tố quan trọng hàng đầu. Tùy thuộc vào mức độ của sự mất an toàn, an ninh để quyết định thời gian bắt đầu cho kế hoạch phục hồi.

*\* Giải pháp khắc phục sự mất an toàn, an ninh trong du lịch*

- *Đối với cơ quan quản lý Nhà nước:* Để khắc phục được sự mất an toàn, an ninh, ngoài việc Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có kế hoạch và chỉ thị chung, có chương trình hành động cụ thể để lập lại kỷ cương ở tất cả các điểm đến của đất nước, thì các ngành và chính quyền địa phương các cấp có điểm đến được gọi là có sự mất an toàn, an ninh cũng rất cần và phải vào cuộc theo quy định phân cấp trong Luật Du lịch. Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch là cơ quan tham mưu cho UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về du lịch cần khẩn trương chỉ đạo, phối hợp và triển khai thực hiện tốt một số việc trong thẩm quyền và khả năng của mình.

Các Sở cần xây dựng kế hoạch, báo cáo UBND cấp tỉnh phê duyệt và phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương thực hiện tốt và tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác giữ gìn trật tự, an ninh, vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan du lịch; lập lại trật tự, vệ sinh, an ninh, an toàn; phòng và chống các tệ nạn xã hội; xóa bỏ các hành động “chặt chém”, ăn xin,

chèo kéo khách ở các điểm du lịch. UBND địa phương tiếp tục ra tay chỉ đạo có biện pháp xử lý nghiêm các hành động gây phiền hà, làm mất an toàn cho người và tài sản của khách du lịch.

- *Đối với doanh nghiệp:* Các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn phải quan tâm hơn nữa đến an toàn, an ninh cho du khách và doanh nghiệp. Có phương án phòng chống thiên tai, hoả hoạn và các sự cố môi trường khác, giảm tới mức thấp nhất hậu quả. Các cơ sở lưu trú, ăn uống, vận chuyển và vui chơi giải trí phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa tai nạn, tệ nạn xã hội, đảm bảo cho du khách được hưởng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Các địa phương cần nắm tốt định hướng thị trường của Tổng cục Du lịch và quan tâm hơn đến việc tự nghiên cứu thị trường khách du lịch của mình. Cần tập trung khai thác các thị trường gần, có nguồn khách lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực ASEAN, bên cạnh đó tiếp tục đẩy mạnh khai thác một số thị trường trọng điểm là tại châu Âu và Bắc Mỹ có nguồn khách đến Việt Nam ổn định như Nga, Mỹ, các nước Bắc Âu, Tây Âu và Đông Âu... Quan tâm thỏa đáng đến thị trường du lịch nội địa. Đồng thời phải tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá tại các thị trường trọng điểm (cả nội địa và quốc tế) để giới thiệu, thu hút khách du lịch và củng cố niềm tin của khách về vấn đề an toàn, an ninh du lịch. Phải quảng bá cho mỗi địa phương và cả Việt Nam có sự ổn định về chính trị, công tác an ninh, an toàn cho khách du lịch đang được duy trì là một lợi thế rất lớn so với nhiều nước trong khu vực để đẩy mạnh phát triển du lịch. Cần coi đây là một điểm mấu chốt để tuyên truyền, quảng bá du lịch.

Công tác giáo dục cũng cần được tăng cường và có biện pháp phù hợp để mọi cán bộ, công nhân viên trong mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân tham gia hoạt động du lịch có trách nhiệm tinh thần và vật chất đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ lâu dài, phát triển du lịch bền vững, không chạy theo lợi ích cục bộ trước mắt, tạo ấn tượng tốt đẹp cho các đối tác và du khách quốc tế đã đến du lịch Việt Nam và khách du lịch nội địa đã đi du lịch trong nước trở thành người quảng bá tích cực cho các điểm đến của Việt Nam mà họ đã tới.

Rất nên phát động các phong trào thi đua đảm bảo an toàn, an ninh du lịch để lực lượng tự vệ, thanh niên tình nguyện, quần chúng nhân dân và các tổ chức đoàn thể xã hội tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giữ gìn vệ sinh, an ninh, an toàn, phòng chống cháy, nổ tại các khách sạn, các khu du lịch, các điểm tham quan du lịch, phát hiện và tố cáo các hành vi “gian lận du lịch” nhằm tạo môi trường an toàn, văn minh, lịch sự cho du lịch phát triển.

Tổng cục Du lịch cũng cần có một bộ phận theo dõi về sự an toàn, an ninh du lịch (chuyên nghiệp hay kiêm nhiệm). Bộ phận này có nhiệm vụ thu nhận, phân tích những thông tin, xem xét những xu thế tốt và xấu, chuẩn bị phòng tránh mất an toàn, an ninh ở những nơi dự báo có thể xảy ra. Làm được như vậy, sẽ có thể có nhiều khả năng kiểm soát được sự mất an toàn, an ninh ở chừng mực nào đó ngay từ ban đầu, góp phần đảm bảo an toàn, an ninh để xây dựng được nhiều điểm đến du lịch an toàn, thân thiện và hấp dẫn khách du lịch quốc tế và nội địa.

## **B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH**

1. Môi trường là gì? Trình bày cách phân loại môi trường theo chức năng?

2. Trình bày các yếu tố về lịch sử - văn hóa liên quan đến hoạt động du lịch?
3. Du lịch có tác động tiêu cực như thế nào đến môi trường tự nhiên?
4. Du lịch và môi trường có mối quan hệ như thế nào?
5. Em hiểu thế nào là phát triển du lịch bền vững?
6. Nêu các nội dung cơ bản về an ninh, an toàn trong du lịch?

### **C. GHI NHỚ**

Sau khi học xong chương này người học cần ghi nhớ:

- Môi trường và môi trường du lịch;
- Vai trò và ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động du lịch;
- Tác động của du lịch lên môi trường;
- Môi trường và sự phát triển du lịch bền vững

## **CHƯƠNG 2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH DU LỊCH-KHÁCH SẠN**

### **Giới thiệu**

Chương này trình bày vấn đề chính sau: Môi trường và môi trường du lịch; Tổng quan về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch - khách sạn; Một số nguyên tắc và các biện pháp quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch

#### **Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch - khách sạn;
- Phân tích được các tác động về môi trường của khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch;
- Nhận thức và thực hiện được các giải pháp bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch - khách sạn.

### **A. NỘI DUNG**

#### **1. TỔNG QUAN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH DU LỊCH-KHÁCH SẠN**

##### **1.1. Vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch khách sạn**

Bảo vệ môi trường trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường du lịch nói chung

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật, ngành du lịch Việt Nam đã có bước tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam, đời sống kinh tế của đại bộ phận dân chúng đã được nâng cao, nhất là tại các địa phương có du lịch phát triển. Từ đó, các vấn đề về ô nhiễm môi trường tự nhiên, phá vỡ cảnh quan, sinh thái cũng nảy sinh và ngày càng trở nên nghiêm trọng. Ngày nay, gần như mọi quốc gia trên hành tinh dù giàu hay nghèo, nước phát triển, đang phát triển hay kém phát triển - tất cả đều nhận thức rõ được vai trò và tầm quan trọng của việc phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường đối với sự phát triển bền vững. Việc giải quyết các vấn đề môi trường ngày càng được nhận thức rõ ràng: Ô nhiễm môi trường không phải là vấn đề của riêng một quốc gia hay một nhóm cộng đồng, cá nhân hưởng lợi nào mà là vấn đề của toàn thể nhân loại, đòi hỏi trách nhiệm và sự tham gia của từng cá nhân sinh sống trên trái đất này. Chính vì vậy, việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong tất cả các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ngày càng được nhiều Chính phủ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng quan tâm, tăng cường thực hiện.

- Bảo vệ môi trường là một trong những điều kiện kinh doanh đối với cơ sở lưu trú du lịch

Do hiểu biết về vấn đề môi trường của người dân còn ở nhiều trình độ và cấp độ khác nhau, nên để cộng đồng tham gia tích cực và có khả năng đem lại những hiệu quả rõ rệt nhất thì Cơ quan quản lý nhà nước các ngành, các cấp cần phải tập trung nỗ lực giải quyết vấn đề quan trọng

nhất, đó là: Làm thế nào để người dân hiểu biết chính xác và cận kề những vấn đề môi trường diễn ra xung quanh họ và trang bị cho họ những kỹ năng thiết yếu nhất để có thể tham gia hiệu quả trong các chương trình và mục tiêu bảo vệ môi trường chung, lợi ích của việc bảo vệ môi trường đối với cuộc sống thường nhật.

- Bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của du khách
- Bảo vệ môi trường tạo hình ảnh tốt để thu hút khách du lịch
- Bảo vệ môi trường có tác động đến hành vi tiêu dùng của khách du lịch

## **1.2. Những tác động về môi trường của khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch**

### **1.2.1. Tiêu thụ năng lượng**

#### *a. Hậu quả*

- Thải nhiệt (Điện)
- Thải khí các bo nic (chất đốt: than củi, than đá) - Thải bụi ra môi trường bên ngoài.

*b. Mức độ:* Tác động đến sức khỏe của con người, tài nguyên thiên nhiên, sự phát triển kinh tế xã hội, gây huỷ hoại và thiệt hại không thể phục hồi được.

#### *c. Tác hại*

- Suy giảm các nguồn năng lượng.
- Ô nhiễm đất.
- Ô nhiễm nước.
- Ô nhiễm không khí.
- Ô nhiễm môi trường lao động. - Sự cố môi trường.

#### *d. Biện pháp phòng ngừa*

- Đầu tư xử lý nguồn thải.
- Các nguồn năng lượng tái sinh.
- Năng lượng sạch.
- Giảm thiểu tiêu thụ năng lượng.

### **1.2.2. Tiêu thụ nước**

#### *a. Các nguồn nước thải từ sinh hoạt của khách sạn*

- Nước thải từ phòng vệ sinh.
- Nước thải từ các chậu rửa ở bếp.
- Nước thải giặt giũ chứa xà phòng và các hoá chất tẩy rửa.
- Nước rò rỉ từ các bãi rác.

#### *b. Các biện pháp phòng ngừa*

- Phải thực hiện quá trình tiền xử lý ở các cơ sở khách sạn trước khi đưa nước về trạm xử lý.

- Hạn chế sử dụng các hoá chất gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sinh hoạt.

### **1.2.3. Rác thải**

#### *a. Các loại rác thải*

- Bao bì: Giấy gói, chai lọ...
- Rác thải thực phẩm chế biến, từ thực phẩm dư thừa.

*b. Tác hại*

- Ô nhiễm môi trường đất (bao bì polyme không tiêu huỷ còn tồn lại trong đất, chai lọ).
- Ô nhiễm nước ngầm.
- Ô nhiễm môi trường không khí.

*c. Biện pháp xử lý*

- Phân loại rác thải để tái sử dụng.
- Một số chất thải qua môi trường để xử lý (tập trung ra khu bãi rác để công ty môi trường xử lý).

**1.2.4. Khí thải**

*a. Các loại khí thải*

- Khí thải cồn, ga từ bếp phục vụ.
- Máy điều hoà nhiệt độ, máy phát điện.

*b. Tác hại*

- SO<sub>2</sub> (đốt nhiên liệu có chứa lưu huỳnh) gây nguy hại đối với sức khoẻ con người và là nguồn chính gây ra mưa axit.
- Bụi gây các bệnh về phổi, bệnh hô hấp.

**2. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHÁCH SẠN VÀ CÁC CƠ SỞ KINH DOANH DU LỊCH**

**2.1. Nguyên tắc cơ bản về quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong các khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch**

**2.1.1. Quản lý môi trường trên cơ sở pháp lý ISO 14000 là gì?**

Bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000 (do Tổ Chức Quốc Tế về Tiêu chuẩn hoá - ISO - ban hành) qui định rõ các yêu cầu về hệ thống quản lý môi trường, trong đó đặc biệt lưu ý tới các qui định pháp lý về tác động và ảnh hưởng của môi trường, nhằm giúp các doanh nghiệp hệ thống hoá chính sách và các mục tiêu về môi trường của mình. Tiêu chuẩn này áp dụng cho những yếu tố môi trường mà doanh nghiệp có thể kiểm soát và tác động được. Tuy nhiên, bản thân tiêu chuẩn ISO 14001 không qui định các chuẩn mực cụ thể về việc thực hiện công tác quản lý môi trường.

ISO 14000 cung cấp phương pháp tiếp cận phân tích có hệ thống và phương pháp này có thể hỗ trợ các doanh nghiệp rà soát, kiểm tra được các mối nguy tiềm ẩn đồng thời kiểm soát chúng để phòng ngừa các sự cố có thể đột ngột xảy ra. Với lợi điểm rõ rệt của một hệ thống vận dụng các tiến bộ kỹ thuật, ISO 14001 có thể xem là một hệ thống đặc biệt quan trọng vì nó có thể tự động đánh giá các tác động môi trường.

*\* Những lợi ích kinh doanh qua việc xây dựng và áp dụng ISO 14001*

Qua nghiên cứu người ta đã ghi nhận những bằng chứng chứng minh lợi ích đáng kể đối với các doanh nghiệp qua việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo các yêu cầu tiêu chuẩn. Trong đó phải kể tới:

- Thu hút thêm khách hàng và thị trường mới.
- Giảm thiểu chi phí về năng lượng và nguyên liệu, củng cố vị thế tài chính.
- Phòng ngừa các tai nạn về môi trường nhằm bảo vệ thương hiệu.
- Giảm thiểu rủi ro về trách nhiệm pháp lý.
- Bảo đảm việc tuân thủ các văn bản pháp qui về môi trường.
- Tăng cường uy tín đối với khách hàng và xã hội.
- Tăng cường nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên

**2.1.2. Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường**

*a. Hệ thống pháp luật, chính sách*

Để quản lý môi trường có hiệu quả, ngoài việc tổ chức thực hiện nghiêm hệ thống luật, các văn bản dưới luật của Nhà nước, tùy theo điều kiện và trình độ phát triển thành phố phải nghiên cứu cụ thể hoá, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống các qui định về bảo vệ môi trường riêng cho những vùng đặc thù của Hải Phòng, có những quy chế riêng cho từng vùng, khu vực hoặc ngành đặc thù.

*b. Thông tin môi trường*

Tổ chức điều tra quan trắc, lưu trữ và thường xuyên cập nhật các thông tin về chất lượng môi trường, phục vụ công tác qui hoạch, kế hoạch và quản lý thành phố, công tác bảo vệ môi trường ở từng ngành. Các thông tin về hiện trạng môi trường của thế giới, khu vực và trong nước cũng cần được quan tâm thu thập để tham khảo. Để có đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ môi trường ở từng khu công nghiệp, khu chế xuất, ở các địa bàn quan trọng có vấn đề suy thoái ô nhiễm phải bố trí mạng lưới quan trắc môi trường nước và không khí trên địa bàn thành phố, tiến tới có một trung tâm kiểm soát môi trường đủ mạnh để theo dõi giám sát mọi thay đổi của môi trường Hải Phòng và vùng duyên hải bắc bộ.

*c. Giáo dục, truyền thông môi trường*

Phổ cập kiến thức nâng cao dân trí qua các hệ thống thông tin đại chúng có vai trò to lớn trong việc huy động thu hút các cộng đồng tham gia vào các phong trào bảo vệ môi trường của địa phương. Sử dụng phương tiện thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý môi trường.

*d. Hệ thống tổ chức quản lý môi trường*

Xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức quản lý môi trường từ thành phố đến phường xã. Phân công, phân nhiệm rạch ròi, cụ thể và thiết lập cơ chế phối hợp hiệu

quả. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, tài chính, tập huấn đội ngũ cán bộ bảo vệ môi trường của thành phố bảo đảm đủ mạnh.

*e. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản lý môi trường*

Cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho công tác bảo vệ môi trường, theo các lĩnh vực sau đây: Lĩnh vực nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản; lĩnh vực công nghệ môi trường, công nghệ xử lý, công nghệ sạch, thân môi trường; lĩnh vực quan trắc, thông tin môi trường; đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; nghiệp vụ quản lý, thanh tra môi trường, truyền thông môi trường.

*f. Huy động cộng đồng tham gia quản lý về bảo vệ môi trường*

Xây dựng cơ chế để huy động, tập hợp được trí tuệ liên ngành, đoàn kết thu hút sự tham gia tự nguyện của đông đảo cộng đồng, các tư nhân, hình thành một mặt trận mạnh mẽ, giải quyết có kết quả, ngăn chặn ô nhiễm suy thoái môi trường tài nguyên, phục hồi các hệ sinh thái bị xuống cấp. Bên cạnh các tổ chức Nhà nước theo hệ thống chính quyền cần khuyến khích các tổ chức tư nhân, các cộng đồng phường, làng xã hoạt động theo phương thức tự nguyện, có sự hỗ trợ của chính quyền. Mạng lưới công tác viên có tổ chức, có trang bị kiến thức, công nghệ chắc chắn sẽ hoạt động tốt, vươn tới những nơi mà tổ chức chính quyền không với tới được.

**2.1.3. Quản lý môi trường theo nguyên tắc 3R**

**Nguyên tắc 3R** (reduce, reuse, and recycle): Giảm sử dụng - tái sử dụng - sử dụng sản phẩm tái chế, hãy đối mặt với thực tế là chúng ta tiêu thụ nhiều hơn cái mà thiên nhiên có thể cung cấp cho chúng ta và mọi thứ đang dần cạn kiệt, kể cả nước. Vì vậy, trước hết hãy giảm thiểu nhu cầu tiêu dùng của bản thân hơn là phải tái sử dụng và tái sử dụng sẽ còn tốt cho môi trường hơn phải tái chế các sản phẩm đã vứt đi.

*a. Giữ gìn cây xanh*

Cây xanh hấp thụ khí carbon dioxide, ngăn xói mòn đất và cung cấp ô sinh thái cho mọi sinh vật sống. Giữ gìn cây xanh bằng cách chọn những vật trang trí nội thất từ các chất liệu thân thiện với sinh thái như tre chẳng hạn. Đừng quá chạy theo mốt, hãy tìm những loại bàn ghế, tủ đựng quần áo bền như vậy vừa tiết kiệm tiền vừa không góp phần tăng lượng đồ phế thải vào môi trường.

*b. Sử dụng các chất liệu từ thiên nhiên*

Bạn có biết rằng thuốc bảo vệ thực vật và các loại hóa chất sử dụng trong vệ sinh hằng ngày đang làm chúng ta chết dần vì là một trong những nguyên nhân gây ra các căn bệnh như Parkinson, ung thư và các bệnh liên quan đến não. Vậy tại sao không sử dụng các loại hóa chất có nguồn gốc từ thiên nhiên và tận dụng hiệu quả mối quan hệ đấu tranh sinh tồn giữa các loài trong tự nhiên để kiểm soát địch hại.

### *c. Rút các phích khỏi ổ cắm*

Có lẽ bạn không biết rằng việc để cho các thiết bị điện gia dụng ở chế độ “chờ” trong thời gian dài đã làm tiêu tốn một lượng điện lớn, vì vậy hãy rút các chuỗi cắm ra khỏi ổ hoặc tắt nguồn tất cả các thiết bị như máy sấy tóc, máy vi tính, tivi, thiết bị sạc điện thoại di động... khi không sử dụng.

### *d. Sử dụng năng lượng sạch*

Hãy sử dụng các nguồn năng lượng có thể tái tạo bất cứ khi nào có thể như năng lượng từ gió, ánh nắng mặt trời... Đây là các loại năng lượng sạch vì việc sản xuất và tiêu thụ chúng không làm phát sinh khí thải gây hiệu ứng nhà kính như sử dụng các loại nhiên liệu hóa thạch.

## **2.2 Quản lý năng lượng**

### **2.2.1. Mục tiêu**

Năng lượng đã và đang trở thành một thước đo quan trọng cho các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn. Tiết kiệm năng lượng có nghĩa là tiết kiệm các chi phí hoạt động. Cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn dùng rất nhiều năng lượng cho các động hàng ngày và giải trí. Nhu cầu năng lượng cao là do việc sử dụng các thiết bị kỹ thuật hiện đại như máy điều hoà nhằm tạo sự thoải mái cho một số lượng lớn khách lưu trú. Hầu hết các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn đáp ứng nhu cầu năng lượng của mình bằng cách mua năng lượng sản sinh từ việc đốt năng lượng hoá thạch, như than, dầu... điều này là tác nhân gây ô nhiễm không khí, làm thay đổi nhiệt độ môi trường.

Cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn sẽ có một quy trình quản lý chi phí năng lượng một cách có hệ thống nhằm đạt tiết kiệm chi phí. Giảm chi phí vận hành và bảo trì, nghĩa là giảm được giá thành và tăng khả năng cạnh tranh cho cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn. Qua đó sẽ tăng nhận thức của nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm lãng phí. Nâng cao kiến thức của lãnh đạo và nhân viên về quản lý năng lượng. Nhờ vậy cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn sẽ có một kế hoạch và mục tiêu rõ ràng về sử dụng năng lượng. Điều quan trọng khác là hệ thống quản lý năng lượng sẽ hỗ trợ tích cực cho những hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 9001, 14001, TQM, v.v...

### **2.2.2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng cụ thể**

- Cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn nên đánh giá mức độ tiêu thụ năng lượng hiện tại để biết nơi nào tiêu phí năng lượng lớn nhất trong quá trình kinh doanh.
- Tổ chức giám sát thường xuyên việc tiêu thụ năng lượng. Việc giám sát hàng ngày hoặc hàng tuần giúp xác định được những chỗ tiêu thụ bất thường và định mức tiết kiệm nhờ lắp đặt các thiết bị hiệu quả và thực hiện các biện pháp tiết kiệm cần thiết.
- Khuyến khích khách lưu trú thực hiện việc tiết kiệm như tắt đèn và máy điều hoà khi ra khỏi phòng...
- Phối hợp với các nhân viên để định ra các biện pháp tiết kiệm như tắt đèn, không sử dụng máy điều hoà khi dọn phòng, thay vào đó là mở cửa sổ để lấy không khí tự nhiên và ánh sáng.

- Khi có thể, cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn đầu tư sử dụng năng lượng như nguồn năng lượng tái tạo như: ga sinh học, năng lượng gió và mặt trời.

Tiết kiệm nói chung và tiết kiệm điện nói riêng là vấn đề quốc sách, phải thực hiện lâu dài trong suốt quá trình tiêu thụ điện, chứ không phải chỉ thực hiện vào lúc thiếu điện. Để cho việc thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn có hiệu quả lâu dài và ổn định, cần tiến hành có bài bản trên 2 giải pháp: giải pháp kỹ thuật và giải pháp hành chính.

*\* Giải pháp kỹ thuật*

Ta biết rằng điện sử dụng trong các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn không phải là điện tiện phí trong sinh hoạt gia đình mà là điện phục vụ cho sự làm việc, công tác của CBCNV trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn. Vì vậy, giải pháp kỹ thuật về tiết kiệm điện phải vừa đảm bảo tiết kiệm điện có hiệu quả, lại vừa đảm bảo môi trường làm việc có hiệu quả của CBCNV trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, các bước tiến hành như sau

*a. Khi tiến hành tiết kiệm điện việc đầu tiên là phải tổ chức kiểm tra nắm tình hình sử dụng điện trong toàn cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn hiện nay*

- Tình hình bố trí các trang thiết bị điện: đèn, quạt, vi tính, điều hoà nhiệt độ. .. (hợp lý, lãng phí theo các tiêu chuẩn của đơn vị công tác).

- Tình hình tận dụng ánh sáng tự nhiên và không khí mát tự nhiên.

- Tình hình sử dụng các trang thiết bị điện (đèn, quạt, điều hoà nhiệt độ, máy photocopy, máy in, máy vi tính v.v...) của cán bộ trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn.

- Tình hình mạng lưới điện trong toàn cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn: đoạn dây nào quá tải, đoạn dây nào cũ nát dò điện, các mối nối, tiếp xúc cầu dao, cầu dao xấu phát nóng gây tổn thất điện, để thay, để sửa.

*b. Đánh giá tình hình sử dụng điện qua kiểm tra và đề ra giải pháp kỹ thuật tiết kiệm điện*

- Mở rộng hoặc mở thêm các cửa sổ và lắp kính kê cả trần (nếu có thể) để tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên.

- Thay tất cả các bóng đèn tròn sợi đốt (nếu có) bằng đèn compact hoặc đèn ống huỳnh quang để tiết kiệm điện.

- Thay bóng đèn ống neon thế hệ cũ 40W, 20W bằng bóng đèn ống neon thế hệ mới 36W, 18W và thay chấn lưu sắt từ bằng chấn lưu điện tử để tiết kiệm điện (khi thay một chấn lưu sắt từ bằng chấn lưu điện tử của đèn 40W, ta tiết kiệm được mỗi giờ 4Wh và cho lưới điện 12,9Wh do không phải chuyên chở điện phản kháng).

- Lắp máng, chảo chụp ở các đèn còn thiếu để tăng độ phản chiếu ánh sáng và điều chỉnh lắp đèn ở độ cao thích hợp để có độ phản chiếu ánh sáng cao. Thực hiện mỗi đèn một công tắc đóng, mở.

- Thực hiện hai chế độ ánh sáng trong phòng: ánh sáng đi lại sinh hoạt và ánh sáng làm việc. Dùng đèn ống neon treo trên tường đủ ánh sáng đi lại cho sinh hoạt và đèn bàn compact cho mỗi bàn làm việc của cán bộ (chỉ bật khi làm việc) Bố trí chiếu sáng này sẽ tiết kiệm được nhiều điện năng.

*\* Giải pháp hành chính, quản lý*

Giải pháp hành chính là xây dựng một nội quy sử dụng đèn trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, nhằm buộc CBCNV trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn phải có ý thức, nhiệm vụ và trách nhiệm tiết kiệm đến, đảm bảo cho việc tiết kiệm điện vào nề nếp, ổn định và lâu dài.

- Các trang thiết bị điện trong các phòng ban khi không có người làm việc ở trong phòng đều phải cắt hết điện.

- Các đèn bàn trên các bàn làm việc chỉ được bật khi đang làm việc (đọc công văn giấy tờ, đánh máy vi tính ...)

- Đèn hành lang, bảo vệ chỉ được

- + Mùa hè: Bật vào 19h tắt vào 5h sáng

- + Mùa đông: bật vào 18h tắt 6 giờ sáng

- Điều hoà nhiệt độ chỉ được sử dụng vào mùa hè và đặt ở chế độ nhiệt độ 25oC - 27oC và phải cắt điện khi không còn người làm việc trong phòng hoặc hết giờ làm việc và giao phòng HLQT quản lý nhiệt độ đặt ( 25 - 27oC ) này.

- Máy vi tính chỉ được sử dụng cho công việc cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, xong công việc phải cắt điện, không được dùng việc khác cá nhân (chơi cờ, theo dõi cổ phiếu, chứng khoán vv...)

- Máy photocopy, máy in chỉ được sử dụng cho công việc của cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, không được dùng cho việc riêng cá nhân. Song hết một công việc phải cắt điện, không được để ngâm điện.

- Máy tăng giảm điện áp hạ áp (survolteur ) dùng cho các thiết bị điện có điện áp ổn định như máy tính (nếu có) phải cắt điện ra khỏi mạng điện áp lưới điện đã đủ và ổn định.

- Giao chỉ tiêu định mức điện năng tiêu thụ điện năng hàng tháng. Mùa đông và mùa hè cho từng phòng ban và toàn cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn trên cơ sở tiết kiệm 10% so với trước và trên cơ sở đã thực hiện các giải pháp kỹ thuật về tiết kiệm điện.

## **2.3 Quản lý nước**

### **2.3.1. Mục tiêu**

Trong hoạt động của các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, ngoài lượng nước cần cho mỗi phòng lưu trú và các hoạt động thông thường ở các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn như bếp núc và giặt ủi, một số nhu cầu về nước khác như các hồ bơi, các bãi cỏ, các sân gôn có thể cần đến một lượng nước rất đáng kể. Việc sử dụng nước quá mức có thể làm suy thoái hay hủy hoại các nguồn nước địa phương, đe dọa việc cung cấp nước thường xuyên cho nhu cầu ở địa phương. Những vấn nạn này có thể trở nên tồi tệ hơn ở những khu vực có mùa cao điểm của du lịch trùng với các thời kỳ khô hạn.

Bên cạnh đó các cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn thải ra một lượng nước thải đáng kể. Nước thải có thể là “nước xám”, là nước thải phần lớn từ các máy giặt, bồn rửa tay, vòi sen, nhà tắm và nước từ máng xối, hoặc là “nước đen”, là nước thải từ các nhà vệ sinh và nước rửa chén bát của nhà bếp. Ở một số điểm du lịch, những loại nước thải này rất ít hoặc hầu như không

được xử lý. Các chất ô nhiễm như các loại trực khuẩn đường ruột và các hoá chất được thải trực tiếp vào môi trường. Việc lý nước thải không tốt có thể gây nên ô nhiễm đất và nước mặt và gây suy thoái các nguồn tài nguyên du lịch.

### **2.3.2. Biện pháp quản lý nước**

#### *a. Giải pháp cho vấn đề quản lý sử dụng nước*

- Xác định các khu vực tiêu thụ nhiều nước trong cơ sở kinh doanh du lịch - khách sạn, đây là những nơi có thể tiết kiệm được nhiều nước.

- Khuyến khích khách lưu trú sử dụng khăn tắm và ra trải giường của họ nhiều hơn một ngày, cho họ những lời khuyên về các biện pháp tiết kiệm nước như khoá các vòi nước khi cạo râu hay đánh răng.

- Làm việc với các nhân viên nhằm xác định những thói quen tiết kiệm nước như tránh để nước chảy không có mục đích hay chỉ vận hành máy giặt và máy rửa chén bát khi chúng đã chứa đầy.

- Yêu cầu các ban kỹ thuật và quản lý nội vi tham gia phát hiện và sửa chữa các toa lét, vòi nước và vòi tắm bị rò rỉ.

- Lắp đặt các thiết bị tiết kiệm nước như toa lét có mức xả nước thấp và vòi nước và vòi tắm có áp lực thấp. Thiết bị giảm áp lực trong các vòi tắm có thể giảm lưu lượng nước xuống còn 50% mà không ảnh hưởng đến sự bất tiện của người sử dụng.

- Sử dụng các công nghệ để giảm thiểu sử dụng nước thông qua việc tái chế nước.

- Tránh các thói quen sử dụng nước phung phí cho cây cảnh như tưới nước trên bề mặt ở ngoài trời và tưới vườn trong ngày.

- Sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt và chọn những loài cây bản địa chịu hạn tốt cho việc tạo phong cảnh.

#### *b. Giải pháp cho vấn đề quản lý nước thải*

- Giảm tối thiểu lượng nước thải thông qua việc giảm sử dụng nước.

- Sử dụng bột giặt và các chất tẩy rửa dễ phân huỷ bằng sinh học tương thích với các công nghệ xử lý nước thải.

- Giảm tối thiểu việc sử dụng Clo, các chất tẩy quần áo, các loại bột giặt và các hoá chất khác thải vào trong nước thải.

- Đảm bảo tất cả nước thải được xử lý tốt trước khi thải vào môi trường.

## **B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH**

1. Em hãy trình bày vai trò của công tác bảo vệ môi trường trong kinh doanh khách sạn?

2. Phân tích những tác động về môi trường của khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch?

3. Liệt kê các nguyên tắc cơ bản về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong khách sạn và cơ sở kinh doanh du lịch?

4. Nguyên tắc 3R là gì?

5. Trình bày giải pháp quản lý tài nguyên nước?

6. Trình bày các giải pháp kỹ thuật để tiết kiệm điện?

### **C. GHI NHỚ**

Sau khi học xong chương này người học cần ghi nhớ:

- Tổng quan về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch - khách sạn;
- Một số nguyên tắc và các biện pháp quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch

## CHƯƠNG 3. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG

### **Giới thiệu**

Chương này trình bày vấn đề chính sau: Môi trường và môi trường du lịch; Môi trường nhà hàng; Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng; Biện pháp bảo vệ môi trường nhà hàng.

### **Mục tiêu:**

- Trình bày được các yếu tố môi trường nhà hàng;
- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng;
- Thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường nhà hàng;
- Nhận thức và thực hiện đúng về bảo vệ môi trường nhà hàng

### **A. NỘI DUNG**

#### **1. MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG**

##### **1.1. Môi trường không khí trong nhà hàng**

###### **1.1.1. Khí hậu nóng bức**

Nhà hàng là nơi trực tiếp sản xuất các sản phẩm ăn uống nên nhà hàng có môi trường không khí tương đối nóng bức, đặc biệt là khu vực "chế biến nhiệt" và nhất là trong khu vực bếp được thiết kế theo kiểu "khép kín". Trong khu vực chế biến nhiệt (khu vực bếp nấu) không thể lắp điều hoà nhiệt độ và cũng không thể bật quạt làm mát được. Trong khi ấy nhiều bếp nóng có thể cùng đang hoạt động. Chính vì đặc điểm này khiến cho môi trường không khí trong nhà hàng đều có đặc điểm chung là rất oi bức, nóng ẩm và ô nhiễm mùi. Mặc dù trên thực tế hầu hết các nhà hàng đều có hệ thống thông gió, đều có máy khử mùi, tuy nhiên điều này cũng chỉ có tác dụng hạn chế phần nào sức nóng trong môi trường không khí ở nhà hàng.

###### **1.1.2. Bụi, hơi khói, khí độc**

Nhà hàng là nơi tiêu hao nhiều các nhiên liệu, chất đốt như: than, gas, củi, điện... và cũng là nơi sử dụng nhiều hoá chất tẩy rửa, diệt côn trùng... Chính vì vậy mà môi trường không khí nhà hàng khi đó cũng chứa nhiều hơi, khói và khí độc gây hại cho sức khỏe của con người, làm cho con người nhanh mệt mỏi, khó chịu, bị giảm tầm nhìn do bụi, khói... ví dụ như khí CO<sub>2</sub> và các phần tử rắn lơ lửng do đốt các nhiên liệu vượt quá mức cho phép (mức CO<sub>2</sub> nhiều nhất cho phép là 0,03%)

###### **1.1.3. Ẩm ướt và vi sinh vật**

Nhà hàng là nơi thực hiện đầy đủ công việc của quy trình chế biến sản phẩm: từ việc sơ chế nguyên liệu, cắt thái nguyên liệu cho đến việc thực hiện công đoạn chế biến nhiệt, trình bày sản phẩm. Trong quá trình thực hiện quy trình chế biến này, nếu thao tác của các nhân viên không cẩn thận, không chính xác thì sẽ làm cho nhà hàng bị ẩm ướt, trơn trượt và nếu nhân viên không thường xuyên dọn dẹp và làm vệ sinh thì sẽ làm cho các vi khuẩn nấm mốc, các côn trùng như: kiến, gián... hoạt động.

Ngoài ra nhà hàng là nơi tiêu thụ nhiều nguyên liệu vật tư, hàng hoá và cũng là nơi tạo nên nhiều chất thải bỏ ra ngoài môi trường. Các chất thải này cũng là một trong những yếu tố gây ô

nhễm môi trường không khí trong nhà hàng. Nếu các chất thải này không được thu gom thường xuyên đúng quy cách và không được xử lý thích hợp thì mức độ ô nhiễm sẽ trở nên nghiêm trọng. Biết được rõ những nhược điểm về môi trường không khí trong nhà hàng sẽ là cơ sở tốt cho việc đưa ra các giải pháp thích hợp để hạn chế được những nhược điểm đó.

## **1.2. Môi trường nước trong nhà hàng**

Nước rất cần thiết trong đời sống hàng ngày của con người. Trong nhà hàng nước cần cho nhu cầu ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh công cộng và cho hoạt động sản xuất dịch vụ, song nước cũng là môi trường truyền các bệnh nguy hiểm và đưa chất độc vào cơ thể. Do đó, nước trong nhà hàng cần phải đảm bảo sạch và các yếu tố vi lượng thích hợp nhằm giữ được sức khỏe cho con người. Để có được môi trường nước sạch trong nhà hàng thì nhà hàng phải có nguồn nước sạch, phải có hệ thống cấp và thoát nước đúng tiêu chuẩn.

### **1.2.1. Nguồn nước trong nhà hàng**

Hiện nay nước dùng trong nhà hàng được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng chủ yếu là nước máy và nước giếng. Các nguồn nước này tuy khác nhau về tính chất lý học, hoá học, song đều phải qua kiểm tra thường xuyên của cơ quan chuyên môn đảm bảo các tiêu chuẩn nước sạch mới được đưa vào sử dụng.

Nước máy thực chất là nước ngầm sâu được xử lý qua công nghệ hiện đại. Nước ngầm sâu được chế hoá bằng biện lắng lọc, khử trùng sau đó đưa vào bể dự trữ rồi qua hệ thống đường ống phân phối đến nơi sử dụng. Nước máy là nguồn nước tốt nhất dùng trong khách sạn đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

### **1.2.2. Hệ thống thoát nước**

Nước của nhà hàng được thải qua hệ thống thoát nước riêng biệt, kín , không ứ đọng, không đi qua các khu kho, nơi chế biến thực phẩm, phòng ăn, không bị rò rỉ, không gây ô nhiễm nguồn nước sạch và môi trường xung quanh. Đường ống dẫn nước thải cần kín và thấp hơn đường ống dẫn nước sạch tối thiểu là 0,5m

### **1.2.3. Các yếu tố vi lượng trong nước**

Bản thân các yếu tố vi lượng trong nước như: iod, fluo cũng có tác dụng nhất định tới sức khỏe con người và môi trường. Iod rất cần cho cơ thể người, mỗi ngày cơ thể cần 200mg iod để tuyến giáp trạng làm việc bình thường. Nếu thiếu tuyến đó sẽ to lên và sinh ra bệnh bướu cổ.

Trong nước ngầm có nhiều fluo hơn nước bề mặt. Nếu nồng độ fluo trong nước ở dưới 0,5mg/l sẽ làm sâu răng, nhưng nếu ở trên 1,5mg/l sẽ làm hoen ó răng, những vết mờ trên răng sẽ tồn tại mãi, nếu dùng nước có nhiều fluo (trên 5mg/l) sẽ có những tổn thương ở xương. Nồng độ thích hợp ở Việt Nam là 0,7mg/l.

## **1.3. Môi trường cảnh quan nhà hàng**

Môi trường cảnh quan của nhà hàng được tạo nên bởi nhiều yếu tố như: vị trí, diện tích, trang thiết bị tiện nghi, điều kiện về đường xá giao thông và cơ sở hạ tầng tại khu vực nhà hàng, điều kiện tự nhiên quanh khu vực nhà hàng, thiết kế và trang trí mỹ thuật... trong nhà hàng. Môi trường cảnh quan nhà hàng là một trong những yếu tố tạo nên “cái duyên” trong kinh doanh nhà hàng, nó tạo nên một “hình ảnh” về nhà hàng trong mắt khách hàng. Khách hàng có thể thích

môi trường cảnh quan xung quanh nhà hàng, họ đến với nhà hàng, họ tiêu tiền và sung sướng thưởng thức món ăn ở đó và họ có cảm giác dễ chịu khi ngồi trong khung cảnh nhà hàng đầy thơ mộng, huyền ảo, lung linh và thoải mái.

Một nhà hàng thường có diện tích đủ lớn để khách có thể ăn uống thoải mái (khoảng 1,2m<sup>2</sup> cho một chỗ ngồi đối với quán ăn và quầy bar) và được đặt ở vị trí thuận tiện cho giao thông (có nơi để xe cho khách, thuận tiện điểm dừng giao thông để đón khách dễ dàng). Mặt khác nhà hàng cần đặt ở nơi có luồng dân cư đông đúc và có quang cảnh thoáng đãng tự nhiên, đặc biệt nếu nhà hàng được đặt ven hồ, ven biển hoặc ở những khu sinh thái mát mẻ như đồng cỏ, rừng thì sẽ tạo cho nhà hàng có được cảnh quan đẹp hơn. Ngược lại, nếu nhà hàng bị ô nhiễm bởi bụi bặm xung quanh hay được xây dựng gần bãi rác, gần khu công nghiệp ô nhiễm hoặc đặt ngay mặt đường cao tốc bụi bặm ... thì nhà hàng sẽ không có cảnh quan đẹp, hấp dẫn và đây sẽ là một điểm hạn chế của nhà hàng.

Nhà hàng cần có đủ ánh sáng (đặc biệt là khu vực chế biến món ăn, đồ uống) và màu sắc tạo cảm giác mát dịu vào mùa nóng và ấm cúng vào mùa lạnh, biểu tượng độc đáo, cây cảnh luôn xanh tươi, âm thanh êm dịu, nhân viên luôn niềm nở tươi cười và luôn sẵn sàng phục vụ khách... Điều đó tạo cho khách cảm giác thực sự được thư giãn, thoải mái khi đến với nhà hàng và ghi lại trong mỗi du khách hình ảnh một nhà hàng với môi trường cảnh quan thật huyền diệu.

Tuy nhiên, trên thực tế không phải bất cứ nhà hàng nào cũng có được một vị thế đẹp, một cảnh quan tự nhiên thuận lợi... ví dụ như một số nhà hàng nằm ở ngay trung tâm thành phố, có diện tích nhỏ, xen lẫn giữa các tòa nhà khác trong một môi trường chật hẹp. Trong trường hợp đó, việc tự tạo ra một góc cảnh quan thiên nhiên trong nhà hàng (tận dụng cầu thang, lối lên tầng)... là vô cùng cần thiết, có thể tạo một bể nuôi cá cảnh, hòn non bộ phủ rêu xanh, gốc si già, vôi nước ngậm chảy tí tách như dòng suối nhỏ hoặc thiết kế cầu bắc qua một con suối nhân tạo quanh co với hai bên bờ là sỏi đá...

Nếu như diện tích nhỏ hẹp, thì nhà hàng nên có rặng cây xanh hoặc cây cảnh cùng với việc trang trí trên tường và những tranh ảnh đầy màu sắc... Điều đó sẽ tạo cho cảnh quan của nhà hàng có vẻ đẹp nên thơ và gần gũi với tự nhiên.

## **2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG NHÀ HÀNG**

### **2.1. Nước thải của nhà hàng**

Trong nhà hàng, để đảm bảo vệ sinh thực phẩm, thiết bị dụng cụ, vệ sinh nhân viên và các thao tác kỹ thuật cần thiết phải sử dụng nhiều nước. Việc tiêu dùng nhiều nước kéo theo việc tạo ra lượng nước thải lớn. Nước thải trong quá trình sản xuất, chế biến của nhà hàng có thành phần đa dạng, nhiều chất tẩy rửa, chất độc, chất hữu cơ ô ứ, kiềm, axit và các vi sinh vật gây bệnh,... Sự tồn đọng nước thải sẽ tạo điều kiện cho nhiều loại vi sinh vật phát triển và gây ô nhiễm môi trường nhà hàng, ô nhiễm thực phẩm và nguồn nước, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

- Các chất xú ứ và vi khuẩn trong nước thải gây bệnh tật cho con người và làm ô nhiễm môi trường nhà hàng.

- Các vi khuẩn gây bệnh, đặc biệt là các vi khuẩn thuộc nhóm Salmonella thường tồn tại trong nước bị ô nhiễm. Nếu không thực hiện các biện pháp tiệt trùng, nhóm vi khuẩn này sẽ lây lan sang thực phẩm trong nhà hàng và gây ra bệnh thương hàn.

- Virus gây bệnh
- Giun sán
- Côn trùng

Tóm lại, nước thải của nhà hàng là con đường lan truyền nhiều dịch bệnh như giun sán, bệnh đường ruột, bệnh ngoài da do nấm ký sinh, bệnh mắt... và làm ô nhiễm rất nặng môi trường nhà hàng. Để đảm bảo giữ môi trường được trong sạch, các nhà hàng cần có biện pháp xử lý nước thải thích hợp, nếu không nước thải này sẽ ngấm xuống bồn nước ngầm hoặc các thủy vực lân cận, ngấm xuống bể nước ngầm của nhà hàng và khu vực du lịch(sông, hồ, biển,...) gây ảnh hưởng đến môi trường nói chung và môi trường nhà hàng nói riêng.

## **2.2. Rác thải của nhà hàng**

Nhà hàng là nơi tiêu thụ nhiều vật tư. hàng hoá... để sản xuất chế biến các sản phẩm ăn uống. Vì vậy, nhà hàng cũng là nơi thải rác với khối lượng lớn và thành phần đa dạng, gồm có: rác thải mềm bao gồm nước thải bỏ sau quá trình sơ chế chế biến thức ăn, thức ăn thừa ở thể mềm, nước tiểu, nước phân, phân gia súc, gia cầm mà nhà hàng nuôi nhốt... và rác thải rắn như nilông bao gói, thức ăn thừa thể rắn, vỏ lon, đồ hộp...

Rác thải này nếu cứ để tồn đọng, không được xử lý thu gom thì sẽ làm nhiễm bẩn môi trường xung quanh, làm cho tình trạng vệ sinh khu nhà hàng yếu kém vì sự hoạt động của các loại vi sinh vật có sẵn trong phân. Các hợp chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ và sinh ra những khí thối như: H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>, indol, scatol... bay vào không khí làm nhiễm bẩn không khí khu vực nhà hàng. Hơn nữa, bụi từ các đồng rác khi gặp gió hoặc khi quét sẽ bay vào làm nhiễm bẩn không khí, nhiễm bẩn nước trong nhà hàng điều này có thể gây ra các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp. Nước phân huỷ từ đồng phân rác không những làm bẩn đất, nước ngay lại chỗ mà còn bị nước mưa cuốn đi và làm nhiễm bẩn nước bề mặt và nước của bể nước ngầm.

Ngoài ra, rác thải của nhà hàng chứa đủ các bệnh truyền nhiễm đường ruột (nhất là trong phân gia cầm, gia súc...) từ những vi khuẩn gây bệnh thông thường như tả, lỵ, thương hàn... đến siêu vi khuẩn đường ruột, đơn bào đường ruột và nhất là trứng giun sán, chúng có thể sống nhiều ngày trong đất, nước, thậm chí nhiều tháng rồi từ đất, nước thải làm nhiễm cây trồng, rau củ ăn sống và nhiễm bẩn môi trường.

Rác thải cũng là nơi hoạt động của các sinh vật trung gian như: ruồi, muỗi và một số côn trùng khác... Rác thải là môi trường tốt, là nơi cung cấp thức ăn và có vai trò quyết định đến vấn đề sinh sản của những sinh vật trung gian đó (nhất là ruồi). Ruồi đậu vào rác kiếm thức ăn và đẻ trứng sau đó chúng lại đậu vào thức ăn để làm nhiệm vụ trung gian vận chuyển mầm bệnh cho con người. Ngoài ruồi ra thì rác cũng là nơi chuột hoạt động, chuột lại tiếp tục thực hiện chức năng trung gian truyền bệnh cho con người như: dịch hạch, sốt vàng da chảy máu...

Tóm lại, bản thân rác thải của nhà hàng đã có sẵn những yếu tố gây ô nhiễm môi trường nếu như con người không có ý thức và biện pháp khắc phục thì môi trường nhà hàng sẽ ngày

càng trở nên ô nhiễm. Cụ thể là: việc xử lý rác không kịp thời, thùng rác không có nắp đậy, việc thu gom chưa hợp vệ sinh... điều này làm cho môi trường nhà hàng càng ô nhiễm hơn.

Hiện nay, các nhà hàng thường dùng thùng rác bằng inox có nắp đậy, không thấm nước, có túi nhựa lót mặt trong và được đặt ở khu vực có nhiệt độ thấp để hạn chế sự phát triển nhanh của các sinh vật. Tuy nhiên, rất ít nhà hàng sử dụng thùng rác riêng biệt cho từng loại chất thải đặc biệt là khu vực bếp. Do đó, việc xử lý rác thải trong nhà hàng không thuận tiện. Bên cạnh đó việc thu gom rác vận chuyển ra hố rác công cộng hiện vẫn chưa có dụng cụ chuyên dùng, chưa có hệ thống dây chuyền xử lý rác khép kín, nhiều nhà hàng vẫn phải dùng dụng cụ bằng tay trực tiếp điều này gây ảnh hưởng nhiều đến việc đảm bảo vệ sinh môi trường nhà hàng.

### **2.3. Khí thải của nhà hàng**

Khí thải của nhà hàng là một trong những yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí trong nhà hàng, vì ô nhiễm không khí thực chất là kết quả của sự thải ra những khí hơi, giọt và phần tử lạ hoặc của sự chứa đựng trong đó một lượng lớn các thành phần bình thường như: CO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>2</sub>, SO<sub>3</sub>... và các phần tử rắn lơ lửng do đốt các loại nhiên liệu.

Khí thải của nhà hàng chủ yếu là do đốt nhiên liệu (than, gas...). chất ô nhiễm theo các ống khói của nhà hàng vào môi trường không khí. Trong khí thải có chứa rất nhiều chất độc và một số chất gây ô nhiễm môi trường nhà hàng. Chất độc hại được sản sinh bằng các hoá chất thoát ra từ nhiên liệu trong quá trình đốt cùng với lượng tro bụi lớn. Nó làm ô nhiễm cục bộ trong nhà hàng, đặc biệt là việc dùng than để đun nấu tràn lan tại các nhà hàng trong đô thị cũng là điều đáng quan tâm đối với các nhà quản lý môi trường.

Chính những khí thải của nhà hàng gây nguy hại đến con người cụ thể là: gây ảnh hưởng đến bệnh phổi, bệnh tim mạch cho con người, bệnh viêm phế quản mãn tính, bệnh ung thư phổi, bệnh về thần kinh gây đau đầu, mệt mỏi toàn thân, ảnh hưởng đến bộ máy hô hấp gây buồn nôn kích thích mắt và họng, gây ho, buồn phiền, nguy hiểm đối với người bệnh, đau mắt., gây cáu gắt làm ảnh hưởng đến bộ máy hô hấp, gây khô họng, làm giảm tầm nhìn và nếu nặng còn gây mù mắt... và còn làm cho không khí nhà hàng bị ô nhiễm.

### **2.4. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng**

Xét ở chỉ tiêu môi trường cảnh quan thì môi trường nhà hàng chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố như: vị trí nhà hàng, diện tích nhà hàng, trang thiết bị nhà hàng, việc thiết kế trang trí mỹ thuật trong nhà hàng,...

## **3. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ HÀNG**

### **3.1. Biện pháp xử lý rác thải trong nhà hàng**

- Thu gom rác thải
  - + Phân loại rác và để riêng từng loại rác, rác thuộc loại mềm có thể phân hủy cần để trong thùng rác riêng. Rác thuộc loại rắn không thể phân hủy bỏ trong thùng rác riêng để quá trình xử lý được dễ dàng, thuận tiện.
  - + Sau khi quét dọn, rác được bỏ vào thùng rác đúng quy cách. Thùng rác làm bằng chất dẻo hoặc kim loại có phủ sơn chống thấm nước, có nắp đậy kín và có túi nhựa lót trong.

+ Thùng rác nên đặt đúng nơi quy định, tốt nhất cách xa lối thoát hiểm, xa khu vực chuẩn bị hay hành lang và nên đặt ở góc có nhiệt độ thấp nhưng không ẩm ướt để phòng ngừa, hạn chế nhanh sự phát triển của vi sinh vật.

+ Khu vực bếp có thể đặt thùng rác riêng cho từng loại chất thải để tiện xử lý.

- Xử lý rác

+ Xử lý rác thải có thể căn cứ vào đặc điểm của từng loại rác sao cho vừa đạt vệ sinh vừa đạt hiệu quả kinh tế. Rác là chất thải rắn như: đồ hộp, chai lọ, vỏ lon, thùng hộp,... thì có thể bán phế liệu. Thức ăn thừa có thể sử dụng làm thức ăn vật nuôi (nếu có). Các loại rác thải còn lại thì vận chuyển ra bãi rác công cộng.

### **3.2. Biện pháp xử lý nước thải trong nhà hàng**

Nhà hàng cần thiết kế hệ thống công thoát nước thải bằng bê tông xi măng đúc để tránh thấm nước. Đường ống nước thải phải thấp hơn đường ống dẫn nước sạch ít nhất 0,5m, cần đảm bảo kín, không đi qua khu vực: kho, khu chế biến thực phẩm, phòng ăn. Các đường ống thoát nước này không được để ứ đọng, không để tắc nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm nước sạch và môi trường xung quanh.

Nhà hàng phải có hệ thống làm sạch nước thải. Làm sạch nước thải có nghĩa là loại bỏ các chất vô cơ, cặn hữu cơ và các chất hữu cơ hòa tan, các mầm bệnh hay xử lý nước bẩn trước khi đưa ra hệ thống nước thải thành phố. Có thể làm sạch nước thải bằng hai phương pháp: cơ học và sinh học

- Làm sạch cơ học là phương pháp làm sạch nước thải bằng cách cho nước thải chạy qua lưới chắn để giữ lại những rác nổi, to không làm tắc đường ống. Sau đó cho chảy qua bể lắng để giữ lại những cặn vô cơ và những cặn lơ lửng có thể tự lắng được.

- Phương pháp làm sạch sinh học là phương pháp làm sạch bằng việc dùng bể lọc sinh học với vật liệu lọc là cát vàng, cuội sỏi, than xi,...

### **3.3. Biện pháp chống nóng trong nhà hàng**

- Nên thiết kế trần nhà hàng cao thoáng. Nên có hiên để tránh sự thay đổi nhiệt độ đột ngột, hiên có tác dụng giảm nhiệt độ trong nhà hàng từ 2-3°C. Lựa chọn hướng nhà hàng thích hợp, tốt nhất nên chọn hướng nam và đông nam và tránh hướng tây.

- Cần dùng tường và mái có đủ độ dày, có lớp phân cách, để bảo vệ nhà hàng khỏi bị nóng. Có rèm che ngăn nắng trực tiếp xuyên vào phòng.

- Có thể dùng thiết bị làm lạnh nhân tạo để duy trì nhiệt độ thích hợp trong nhà hàng.

- Tường nên sơn màu sáng để hạn chế hấp thụ nhiệt.

- Khi dùng cửa kính thì nên chọn loại phản quang tốt giảm vấn đề hiệu ứng nhà kính.

- Trang bị nhiều cây xanh, cây cảnh, bể nước giúp điều hòa không khí trong nhà hàng.

- Khu vực bếp, khu vực chế biến nhiệt thì không dùng thiết bị làm lạnh nhân tạo mà chỉ nên áp dụng các biện pháp kể trên và ánh sáng trong khu vực bếp nên dùng ánh sáng từ đèn huỳnh quang để có được ánh sáng ban ngày tạo cảm giác mát mẻ hơn và có thể nhận biết được chính xác trạng thái nguyên vật liệu trong quá trình chế biến.

### **3.4. Biện pháp chống bụi, hơi, khói, khí độc trong nhà hàng**

Bụi là tập hợp của nhiều hạt nhỏ bay trong không khí, có kích thước, trọng lượng và thành phần khác nhau. Có các loại bụi hữu cơ (bụi vi khuẩn, bụi thực vật, bụi tro) , bụi nhân tạo (nhựa cao su), bụi kim loại (đồng, sắt), bụi vô cơ (silic, amiăng). Bụi, hơi, khói, khí độc có ảnh hưởng đến sức khỏe con người, cây cối và vật liệu.

Các biện pháp phòng chống bụi, hơi, khói và khí độc trong nhà hàng:

- Khi xây dựng nhà hàng cần chọn nơi ở xa và không thuận chiều gió với những nơi ô nhiễm.
- Phải bố trí dây chuyền sản xuất phục vụ hợp lý; tránh bụi, khói của khu vực chế biến ảnh hưởng đến phòng ăn, quầy bar và các nơi khác trong nhà hàng. Tùy theo từng nhà hàng mà bố trí thiết bị thông gió.
- Nơi chế biến thức ăn cần có thiết bị hút hơi, khí, khói để hạn chế bụi bắn phát tán vào không khí. Nhà hàng cần hạn chế dùng than trong sản xuất và chế biến, làm sạch chất độc hại trong nguyên liệu.
- Nhà hàng cần có hệ thống rèm cửa thích hợp. Đối với những nhà hàng gần trục giao thông cần có cửa kính để chắn bụi.
- Sử dụng cây xanh để làm hàng rào, vườn hoa cây cảnh ở khuôn viên cũng như đặt những chậu cảnh, trong các khu vực của nhà hàng đặc biệt là khu vực phòng ăn vừa đẹp mắt, vừa cải thiện môi trường không khí vì cây xanh có thể hấp thụ các thành phần bay hơi có hại đồng thời làm giảm lượng CO<sub>2</sub> tăng lượng O<sub>2</sub> bằng sự quang hợp , có tác dụng che nắng, hút bớt bức xạ mặt trời, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí.
- Trong nhà đông người cần sử dụng thiết bị điều tiết không khí để đảm bảo tốt chất lượng không khí ở đây.

### **3.5. Các biện pháp khác**

Để giữ cho môi trường cảnh quan nhà hàng được trong lành, ngoài việc xử lý các chất thải bỏ trong nhà hàng, phòng chống bụi, hơi, khói, khí độc,... nhà hàng cần chú ý đến việc lựa chọn vị trí, địa điểm, trang trí nội thất, chuẩn hóa hệ thống cấp nước sạch cho nhà hàng.

- Lựa chọn và bố trí địa điểm nhà hàng
- Trang trí mỹ thuật trong nhà hàng
  - + Về màu sắc
  - + Về ánh sáng và âm thanh
  - + Về góc cảnh quan thiên nhiên
- Tạo dựng hệ thống cấp nước hợp lý trong nhà hàng :Việc cấp nước cần chú ý đến nguồn nước và hệ thống vòi, đường ống dẫn nước sạch vào nhà hàng, bể chứa nước của nhà hàng. Cụ thể là:
  - + Nguồn nước đưa vào sử dụng cần được kiểm tra thường xuyên bởi cơ quan chuyên môn, đảm bảo các tiêu chuẩn nước sạch mới được đưa vào sử dụng.

## **B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH**

1. Môi trường nhà hàng là gì? Em hay liệt kê và phân tích các thành phần của môi trường nhà hàng?
2. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng? Phân tích ảnh hưởng của rác thải nhà hàng đến môi trường?
3. Để bảo vệ môi trường trong nhà hàng, các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng cần phải làm gì?

## **C. GHI NHỚ**

Sau khi học xong chương này người học cần ghi nhớ:

- Môi trường nhà hàng;
- Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nhà hàng;
- Biện pháp bảo vệ môi trường trong nhà hàng

## CHƯƠNG 4. VỆ SINH VÀ AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG

### Giới thiệu

Chương này trình bày vấn đề chính sau: Môi trường và môi trường du lịch; Tổng quan về bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch - khách sạn; Một số nguyên tắc và các biện pháp quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường trong khách sạn và các cơ sở kinh doanh du lịch

### Mục tiêu:

- Trình bày được các yêu cầu vệ sinh trong nhà hàng, các yếu tố gây mất an toàn trong nhà hàng.
- Nhận biết đúng các hệ thống tín hiệu an toàn trong nhà hàng;
- Thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo vệ sinh, an toàn trong nhà hàng;
- Xử lý được các tình huống sự cố xảy ra trong nhà hàng;
- Nhận thức tích cực về công tác vệ sinh, an toàn trong nhà hàng

### A. NỘI DUNG

#### 1. VỆ SINH TRONG NHÀ HÀNG

##### 1.1. Sự cần thiết của vệ sinh trong nhà hàng

Vệ sinh trong nhà hàng là việc loại bỏ những vết bẩn trong nhà hàng. Vệ sinh trong nhà hàng gồm: vệ sinh thực phẩm, vệ sinh dụng cụ, vệ sinh nhân viên trong nhà hàng. Vệ sinh không gian nhà hàng...

Vệ sinh trong nhà hàng là vô cùng quan trọng và cần thiết, nó có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe của nhân viên và của khách. Mặt khác, vệ sinh có ý nghĩa quyết định đến uy tín và sự thành công trong kinh doanh của nhà hàng.

##### 1.1.1. Vệ sinh có vai trò nâng cao chất lượng sản phẩm ăn uống

Vệ sinh là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng sản phẩm của nhà hàng và có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của khách hàng đồng thời nó còn có ý nghĩa tạo lập uy tín của nhà hàng. Cụ thể là:

Khi vệ sinh đảm bảo sạch thì chất lượng sản phẩm ăn uống phục vụ khách sẽ được nâng lên và nó có tác dụng rất tốt đối với sức khỏe của khách. Ngược lại, khi sản phẩm ăn uống phục vụ khách không đảm bảo vệ sinh làm cho khách có thể bị mắc một số bệnh về đường tiêu hoá như: viêm đường ruột, giun, sán lá phổi, sán lá gan, bệnh tả, thương hàn, bệnh ly trực khuẩn, ỉa chảy, ngộ độc thực phẩm do vi khuẩn... dẫn đến nhà hàng bị mất uy tín và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh

##### 1.1.2. Vệ sinh có vai trò tạo ra môi trường làm việc trong lành cho nhà hàng

Nhà hàng sạch sẽ tạo ra môi trường làm việc trong lành. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với nhân viên và du khách vì họ được tận hưởng bầu không khí trong lành. không gây độc hại... Mặt khác. nó còn có tác dụng rất tốt trong việc bảo quản nguyên liệu sản phẩm, tránh bị hư hỏng, ôi, thiu... góp phần nâng cao năng suất chất lượng trong nhà hàng.

Tóm lại, trong kinh doanh dịch vụ ăn uống thì vệ sinh là vấn đề hết sức quan trọng. Vệ sinh không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe cho khách hàng, cho nhân viên

mà còn tạo dựng được uy tín nhà hàng. Đây là những yếu tố cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh cho nhà hàng.

## **1.2. Yêu cầu vệ sinh trong nhà hàng**

### **1.2.1. Yêu cầu về vệ sinh nước trong nhà hàng**

Để đảm bảo cho môi trường nước trong nhà hàng được trong sạch thì trước hết nhà hàng cần có nguồn nước sạch. Nước sạch dùng trong nhà hàng phải đảm bảo đầy đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng và được cơ quan y tế kiểm nghiệm, xác định bằng văn bản.

- Tiêu chuẩn về lượng: Lượng nước cung cấp cho nhà hàng phải đảm bảo thường xuyên 24h/ngày và đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhà hàng.

- Tiêu chuẩn về chất: Để đảm bảo vệ sinh nước cấp cho khách sạn không có chất độc, không nhiễm khuẩn cần đáp ứng những yêu cầu lý, hoá và sinh học theo "Tiêu chuẩn vệ sinh đối với nước ăn uống và sinh hoạt" - Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường năm 1995.

- + Tiêu chuẩn lý học: Nước cần phải trong, không màu, không mùi vị lạ, độ pH từ 6.5 đến 8.5, nhiệt độ tương đối ổn định khoảng 15° C, tỷ trọng là 1.

- + Tiêu chuẩn hóa học: Nước không được có các chất độc hữu cơ, đặc biệt là chất độc hữu cơ gốc động vật vì sự có mặt của chất độc hữu cơ gốc động vật thường kèm cả vi khuẩn gây bệnh.

- + Tiêu chuẩn sinh học: Nước sạch phải đảm bảo yêu cầu không được có các nguyên sinh động vật, kí sinh trùng gây bệnh và các loại rêu tảo... không được có các vi khuẩn gây bệnh tả, lỵ, thương hàn.

### **1.2.2. Yêu cầu về vệ sinh thực phẩm trong nhà hàng**

Thực phẩm là một yếu tố quan trọng để duy trì sự sống nhưng thực phẩm cũng có thể là một yếu tố truyền bệnh nguy hiểm. Nhiều loại vi sinh vật gây bệnh có thể tồn tại ở thực phẩm trong một thời gian dài, một số còn có khả năng sinh sản và phát triển mạnh ở đó. Đặc biệt, các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao lại càng là môi trường thuận lợi cho nhiều vi sinh vật phát triển. Vì vậy, nhà hàng cần phải thực hiện tốt các yêu cầu, tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất chế biến: từ khâu đầu tiên khi lựa chọn nguồn hàng về nhập kho đến khâu sơ chế, chế biến và chuyển giao thực phẩm ra cho khách cũng phải đảm bảo được tiêu chuẩn vệ sinh.

- Yêu cầu chung khi lựa chọn thực phẩm: Tuyệt đối không mua thực phẩm ở nơi không đảm bảo độ tin cậy và không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đặc biệt là các cơ sở giết mổ không qua kiểm dịch y tế; lựa chọn dựa trên chỉ tiêu cảm quan cần chú ý những biểu hiện bên ngoài của nguyên liệu; lựa chọn nguyên liệu dựa vào các quy định quốc tế và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; đối với các hàng nhập nhất thiết phải dùng các thiết bị phân tích, đo lường kỹ càng, không dùng bằng mắt thường.

- Yêu cầu cụ thể khi lựa chọn nguyên vật liệu: Lựa chọn bề mặt nguyên liệu phải tươi mới, không bị ôi thiu và có mùi lạ; lựa chọn nguyên liệu không bị mắc bệnh, thực phẩm không bị nhiễm độc tố. Việc lựa chọn nguyên liệu cần căn cứ vào đặc điểm của từng loại nguyên liệu.

+ Đối với gia cầm: Trong những năm gần đây xảy ra đại dịch “ cúm gia cầm ” ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, tính mạng của con người nên việc chọn gia cầm nhất thiết phải rất chú ý. Đối với gà nên chọn con vật khỏe mạnh, mào đỏ tươi, chân nhỏ thẳng, chân không đóng vảy, ức dày, hậu môn không ướt. Đối với vịt, chú ý chọn con mọc đủ lông cánh, ức tròn, da cổ và bụng đầy.

+ Đối với gia súc (dê, thỏ, lợn, trâu, bò): Hiện nay hầu như nhiều nhà hàng, khách sạn chỉ nhập từng phần thịt của gia súc với nhu cầu về chất lượng cụ thể mà họ không bảo quản gia súc dạng tươi sống. Tuy nhiên, thực tế vẫn có số ít nhà hàng có cơ sở nuôi nhốt gia súc riêng nên vẫn nhập gia súc nguyên con và tự giết mổ. Vì vậy, quá trình lựa chọn nguyên liệu cần nắm rõ đặc điểm nguyên liệu tươi sống dạng thịt và dạng nguyên con.

+ Đối với cá: Cá nếu thấy có dị tật như nổi mụn, bụng lòi ruột, hình dạng kỳ lạ, vảy thưa, lượng nhớt ở mình nhiều, tanh thối do vi khuẩn, ôi, uon,... thì không được đưa vào chế biến. Cá được đưa vào chế biến trong nhà hàng phải đảm bảo màng trong, mắt trong, vảy và vây nguyên dạng, mang đỏ, thịt sáng,...

+ Đối với tôm: Chọn tôm có vỏ bóng, sáng, trong, xanh, tron, láng, cứng và dai, không bị rời đầu. Tôm khô chọn con có màu đỏ vàng, thân chắc, khô và dai.

+ Đối với cua, ốc, ếch, lươn, ba ba: Cua nên chọn con sống, đủ chân càng. Ốc không chọn con nổi trong nước, vẩy tụt sâu vào trong và có mùi hôi. Ếch, lươn, ba ba cũng phải chọn con còn đang sống khỏe mạnh, da vàng, nếu là ba ba chọn con mai hơi vàng là ba ba sống khỏe.

+ Đối với dầu, mỡ: Dầu và mỡ cần đảm bảo trong, sáng, đồng nhất, mùi thơm, không lẫn tạp chất và không có mùi lạ. Nếu mỡ sống thì chọn mỡ của con lợn khỏe, nhìn bề mặt mỡ sáng bóng, không dính tạp chất, không chọn mỡ mỏng có màu trắng đục, màng hơi xanh.

+ Đối với trứng:

+ Đối với thực vật

+ Đối với đồ uống

+ Đối với các sản phẩm chế biến sẵn (bánh kẹo, đồ hộp, đồ khô): đảm bảo chất lượng và thời gian sử dụng của những cơ sở có uy tín, về chất lượng.

+ Đối với hoa quả tươi: Các loại hoa quả dùng trong pha chế, trang trí và phục vụ khách phải là những hoa quả tự nhiên không dùng đến hóa chất bảo quản, tươi mới, chín đúng độ, không bị sâu thối hay dập nát, được rửa sạch, lau khô và phải được kiểm tra trước, đảm bảo chất lượng mới đem ra phục vụ khách.

+ Đối với bán thành phẩm (sữa): Nên chọn sữa từ cơ sở sản xuất đảm bảo chất lượng, được kiểm nghiệm qua các tiêu chuẩn chuyên môn kỹ càng, thời gian sử dụng còn dài, không chọn sữa bị đắng, bị chua, đục và có mùi lạ.

Tóm lại, yêu cầu về lựa chọn thực phẩm khi đưa vào sản xuất chế biến món ăn phải đảm bảo tinh khiết, không có vi khuẩn, không nhiễm các loại độc tố như thuốc trừ sâu, kim loại nặng, phẩm màu hay thuốc thú y, không nhiễm trứng giun sán, không bị biến đổi thành phần hóa học. Nếu phát hiện thấy thực phẩm bị nhiễm bệnh, nhiễm hóa chất thì không chọn loại thực phẩm đó.

### **1.2.3. Yêu cầu về vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng**

Các loại dụng cụ trong nhà hàng nếu không vệ sinh sẽ có khả năng truyền một số bệnh đường ruột, bệnh truyền nhiễm, bệnh ngoài da, thậm chí có thể gây ngộ độc thực phẩm.

Yêu cầu vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng:

- Yêu cầu vệ sinh chung
  - + Vật liệu cấu tạo phải đảm bảo tính chất và mục đích sử dụng, đồng thời không tạo ra các chất độc nhiễm vào sản phẩm chế biến và môi trường. Vật liệu nên dễ làm sạch và khử trùng. Hình dáng thiết bị, dụng cụ phải đảm bảo không tạo điều kiện cho vi khuẩn lưu trú, khó cọ rửa, lau chùi (ít kẽ hở)
  - + Việc sử dụng dụng cụ phải đúng mục đích để đảm bảo vệ sinh, an toàn, năng suất, chất lượng. Mỗi loại dụng cụ cần có chế độ làm sạch cụ thể song phải đảm bảo nguyên tắc. Thiết bị dụng cụ bẩn cần phải làm vệ sinh ngay. Khi vệ sinh chỉ sử dụng chất tẩy rửa không độc với con người.
  - + Khăn bàn, khăn ăn, khăn phục vụ các loại phải sạch sẽ, lành lặn, không có vết bẩn, không có mùi hôi, không bị hoen ố

### **1.2.4. Yêu cầu vệ sinh người lao động trong nhà hàng**

Trong quá trình làm việc, người phục vụ phải thực hiện những quy định về vệ sinh cá nhân sau đây:

- Trước khi làm việc, đặc biệt trong khâu trang trí món ăn, bao gói sản phẩm thì nhân viên cần phải rửa tay sạch bằng xà phòng, sau đó làm khô tay bằng khăn khô sạch hoặc bằng máy sấy. Sau khi đi vệ sinh, sau khi ho, hắt hơi, sau khi đi giày dép, mặc quần áo hay chuyển từ khâu này sang khâu khác cũng phải rửa tay. Cần chú ý đặc biệt đến móng tay, móng chân luôn cắt gọn gàng và không được sơn móng tay vì móng tay dài là nơi bám bẩn và vi khuẩn dễ dàng lưu trú ở đó. Ngoài ra nhân viên phải thường xuyên tắm gội hàng ngày, đánh răng ít nhất 2 lần một ngày, tốt nhất sau mỗi bữa ăn.
- Trước và trong khi phục vụ khách nhân viên không được ăn các thức ăn có mùi hôi (hành, tỏi, mắm tôm,...), không hút thuốc lá, uống rượu bia vì điều này gây khó chịu cho khách.
- Khi tiếp xúc với thức ăn và phục vụ khách tránh để tay tiếp xúc với thức ăn, không ngậm tăm, ngáp, không được khạc nhổ, hắt hơi, ho, dụi mắt, gãi tai, gãi đầu, ngoáy mũi, không được chải đầu hay trang điểm, không hút thuốc và dùng tay lau miệng cốc hay đĩa đựng thức ăn vì để lại dấu vân tay trên bề mặt dụng cụ.
- Nhân viên phải mặc đồng phục, trang phục gọn gàng, sạch sẽ, là phẳng, các khuy cúc đầy đủ, không có các vết bẩn, vết thức ăn hoặc chất tẩy rửa trên đồng phục để tránh truyền vi khuẩn sang người và các vật dụng khác; đồng phục này khi không dùng đến cần được treo ở nơi hợp vệ sinh. Đồng phục của nhân viên phục vụ nên chọn màu sáng, sạch sẽ và phù hợp với quy định của từng bộ phận công tác. Ở khâu chế biến và trang trí món ăn nhân viên phải đội mũ, đeo khẩu trang, tạp dề; trang phục này cần được thay giặt thường xuyên. Đối với nhân viên xếp dỡ ở kho lạnh thì phải có găng tay, ủng. Còn đối với nhân viên trực tiếp phục vụ khách ăn uống thì trang phục cần thiết phải sạch đẹp, là phẳng không vết ố, giày thường xuyên phải được đánh bóng, gót

êm, dép đủ quai, tất lạnh, sạch và không có mùi hôi. Đối với nhân viên phục vụ là nữ thì tóc phải cắt gọn, búi ở phía sau, đặc biệt nhân viên phục vụ bếp phải có mũ đội để tránh cho tóc không bị cuốn vào thức ăn. Ngoài ra không được trang điểm lòa loẹt, sắc sỡ, không dùng nước hoa nặng mùi, không đeo quá nhiều đồ trang sức.

- Thường xuyên đi kiểm tra sức khỏe (tối thiểu 2 lần/năm). Với những người bị bệnh thì không được tiếp xúc với thực phẩm, dụng cụ phục vụ ăn uống của khách và cũng không được trực tiếp phục vụ khách.

### **1.2.5. Yêu cầu vệ sinh các khu vực bếp, phòng ăn, quầy bar**

#### *Yêu cầu vệ sinh phòng ăn và quầy bar*

Phòng ăn và quầy bar là nơi khách ngồi thưởng thức món ăn và đồ uống tại đó, vì vậy phòng ăn và quầy bar phải tạo cho khách cảm giác thoải mái, yên tâm tin tưởng và sự hưng phấn ăn uống của khách. Để đạt được điều này, phòng ăn và quầy bar cần phải đảm bảo các yêu cầu vệ sinh cơ bản sau đây.

- Phòng ăn và quầy bar phải thoáng mát, khô ráo, sạch sẽ, không có bụi bẩn, trơn trượt, không có côn trùng, bố trí sắp đặt tiện dụng, khung cảnh hấp dẫn, âm thanh và ánh sáng êm dịu, màu sắc hài hòa.

- Trong phòng ăn có món chế biến ngay tại bàn, thì phải có hệ thống hút hơi, khói, khi độc và bụi ra ngoài, hệ thống này phải kín để tránh sự ngột ngạt, khó chịu trong phòng ăn.

- Chậu hoa, cây cảnh trong phòng ăn không nên chọn loại cây có mùi thơm mạnh vì sẽ làm át đi hương vị món ăn, hàng ngày cần chăm sóc cây cảnh và không đổ thức ăn, nước thừa vào chậu cảnh. Lá cây phải được lau sạch sẽ, không có mạng nhện hay lá úa vàng trên cây. U

- Trong phòng ăn, quầy bar phải có nơi treo mũ, áo cho khách, có nhà vệ sinh cho khách nam, nữ riêng với đầy đủ nước nóng, lạnh, chậu rửa, xà phòng, khăn tay, máy làm khô và đảm bảo không có mùi hôi.

\* Lưu ý: Việc quét nhà, lau bụi bẩn, dọn vệ sinh phải được tiến hành trước khi bày bàn. Tuyệt đối nghiêm cấm không được thu dọn, quét nhà khi bày bàn, sau khi bày bàn và khi khách đang ăn uống.

#### *Yêu cầu vệ sinh khu vực kho trong nhà hàng*

Kho bảo quản thực phẩm trong nhà hàng cũng phải đảm bảo thoáng, cao tối thiểu 3m, sạch, kín, không có mạng nhện, không có côn trùng như: chuột, ruồi, gián, kiến. Nhiệt độ và độ ẩm thích hợp để thực phẩm không bị hỏng trong quá trình cất trữ trong kho. Kho lương thực phải được thông gió, thoáng mát bằng các hệ thống làm mát như điều hòa, thông gió, có hệ thống hút ẩm, đầy đủ giá kệ, dụng cụ chứa đựng thực phẩm. Phương tiện vận chuyển hàng hóa trong kho chuyên dùng cho từng loại thực phẩm sống, chín riêng biệt... Các giá, kệ, dụng cụ chứa đựng và các phương tiện vận chuyển thực phẩm trong kho phải làm vệ sinh sạch sẽ, thùng xe phải làm bằng vật liệu dễ cọ rửa, bền hóa học và không làm biến đổi chất lượng thực phẩm, không gây ô nhiễm thực phẩm và không gây hại cho người tiêu dùng (nên làm từ thép không gỉ). Thùng xe phải được làm sạch bằng nước có pha chất sát khuẩn rồi lau khô trước và sau khi vận chuyển thực phẩm. Các bao bì phải được đảo thường xuyên để tránh nấm mốc và mối mọt.

## **2. AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG**

### **2.1. Khái niệm và vai trò của công tác an toàn trong nhà hàng**

#### **2.1.1. Khái niệm về công tác an toàn trong nhà hàng**

- An toàn lao động là chỉ việc ngăn ngừa sự cố tai nạn xảy ra trong quá trình lao động, gây thương tích đối với cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động. Ngược lại với an toàn lao động có các khái niệm như: tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động...

- Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

Công tác an toàn trong nhà hàng bao gồm hai hoạt động: công tác an toàn lao động trong nhà hàng và công tác an ninh.

*“Công tác an toàn trong nhà hàng là việc đảm bảo cho con người trong nhà hàng được thoải mái, yên tâm và được bảo vệ thoát khỏi sự nguy hiểm, sự độc hại và sự sợ hãi”.*

An toàn trong nhà hàng bao gồm: an toàn cho khách khi ăn uống tại nhà hàng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho khách, an toàn trong các sự cố như: cháy, nổ, hỏa hoạn và an toàn cho nhân viên trong việc phòng chống các yếu tố độc hại trong môi trường lao động tại nhà hàng, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

#### **2.1.2. Vai trò của công tác an toàn trong nhà hàng**

Công tác an toàn trong nhà hàng có ích lợi rất lớn đối với thực khách và đối với người lao động, đối với người quản lý trong nhà hàng về sức khỏe, tâm lý, tính mạng, tài sản, năng suất, chất lượng lao động.

- Đối với thực khách: Công tác an toàn trong nhà hàng nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, an toàn về sức khỏe, an toàn tài sản, an toàn tâm lý cho khách khi tiêu dùng sản phẩm của nhà hàng.

- Đối với nhà hàng: Công tác an toàn không những đảm bảo được tài sản cho nhà hàng, đảm bảo được sức khỏe và tính mạng của nhân viên, của người quản lý trong nhà hàng mà nó còn nâng cao uy tín của nhà hàng. Uy tín này được thể hiện chính ở sự yên tâm, tin tưởng của khách đối với nhà hàng.

### **2.2. Hệ thống tín hiệu an toàn trong nhà hàng**

Tín hiệu an toàn là phương tiện kỹ thuật an toàn dùng để báo trước cho người lao động những nguy hiểm có thể xảy ra hoặc chỉ dẫn cho họ những hành động ứng xử cần thiết để đảm bảo an toàn.

Hệ thống tín hiệu an toàn trong nhà hàng là hết sức cần thiết. Nó nhằm mục đích nhắc nhở cho nhân viên kịp thời tránh không bị tác động xấu trong quá trình làm việc tại nhà hàng, hướng dẫn thao tác và nhận biết được quy định về kỹ thuật an toàn trong nhà hàng qua các dấu hiệu quy ước.

Hiện nay, tín hiệu về an toàn trong nhà hàng có hình thức và nội dung rất đa dạng, nó có thể tồn tại dưới dạng khác nhau như: biển báo, đèn báo, cờ hiệu, còi báo động... Song, các tín hiệu này đều phải đảm bảo các yêu cầu:

- Dễ nhận biết.
- Khả năng nhầm lẫn thấp, độ chính xác cao.
- Dễ thực hiện, phù hợp với tập quán, cơ sở khoa học kỹ thuật và yêu cầu của tiêu chuẩn hoá.

Để đạt được những yêu cầu đó, khi thiết kế các tín hiệu này thường sử dụng đến các yếu tố như: ánh sáng, màu sắc (thường dùng những màu nổi bật như: đỏ, vàng, xanh... và những màu tương phản cao); âm thanh (thường dùng còi, chuông, keng...); màu sơn, hình vẽ, hàng chữ hoặc dùng đồng hồ và các dụng cụ đo lường (đo cường độ, đo điện áp dòng điện, đo áp suất, khí độc, ánh sáng, nhiệt độ, đo bức xạ). Đối với các nhà hàng, khi thiết kế các tín hiệu cũng thường sử dụng đến những tín hiệu này.

Tuy nhiên, trên thực tế nhiều nhà hàng vẫn chưa có đầy đủ các tín hiệu an toàn. Đây chính là một yếu tố ảnh hưởng đến độ an toàn trong nhà hàng.

### **2.3. Các yếu tố gây mất an toàn trong nhà hàng**

#### **2.3.1. Các yếu tố độc hại trong môi trường lao động của nhà hàng**

##### *a. Các yếu tố vật lý có hại trong nhà hàng*

- Thiếu ánh sáng trong nhà hàng.
- Tiếng ồn trong nhà hàng.
- Các yếu tố vi khí hậu có hại trong nhà hàng: nhiệt độ nóng, độ ẩm, quá cao và tốc độ gió quá thấp.

##### *b. Các yếu tố hóa học có hại trong nhà hàng*

- Bụi, hơi, khói, khí độc.
- Các hóa chất dùng trong nhà hàng: thuốc tẩy trùng, sát khuẩn, thuốc chống côn trùng, chất tẩy axit,...

##### *c. Yếu tố sinh học có hại trong nhà hàng*

- Các vi khuẩn, nấm mốc tồn tại ở các thức ăn ôi thiu không đảm bảo vệ sinh, gia súc, gia cầm nuôi nhốt, các loại côn trùng: gián, chuột, kiến, ruồi,...

#### **2.3.2. Yếu tố gây nguy hiểm trong nhà hàng**

- Điều kiện làm việc chật chội, trơn trượt trong nhà hàng.
- Chập điện, hỏa hoạn trong nhà hàng.
- Cháy nổ vật dụng, nhiên liệu, gas, thuốc lá, giấy và rác trong nhà hàng.
- Thao tác thiếu chính xác khi sử dụng dụng cụ bếp.

#### **2.3.3. Yếu tố gây mất an ninh trật tự trong nhà hàng**

Đôi khi nhà hàng là nơi xảy ra bạo loạn bởi những phần tử xấu với những hành vi như: khủng bố, đe dọa, cướp bóc, trộm cắp, tấn công cá nhân (đánh nhau, cãi nhau,...) hoặc khách sử dụng ma túy trong nhà hàng. Những điều này gây ảnh hưởng mạnh đến tâm lý của khách, khách

có thể bị hoang mang, lo sợ khi bị đe dọa, cướp bóc hoặc có thể cảm thấy chán nản khi ăn uống tại nơi có xây xa cái vĩa, ầu đả.

### **3. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VỆ SINH, AN TOÀN TRONG NHÀ HÀNG**

#### **3.1. Phòng chống ngộ độc thực phẩm**

##### **3.1.1. Nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm**

*Ngộ độc thực phẩm là bệnh cấp tính xảy ra do ăn phải thức ăn bị nhiễm khuẩn, độc tố của vi khuẩn hay thức ăn có chứa các chất có tính chất độc hại với người ăn. Bệnh thường xảy ra có tính chất đột ngột, nhiều người cùng mắc phải do ăn cùng một loại thức ăn, có những triệu chứng biểu hiện của một loại bệnh cấp tính như: nôn mửa, ỉa chảy, ... kèm theo các triệu chứng khác tùy từng loại ngộ độc.*

- Ngộ độc thực phẩm do vi khuẩn bao gồm: ngộ độc thức ăn do vi khuẩn Salmonella, ngộ độc thức ăn do vi khuẩn Ecoli, ngộ độc thức ăn do tụ cầu khuẩn,...

- Ngộ độc thực phẩm không do vi khuẩn bao gồm: ngộ độc thực phẩm “lạnh”, là hiện tượng dị ứng do quá mẫn cảm thường do tôm, cua, cá, ốc, nhộng,... chỉ gặp ở một số người có cơ địa dị ứng tự nhiên; ngộ độc thức ăn do bản thân thực phẩm có chất độc tự nhiên như: nấm độc, khoai tây mọc mầm, sắn, cá nóc, cóc,...; ngộ độc thực phẩm do ăn thức ăn bị nhiễm độc chất từ môi trường bên ngoài vào do quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm. Thuộc loại này gồm có độc tố vi nấm, hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất và chất phụ gia cho thêm vào thức ăn, bao bì đóng gói,...

##### **3.1.2. Biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm**

Biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm ở đây đề cập đến là phải phòng chống từ khâu vận chuyển thực phẩm, bảo quản thực phẩm, sử dụng nguyên liệu, khâu sơ chế nguyên liệu, chế biến nguyên liệu cho đến khâu chuyển giao sản phẩm tới cho khách.

###### **a. Biện pháp vận chuyển thực phẩm**

- Thực phẩm cần được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dùng, hoặc đựng trong hòm riêng biệt.

- Đối với thức ăn chín phải vận chuyển bằng xe riêng. Đối với thực phẩm dễ ôi thiu như: sữa tươi, thịt, cá phải vận chuyển hàng xe lạnh hay phương tiện kỹ thuật riêng.

- Thùng xe phải sạch được làm hàng vật liệu dễ cọ rửa. bền hoá học và không làm biến đổi chất lượng thực phẩm, không gây ô nhiễm thực phẩm và không gây hại cho người tiêu dùng. Tốt nhất là nên làm bằng thép không gỉ (inox). Thùng xe phải được làm sạch trước và sau khi vận chuyển thực phẩm bằng nước có pha chất sát khuẩn rồi lau khô.

- Khi chất xếp thực phẩm phải đảm bảo thực phẩm tươi, khô, sống, chín riêng biệt, không để ảnh hưởng đến phẩm chất, mùi, vị của thực phẩm.

- Khi vận chuyển thực phẩm phải thực hiện chế độ che chắn để chống nhiễm độc, bụi, ruồi. Những thực phẩm vận chuyển bằng xe lạnh phải đảm bảo nhiệt độ không quá 5°C, thời gian vận chuyển không quá 48 giờ vào mùa hè và không quá 72 giờ vào mùa đông. Đồng thời phải thường xuyên kiểm tra chất lượng thực phẩm để xử lý kịp thời.

- Toàn bộ các loại thực phẩm phải mua từ các nguồn tin cậy. Các loại rau sạch và thịt đã qua kiểm tra, các loại đồ hộp còn hạn sử dụng.

*b. Biện pháp bảo quản thực phẩm*

Bảo quản thực phẩm là việc điều khiển hoặc loại trừ các quá trình sinh hóa và các quá trình khác xảy ra do vi khuẩn, enzym, bằng cách khống chế các điều kiện phát triển của chúng đồng thời ngăn ngừa sự xâm nhập của các yếu tố gây hư hỏng từ môi trường vào thực phẩm.

Có nhiều phương pháp để bảo quản thực phẩm như: bảo quản thực phẩm bằng nhiệt độ cao, nhiệt độ thấp, muối đường, xông khói, rút nước,... Tùy theo từng loại thực phẩm mà có phương pháp bảo quản thích hợp.

+ Đối với các loại rau, củ, quả nên bảo quản ở kho mát với nhiệt độ khoảng 18°C, các loại rau, củ, quả được xếp lên giá, không xếp chồng lên nhau và cần có tủ lưới để lưu thông khí lạnh về bảo quản thực phẩm được tốt hơn.

+ Các loại thịt, trứng và chế phẩm từ chúng nên bảo quản ở tủ lạnh, kho lạnh với nhiệt độ dưới 7°C.

+ Một số thực phẩm dễ hư hỏng như thịt, cá, sữa tươi, kem, bơ,... bảo quản ở kho đông lạnh với nhiệt độ từ -10°C đến -18°C.

- Thực phẩm bảo quản trong kho lạnh, không được chất xếp quá dày để đảm bảo lưu thông không khí lạnh và sắp xếp thực phẩm sống, chín riêng biệt. Những nguyên liệu dễ bắt mùi như chè, cà phê, thuốc lá,... phải được đựng trong túi nilong hay để trong hộp, thùng có nắp đậy kín, để riêng biệt từng loại tránh làm cho thực phẩm bị mất mùi, ngoài ra cần có đèn chống ẩm với các loại hàng hóa này.

- Tủ lạnh, kho lạnh phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm ổn định. Hàng hóa bảo quản trong kho cần được bao bọc một cách kỹ lưỡng.

- Kho chứa thực phẩm phải đảm bảo thoáng, sạch, kín.

- Nếu dùng các loại hóa chất bảo quản thực phẩm thì chỉ dùng những loại được cho phép với hàm lượng hợp lý.

- Các dụng cụ chứa đựng trong kho cần có đủ nắp đậy và có ký hiệu rõ ràng.

- Kho phải có nội quy và đủ các dụng cụ phòng chống chuột, ruồi, gián, kiến.

- Nhân viên phụ trách kho phải có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn và sử dụng các thiết bị bảo hộ cần thiết như: quần áo, găng tay, ủng, khẩu trang,...

*c. Đối với việc sử dụng nguồn nguyên liệu thực phẩm.*

- Không sử dụng súc vật ốm, chết, ôi thiu và hoa quả nhiễm hóa chất bảo quản thực phẩm, nhiễm chất kích thích để chế biến. Kiểm tra thực phẩm tại nơi sản xuất, giao nhận thịt (nơi giết thịt), kiểm tra vệ sinh thú y của thịt và chế độ vệ sinh thú y ở thị trường (nếu thực phẩm mua ngoài thị trường). Kiểm soát vệ sinh ở nơi sản xuất và mua bán sữa.

- Nước được dùng trong chế biến thực phẩm phải đảm bảo nước sạch. Đối với đồ hộp nếu bị phồng, không được sử dụng để chế biến hay trực tiếp phục vụ khách ăn uống.

- Bảo quản lạnh thức ăn chín và nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến có tác dụng ức chế sự phát triển của vi khuẩn. Đảm bảo thời gian cất trữ thức ăn đã chế biến và các nguyên liệu.

*d. Đối với khâu sơ chế thực phẩm*

Giết mổ thực phẩm đúng kỹ thuật, tắm sạch con vật, thiết bị, dụng cụ giết mổ phải sạch, có đầy đủ các chất làm sạch thực phẩm như: nước sạch muối, gừng... khu vực sơ chế phải sạch, rửa nguyên liệu phải nhanh đúng kỹ thuật, không ngâm lâu nguyên liệu trong nước bẩn. Đối với cá, cần sơ chế khi cá còn tươi, bỏ ruột, bỏ mang, vây rửa sạch mới đưa đi ướp lạnh.

*e. Đối với khâu chế biến và bảo quản thực phẩm*

Thực phẩm chế biến nhiệt phải được đun chín đảm bảo độ nóng diệt khuẩn trong khoảng thời gian nhất định, cần duy trì ở nhiệt độ 100°C trong thời gian 30 phút, nếu nhiệt độ 120°C cần đun trong thời gian tối thiểu là 15 phút. Những thức ăn chế biến xong có thể giữ nóng ở 60°C còn những thức ăn được bảo quản đến nhiệt độ bên trong đạt khoảng 70 - 80°C. Tóm lại, đối với người ăn thì nên ăn nóng và ăn chín không nên ăn sống, các món tái, gỏi cá, gỏi tôm, tiết canh, thức ăn chế biến sẵn dùng nhiều đến hoá chất, không hợp vệ sinh... để hạn chế hiện tượng ngộ độc thực phẩm.

*f. Đối với khâu chuyển giao sản phẩm cho khách*

Thức ăn chế biến xong trước khi chuyển giao tới cho khách phải đảm bảo đựng vào dụng cụ sạch, có che đậy cẩn thận. Khi bung bê nhân viên không chạm tay vào thức ăn, không chồng các đĩa thức ăn lên nhau, khi phục vụ đến bánh ngọt và khi chia suất ăn cho khách nhân viên phải dùng dụng cụ chuyên dùng, không dùng tay.

**3.2. Biện pháp phòng chống tai nạn lao động trong nhà hàng**

Tai nạn thường xảy ra do kết quả của sự cẩu thả, thiếu tập trung lơ đãng hay sai sót. Theo kinh nghiệm chung thì tai nạn không tự xảy ra - chính con người gây ra tai nạn. Trong nhà hàng những tai nạn thường xảy ra đó là: bị vấp ngã, bị bỏng, bị trầy xước cơ thể, đứt tay, bị điện giật, bị nghẹn thức ăn, hóc xương...

Nguyên nhân chủ yếu gây ra tai nạn đó là: do làm tràn nước, đổ vỡ, có vật cản trên đường đi, sàn nhà ướt, cửa sổ mở vướng, chạy thay bằng đi bộ, sử dụng máy móc mà chưa được đào tạo về cách vận hành, vào khu vực không được phép như khu vực điện/gas, tay ướt chạm vào ổ cắm điện. sử dụng máy móc không đủ tiêu chuẩn làm việc, sờ tay vào trong khi máy đang vận hành, sử dụng dụng cụ bếp không chính xác... Muốn ngăn chặn tai nạn điều đầu tiên là người lao động cần phải nâng cao tính cẩn thận trong quá trình làm việc, còn đối với nhà hàng cần có biển báo an toàn để khuyến cáo mọi người tránh được những nguy hiểm đó.

- Biện pháp hạn chế đổ vỡ và vấp ngã trong nhà hàng.

+ Nhặt tất cả mọi thứ rơi trên sàn nhà, không được đặt vật gì lên cầu thang gây trở ngại đường đi, thu dọn tất cả các mảnh thủy tinh vỡ và cần gói vào giấy trước khi vứt đi.

+ Tránh để sàn nhà bị ẩm ướt, trơn trượt. Nền nhà phải bằng phẳng không quá trơn, dễ trượt, không có bậc cao thấp, có độ nghiêng cần thiết để không đọng nước. Nhân viên phục vụ không được chạy trong quá trình làm việc, đi giày thích hợp, đế không trơn, giày không cao quá 3cm.

+ Khi dùng thang cần đảm bảo thang đứng trong tình trạng an toàn.

+ Đóng chặt tất cả cửa sổ một cách an toàn trước khi lau. Không được dựa lưng vào cửa sổ khi lau dọn sẽ gây mất thăng bằng và ngã.

+ Báo cáo những sai sót về bảo dưỡng có thể gây mất an toàn ví dụ thảm rách, sàn nhà bị hỏng, cầu thang hỏng...

+ Đèn yếu, cháy hỏng cần thay ngay bóng đèn mới, không được cản trở tầm nhìn bằng những vật khác.

+ Không được bê quá nặng (quá 25kg), nhà hàng nên trang bị xe đẩy.

+ Khi đặt các khay đựng thức ăn hoặc đồ thủy tinh, sành sứ lên bàn không được để chia ra ngoài để gây đổ vỡ; quai tách, ấm hướng vào phía trong. Dụng cụ cao nặng xếp vào phía trong; dụng cụ thấp, nhẹ xếp bên ngoài, khay cần có khăn lót tránh sự xô trượt dụng cụ.

+ Không được sờ tay vào bề mặt đồ vật mà không thể nhìn thấy, không có sự kiểm tra trước vì có thể có đinh thò ra hay kính vỡ.

+ Khi lau bụi trên cao, thang phải kê chắc chắn, tránh để mất thăng bằng.

+ Khi lau ly thủy tinh, tránh ấn mạnh tay làm vỡ ly khiến các mảnh thủy tinh đâm vào tay. Các bề rửa bát cần nhẵn không có gờ để tránh bị xước tay trong quá trình sơ chế.

+ Lối vào, lối ra cần riêng biệt để tránh va quật đồ vỡ, vấp ngã.

- Biện pháp hạn chế bị bỏng

+ Tránh để va chạm tay trực tiếp vào dụng cụ nóng, chất là chảo dầu, mỡ còn đang sôi, không đưa tay ngang qua chỗ tỏa nhiệt.

+ Không nên bê chảo nóng, nồi xoong nóng quá nặng.

+ Khi cho thức ăn vào chảo rán đang nóng cần nhẹ tay, tránh để dầu bắn vào tay gây bỏng.

+ Chảo rán cần phải khô trước khi cho dầu, mỡ và nguyên liệu cũng cần phải khô ráo trước khi cho vào chảo để tránh dầu, mỡ bắn lên gây bỏng.

+ Tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động và sử dụng trang thiết bị lao động đúng mục đích.

### **3.3. Biện pháp phòng chống hỏa hoạn trong nhà hàng**

Có bốn tác nhân cơ bản gây hỏa hoạn đó là: oxy, nhiên liệu, sức nóng và các cơ hội tình cờ gây hỏa hoạn.

Mẫu thuốc lá và que diêm vứt ra không được quét sạch cuối ngày làm việc là một nguyên nhân phổ biến gây hỏa hoạn ở nhiều nhà hàng. Khi bị mắc vào những chiếc ghế bọc đệm, hay nằm trên một tấm thảm, chúng có cơ hội cháy âm ỉ mà không bị phát hiện. Các nguyên nhân chính khác của hỏa hoạn là các thiết bị đun nấu, các lỗi về điện, kho chứa rác và các thiết bị gia nhiệt (bao gồm cả bếp lửa).

#### **3.3.1. Biện pháp phòng chống hỏa hoạn do chập điện**

- Khi cắm phích điện cần chú ý, không chạm ngón tay vào phần kim loại tiếp xúc trực tiếp với điện.

- Bảo vệ phích cắm, ổ cắm không được tiếp xúc với nước và những nơi dễ hút cháy, đặc biệt là các vật liệu dễ cháy như giấy, thảm,...

- Luôn kiểm tra các thiết bị điện: Những ổ cắm, phích điện cần phải được bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và tuyệt đối không dùng thiết bị điện hỏng, bị lỗi. Không được dùng máy hút bụi khi dây bị sơn, bị hỏng.

- Không dùng điện quá tải.

- Cần kiểm tra kỹ lưỡng dụng cụ cách điện, kiểm tra kỹ hệ thống điện như: đường dây trần, cầu dao điện, phương tiện bảo hộ cá nhân khi sửa chữa.

- Không đặt dây điện ở những nơi dễ bị vướng mắc khi đi lại.

- Hết ca làm việc cần ngắt tất cả các thiết bị điện (trừ tủ lạnh).

- Khi làm vệ sinh thiết bị điện và khi xử lý tình huống khi có chập điện cần bình tĩnh dập cầu dao, dùng bình khí CO<sub>2</sub> để dập cháy, tuyệt đối không dùng nước để dập lửa cháy, không dùng chăn ướt, không dùng xô cát vì dễ gây ra chập điện, thao tác cần phải bình tĩnh nhưng phải nhanh chóng để tránh trường hợp nổ điện.

### **3.3.2. Biện pháp phòng chống hỏa hoạn do nổ vật dụng, nhiên liệu**

- Nhà hàng cần tự động hoá các khâu phòng chống tai nạn nguy hiểm.

- Lắp đặt hệ thống thiết bị chống cháy lan trong đường ống dẫn xăng dầu, khí đốt, các chất phụ trợ, các chất cháy nổ, cách ly các thiết bị hoặc công đoạn có nhiều nguy cơ cháy nổ với khu vực sản xuất hình thường, có nhiều người làm việc.

- Nhân viên cần phải biết rõ sơ đồ, chỗ để và cách sử dụng các thiết bị chữa cháy như: hình cứu hỏa, hệ thống cứu hỏa, đèn hiệu, chuông cứu hỏa.

- Không để các vật dễ gây cháy gần với khu vực phát nhiệt (bếp, thuốc lá cháy dở). Không hút thuốc ở khu vực cấm hút thuốc. Kiểm tra khu công cộng nếu thấy có khói, dập tắt ngay; không vứt mẩu, tàn thuốc xuống sàn.

- Khu vực cầu thang, lan can và các lối thoát hiểm cần thông thoáng, không để vật cản trở tắc nghẽn như: xe đẩy, khay, tủ, các hộp và không mở cửa để chống lửa, chống khói.

- Lắp cho bếp gas các thiết bị ngắt tự động khi gas bị xì, bị hỏng, cần lắp van an toàn cho các bếp, bình gas.

- Tránh để các vật liệu dễ cháy gần bình gas, bếp gas như: tàn thuốc lá, giấy, thảm len, dầu, cồn.

- Khi phát hiện thấy dây dẫn gas chớm cháy cần đóng van an toàn, dập tắt lửa ngay bằng tấm vải ướt, nước, bình xịt,...

### **3.4. Biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong nhà hàng**

- Tổ chức lực lượng thường trực bảo vệ nhà hàng 24 giờ/ ngày.

- Cần phải thực hiện đúng nội quy về an ninh, cụ thể là:

- + Hệ thống báo động phải luôn sẵn sàng.

- + Kiểm tra phòng vệ sinh ít nhất hai lần/ca làm việc.

- + Xuất trình giấy tờ với tất cả những người cung ứng dịch vụ...

- + Quản lý chặt chẽ lối ra vào, nhà kho, chìa khóa, hộp đựng tiền, két và các dụng cụ đáng ngờ khác,...

- + Đóng chặt cửa sổ tầng trên và khóa các lối đi sau (nhà bếp).

+ Không nên đánh đổi tánh mạng để bảo vệ tài sản và tiền mặt.

- Cần có biện pháp bảo quản cụ thể tài sản khách để quên tại nhà hàng. Khi khách bỏ quên tài sản cần ghi lại nơi bỏ quên tài sản ở nhà hàng, ghi ngày và thời gian tìm thấy, tên người tìm thấy, ghi sổ theo quy định của nhà hàng (sổ ghi chép tài sản khách bỏ quên), khi có người xin hỏi lại cần yêu cầu mô tả lại đặc điểm của tài sản đó, luôn kiểm tra cùng người giám sát.

### **3.5. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng**

Việc vệ sinh sạch sẽ khách sạn sẽ giúp duy trì hình ảnh, tạo được ấn tượng và thu hút khách hàng tốt hơn. Do vậy, nhu cầu vệ sinh mọi khuôn viên, vị trí bên trong khách sạn như hành lang, buồng phòng, các thiết bị, đồ đạc là rất quan trọng và cần thiết.

Quá trình tiến hành vệ sinh và làm sạch đòi hỏi phải tỉ mỉ và hiểu rõ chi tiết về từng loại hóa chất tẩy rửa cụ thể. Với khuôn viên sạch sẽ, thơm tho sẽ khiến cho khách hàng cảm thấy thoải mái, ấn tượng với vẻ đẹp của khách sạn, nhà hàng. Một số lợi ích khi vệ sinh sạch sẽ khách sạn nhà hàng đó là:

- Làm nổi bật hình ảnh của khách sạn đối với phía khách hàng, phô trương hình thức, giới thiệu hình ảnh thương hiệu vươn xa ra thị trường.

- Tẩy sạch vết bẩn trong bộ phận buồng phòng giúp duy trì được sự tươi mát, mới mẻ đối với các trang thiết bị đồ vải, dụng cụ trong phòng.

- Môi trường sạch đẹp làm giảm nguy cơ mắc các bệnh tật cho vi khuẩn tồn tại ngoài môi trường, nơi nghỉ dưỡng. Với những chất tẩy rửa phù hợp, các vết bẩn sẽ được đánh bay nhanh chóng.

Tùy vào từng khu vực cụ thể và việc vệ sinh thiết bị nhà hàng khách sạn sẽ áp dụng những phương pháp khác nhau để đảm bảo hiệu quả. Do vậy, việc xác định phương pháp vệ sinh phù hợp với mỗi vị trí là điều quan trọng và không nên bỏ qua. Nguyên tắc làm sạch vết bẩn chủ yếu bằng những phương pháp dưới đây:

- Rửa: Sử dụng chất tẩy rửa và nước để vệ sinh.

- Cọ xát: Dùng máy chà sàn hoặc hoá chất để làm sạch và đánh bóng bề mặt phẳng của sàn.

- Hút: Dùng máy hút bụi đánh bay bụi bẩn ở các ngõ ngách, góc hẹp.

- Áp lực nước: Dùng áp lực nước để làm sạch các bụi bẩn trên bề mặt.

- Quy trình vệ sinh công cụ thiết bị dụng cụ nhà hàng đầy đủ phải bắt đầu trước ca làm việc đến khi kết thúc. Cụ thể như dưới đây:

#### **a. Trước ca làm việc**

Trước khi bắt đầu ca làm việc của mình, nhân viên bếp cần đảm bảo vệ sinh trước khi bắt đầu vào việc chế biến thức ăn cho khách hàng. Quy trình vệ sinh dụng cụ nhà hàng bao gồm những công việc chính sau đây:

- Lấy một miếng vải hoặc miếng bọt biển sạch để lau sạch tất cả các bề mặt bằng chất tẩy rửa kháng khuẩn an toàn thực phẩm.

- Tiến hành làm sạch bồn rửa, vòi và trạm rửa tay.

#### b. Trong ca làm việc

- Chải vỉ nướng sạch sẽ để loại bỏ dầu mỡ và các mảnh vụn thức ăn giữa các lần chế biến món ăn.
- Làm sạch thớt, dao giữa các lần chế biến.
- Đảm bảo rác được dọn dẹp sạch sẽ bởi thùng tràn có thể dẫn đến ô nhiễm.
- Chất thải phải được dọn sạch sẽ càng sớm càng tốt, thay vì để đến lúc hết ca làm việc.

#### c. Sau khi hết ca làm việc

- Thay khăn lau và miếng bọt biển khi thấy chúng không còn đủ sạch để sử dụng.
- Loại bỏ tạp dề bẩn, đặt chúng vào một khu vực riêng để sẵn sàng giặt giũ.
- Quét và lau sàn khu vực bếp, lưu trữ thức ăn bằng chất khử trùng hoặc chất tẩy rửa sàn.
- Thay dụng cụ nhà hàng mới thay cho các dụng cụ cũ

### 3.6. Các biện pháp khác đảm bảo vệ sinh và an toàn trong nhà hàng

- Đối với chủ nhà hàng, cửa hàng ăn uống phải nâng cao đạo đức kinh doanh, thực hiện tốt các quy định của pháp luật khi kinh doanh, chế biến thực phẩm. Đăng ký đầy đủ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thiết kế, bố trí khu vực chế biến hợp lý, đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, cách biệt với nguồn ô nhiễm.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết phục vụ quá trình chế biến, phục vụ, đảm bảo yêu cầu vệ sinh thực phẩm.

- Có nguồn cung ứng nguyên liệu chế biến thực phẩm rõ ràng, an toàn.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức và cung cấp các tài liệu liên quan đến vệ sinh an toàn định kỳ cho nhân viên theo quy định.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên hoặc yêu cầu nhân viên cơ sở khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Giám sát tình trạng sức khỏe của nhân viên, kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh, nghi ngờ mắc bệnh để yêu cầu nhân viên ngừng việc hoặc thực hiện các biện pháp xử lý, tránh lây nhiễm, ảnh hưởng đến nguồn thực phẩm.

- Giám sát, nhắc nhở nhân viên thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tự giác, nghiêm túc thực hiện chế độ tự kiểm tra ba bước tại nhà bếp: Kiểm tra nguồn nguyên liệu thực phẩm nhập vào; kiểm tra thực phẩm từ quá trình sơ chế biến cho đến khi ăn; kiểm tra mẫu thức ăn lưu.

## 4. CÁC THỨC XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ XẢY RA TRONG NHÀ HÀNG

Trong quá trình làm việc tại nhà hàng nếu thấy có những sự cố xảy ra như: tai nạn, cháy nổ,... nhân viên nhà hàng cần báo ngay cho người giám sát biết, ghi lại các thông tin chi tiết sau đây: Tai nạn/ vụ cháy xảy ra như thế nào? Ở đâu? Ghi chi tiết những thiệt hại cụ thể: bị bỏng, bị thương về người hay đồ vỡ,... ghi họ tên nhân chứng, thời gian, ngày tháng xảy ra tai nạn, vụ cháy, nguyên nhân từ đâu (nếu phát hiện thấy). Những thông tin này sẽ rất cần thiết cho người giám sát để báo cáo cấp trên và đặc biệt khi có yêu cầu từ phía công ty bảo hiểm.

#### 4.1. Xử lý tình huống khi có hỏa hoạn

- Ấn chuông báo động, thông báo cho quản lý, nhân viên và khách một cách nhanh chóng.
- Gọi bộ phận chữa cháy bằng đèn báo động, điện thoại hay thông qua lễ tân gọi trực ban.
- Giúp khách sơ tán, không được dùng thang máy, không được qua vôi vàng, không dừng lại thu nhật đồ cá nhân.
- Kiểm tra, đảm bảo tất cả mọi người thoát khỏi nhà hàng. Mọi người phải tập trung tại một nơi an toàn, dễ tập hợp.
- Đóng cửa ra vào và cửa sổ thật chặt.
- Dập lửa bằng phương tiện thích hợp, tùy vào loại phương tiện cháy mà chọn phương pháp dập lửa. Cụ thể là:
  - + Thiết bị phun nước: phù hợp với đám cháy từ gỗ, vải, giấy....Hướng tia phóng vào gốc của đám cháy có gỗ, giấy; giữ nó chuyển động dọc theo khu vực có đám cháy. Sau khi đám cháy chính đã bị dập tắt, phun lại các chỗ còn nóng tránh hiện tượng cháy âm ỉ, khó phát hiện. Nếu đám cháy bốc thẳng, tấn công đám cháy ở điểm thấp nhất sau đó bám đứng lên. Không sử dụng thiết bị phun nước để dập lửa khi đám cháy từ điện hoặc dầu mỡ.
  - + Thiết bị dập lửa bằng CO<sub>2</sub> : phù hợp với các đám cháy có chất lỏng dễ cháy ( dầu, mỡ,...). Hướng phễu vào gốc của đám cháy, giữ tia phóng chuyển động dọc theo khu vực cháy; không đung vào phễu phóng vì sẽ bị bỏng lạnh. Thông gió khu vực ngay khi đám cháy bị dập tắt.
  - + Thiết bị phun bột: phù hợp với các đám cháy có giấy, gỗ, vải. Đứng cách phía sau và quét tia phóng từ bên này sang bên kia. Đối với các đám cháy trong xe hàng, hướng tia phóng vào gò bên trong, không hướng bột trực tiếp vào chất lỏng đang cháy, tránh trường hợp nó làm chất lỏng lan xa hơn.
  - + Thiết bị dập lửa bằng bột: phù hợp với chất lỏng dễ cháy (dầu, mỡ,...). Hướng vào gốc của đám cháy, chuyển động dọc theo khu vực cháy cho đến khi đám cháy tắt. Nếu đám cháy là do thiết bị điện, cần ngắt thiết bị điện ra khỏi mạng điện và hướng tia phóng vào dập lửa.
  - + Chắn chống cháy: phù hợp khi dập đám cháy nhỏ có chất lỏng như chảo rán hoặc quần áo đang cháy. Chùm chắn lên đám cháy, không để ngọn lửa hướng về phía có người. Nếu đám cháy là quần áo thì chùm chắn xung quanh khu vực cháy nhưng không trùm lên mũi của nạn nhân, lẫn nạn nhân trên sàn.
- + Vòi cứu hỏa: phù hợp với đám cháy từ gỗ, giấy, vải. Tháo cơ cấu khóa trên cuộn vòi, mở van để cho nước vào vòi, lấy độ dài cần thiết từ vòi đến đám cháy. Hướng tia nước tới gốc của đám cháy và di chuyển dọc qua đám cháy.

#### 4.2. Xử tình huống bị điện giật

- Cắt nguồn điện, nếu không ngắt được nguồn điện thì dùng găng tay cao su, ủng cao su, tất vải khô hoặc đứng lên ván gỗ khô, dùng gậy tách nạn nhân ra khỏi dây điện.
- Đưa nạn nhân vào nơi an toàn, kiểm tra độ tỉnh táo.
- Để nạn nhân ngồi nghỉ ở trạng thái an toàn khi nạn nhân còn tỉnh.
- Hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không còn thở.
- Kết hợp hô hấp và ép tim ngoài lồng ngực nếu mạch ngừng đập.

- Đưa đi bác sĩ nếu cần thiết.

#### **4.3. Xử lý tai nạn đứt tay và những vết xước nhỏ**

- Rửa sạch vết đứt, vết xước và băng bó lại. (Chú ý không buộc quá chặt).
- Nếu sau khi băng bó vẫn còn chảy máu dai dẳng, hãy dùng một loại băng gạc sạch buộc vết thương chặt hơn, nếu không đỡ có thể dùng nẹp buộc chặt.
- Nếu nghi ngờ vết thương thì nên đi khám bác sĩ.

#### **4.4. Xử lý tai nạn là những vết bỏng nhẹ**

- Đưa chỗ bị bỏng vào vòi nước đang chảy chậm hoặc ngâm trong nước lạnh, nước đá.
- Nhẹ nhàng tháo các vật dụng cá nhân (nhẫn, đồng hồ, thắt lưng, dây,...) ở chỗ bị bỏng trước khi nó sưng lên. Nếu bỏng nặng khi đang mặc quần áo thì không cởi quần áo mà làm lạnh trên quần áo sau đó dùng gạc băng bó vết thương.
- Khi bị bỏng không nên dùng băng dính bó.
- Không dùng mỡ, thuốc mỡ, thuốc ngứa hoặc thoa kem vào vết bỏng.
- Sau khi bị bỏng một thời gian, vết bỏng sẽ rộp lên. Khi đó không được làm vỡ chỗ rộp lên đó nếu không sẽ dễ gây ra nhiễm trùng.
- Nếu vùng bỏng lớn, cần chuyển ngay bệnh nhân đi bệnh viện.

#### **4.5. Xử lý tai nạn nghẹn thức ăn, hóc xương**

Khi khách ăn bị nghẹn thức ăn không thể ho, không thể nói và khó thở thì nhân viên cần nhanh chóng gọi cho đội cứu thương, trong lúc chờ đợi đội cứu thương thì có thể chữa trị cho khách như sau:

- Ấn liên tục 4 lần nhanh và mạnh về phía sau lưng của nạn nhân, sử dụng cùi tay thuận đánh thật nhanh, đủ mạnh và chính xác vào giữa hai xương bả vai, đồng thời một tay đỡ ngực nạn nhân.
- Nếu cách đó không thành công thì tiếp tục ấn 4 lần thật mạnh vào bụng, hướng vào phía trong bụng nạn nhân: đứng đằng sau nạn nhân, choàng hai tay ôm eo nạn nhân; hai tay nắm chặt lấy nhau và để phần cuối ngón cái gần cổ tay ở giữa eo và khung xương sườn, sau đó ấn mạnh nhanh 4 lần liên tiếp hướng lên trên vào trong bụng.
- Đối với nạn nhân quá béo và phụ nữ mang thai thì ấn mạnh vào ngực về phía sau bằng cách đứng đằng sau, quàng hai tay dưới nách nạn nhân, nắm chặt hai tay và để phần cuối ngón cái gần cổ tay để giữa xương ngực rồi ấn nhanh mạnh hướng về phía sau.
- Nạn nhân là trẻ con đang ăn bị hóc và ngừng thở thì khẩn trương úp mặt nạn nhân xuống qua hai đầu gối rồi ấn mạnh, nhanh vào lưng, ở giữa hai xương bả vai.
- Kiên trì làm các động tác như vậy trong lúc chờ đợi cứu thương.

#### **4.6. Xử lý tình huống bị bong gân**

- Để cho chỗ bị bong gân vào vị trí thoải mái, chắc chắn.
- Dùng gạc để băng bó khớp xương.
- Nếu bong gân ở mắt cá chân thì dùng băng gạc băng bó toàn bộ bàn chân và đưa đi cấp cứu.

#### **4.7. Xử lý tình huống khách bị ngất, choáng**

- Khách bị choáng hãy cho khách ngồi xuống, ngã đầu về phía trước giữa hai đầu gối và yêu cầu nạn nhân hít thở thật sâu.
- Nếu nạn nhân bất tỉnh nhưng vẫn thở bình thường thì cho nạn nhân nằm xuống và giơ hai chân nạn nhân lên. Sau đó tháo bỏ quần áo nịt chặt ở ngực, eo, cổ,... để giúp cho việc lưu thông máu và giúp cho nạn nhân có thể thở được một cách dễ dàng. Động viên an ủi nạn nhân khi tỉnh lại và từ từ đỡ nạn nhân ngồi dần lên.
- Không cho nạn nhân ăn gì cho đến khi nạn nhân hoàn toàn tỉnh, khi nạn nhân tỉnh cho uống nước lạnh từ từ từng hớp một. Không được cho nạn nhân uống rượu.
- Nếu thấy nạn nhân không đỡ thì nên đưa nạn nhân đến bác sĩ.

### **B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH**

1. Tại sao phải giữ vệ sinh trong nhà hàng?
2. Em hãy nêu yêu cầu của vệ sinh thực phẩm trong nhà hàng?
3. An toàn trong nhà hàng là gì? Liệt kê các yếu tố gây mất an toàn trong nhà hàng?
4. Khi nhà hàng xảy ra hỏa hoạn, là 1 nhân viên làm việc trong nhà hàng anh chị sẽ xử lý tình huống như thế nào?
5. Trình bày cách thức xử lý khi khách bị nghẹn thức ăn, hóc xương

### **C. GHI NHỚ**

Sau khi học xong chương này người học cần ghi nhớ:

- Vệ sinh trong nhà hàng;
- An toàn trong nhà hàng;
- Biện pháp đảm bảo vệ sinh, an toàn trong nhà hàng;

Cách thức xử lý các sự cố xảy ra trong nhà hàng.

## HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔN HỌC

### I. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

- Vị trí: Môi trường an ninh và an toàn trong du lịch là môn học cơ sở nghề và là môn học bắt buộc, được giảng dạy độc lập trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Quản trị khách sạn; nghề Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.

- Tính chất: Môn học này có 2 phần: phần lý thuyết và phần thực hành. Phần lý thuyết có 15 giờ, phần thực hành có 54 giờ, được tổ chức giảng dạy tại phòng học lý thuyết có đầy đủ thiết bị dạy và học.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Môn học trang bị cho người học các kiến thức về Môi trường an ninh và an toàn trong hoạt động du lịch.

### II. Mục tiêu của môn học/mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được tầm quan trọng của môi trường đối với con người, của vệ sinh, an toàn đối với hoạt động du lịch;

+ Phân tích được thực trạng môi trường và môi trường du lịch tại Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Phân tích được các yếu tố của du lịch ảnh hưởng đến môi trường, từ đó đưa ra được một số biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường;

+ Thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường và đảm bảo vệ sinh, an toàn trong nhà hàng;

+ Phòng tránh được các loại tai nạn, sự cố trong du lịch;

+ Xử lý kịp thời các sự cố xảy ra.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thực hiện và tuyên truyền mọi người cùng thực hiện bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn trong lao động và an ninh trong du lịch và trong nhà hàng;

+ Có ý thức tự học, hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao;

+ Tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm

### III. Tài liệu tham khảo

[1]. Luật an toàn thực phẩm 2010.

[2]. Luật bảo vệ môi trường 2014.

[3]. Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015.

[4]. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 25/4/2012, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

[5]. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 14/2/2015, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

[6]. Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 01/07/2016, Quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế.

[7]. Nghị định số 39/2016/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 15/05/2016, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

[8]. Thông tư số 15/2012/TT-BYT của bộ Y tế, ngày 12/9/2012, Quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

[9]. Thông tư số 30/2012/TT-BYT của bộ Y tế, ngày 5/12/2012, Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố.